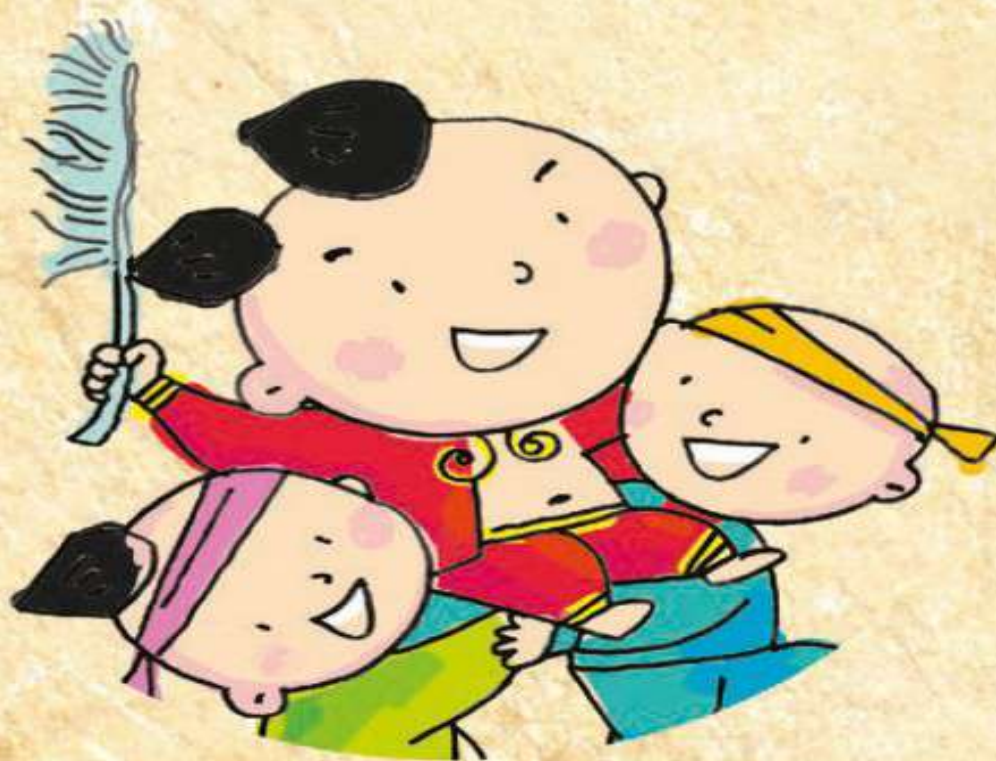


LÊ BÁ HIỀN

Thời niên thiếu
của các
Danh nhân
nước Việt



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

THỜI NIÊN THIẾU CỦA CÁC DANH NHÂN NƯỚC VIỆT



Biên soạn: Lê Bá Hiền

NXB Trẻ - 2012

ebook©vctvegroup

22-05-2018

ĐÌNH BỘ LĨNH



Trở về quê cũ

Từ Hoan Châu^[1] về đến châu Đại Hoàng phải đến ngoài năm trăm dặm đường, vậy mà bà Đàm thị và cậu con trai tên Hoàn^[2] chỉ bằng đôi chân, hết đi đường cái quan lại băng rừng vượt suối, trèo đèo leo dốc để trở về quê xưa. Sau cả chục ngày đường, cuối cùng họ đã gần đến đích... Qua khỏi một khúc ngoặt trên đỉnh đèo, trước mặt họ hiện ra một cảnh trí thiên nhiên tươi đẹp hùng vĩ vô cùng: bên dưới là những ruộng đồng xanh ngắt, chia ô như bàn cờ bởi bờ bao, đây đó nổi lên vài cụm thôn làng chi chít mái tranh, viền quanh là lũy tre đan khít như tường thành che chở, một con sông lấp lánh ánh bạc, ngoằn ngoèo uốn khúc, chảy mãi về phía xa tít tắp, nơi có dãy núi đá vôi lô nhô trập trùng, sừng sững oai nghi như bức bình phong chắn giữ vùng đất này...

— Dừng lại nghỉ đã con, sắp đến nơi rồi đấy!

Bà Đàm đặt quang gánh xuống, đứng lặng nhìn cảnh quê nhà, lòng bồi hồi xao xuyến lắm.

Cậu Hoàn, chỉ mới hơn mười tuổi nhưng đã trở vóc dáng như thiếu niên mười lăm mười sáu, đã có cơ bắp vạm vỡ chắc nịch. Cậu vác cây đòn xóc bằng thân tre già, quảy cặp bồ mây đan to dùng đựng hành lý đi cả chặng đường dài mà chẳng mấy mệt, nghe bảo thì cũng hạ bồ xuống, rồi chạy đến ôm vai mẹ, cùng ngắm:

— Quê mình đây hở mẹ?... Đẹp quá đi thôi, mà sao... con không nhớ nhỉ?

Bà Đàm quay nhìn con, cười bảo:

— Từ hồi con còn bé tí, mẹ đã ẵm bồng theo cha vào châu Ái tham gia trận mạc, rồi vào tận châu Hoan, con nhớ làm sao được?

— Ủ... nhưng mà ở trong ấy, con cũng thích lắm...

— Thích gì vậy?

— Thì... cha làm đến Thứ sử⁴³ mình được ở trong dinh cơ thành trì, được cha dạy chữ, được các chú Đô tướng Vệ tướng chỉ bày võ nghệ, binh thư... sao mình lại bỏ đi hờ mẹ?!

Bà Đàm buồn dầu dầu:

— Cha con mất rồi, mình đâu còn quyền hờ con...? Và, chẳng có ai thân quen nơi ấy, nên mẹ thấy về quê nhà là hơn.

Thấy mẹ buồn, Hoàn không dám hỏi nữa, cả hai lại quảy gánh đi tiếp...
Một đổi, chợt bà lại tươi nét mặt bảo:

— À,... mà ở quê, con còn một người chú ruột đấy!

Hoàn nghe vậy thì hớn hờ:

— Hay quá, chú tên gì, làm gì vậy mẹ?

— Ủm, chú tên Đinh Dự, là một hào trưởng (người có quyền lực nhất ở bản làng thời xưa) có tiếng ở Sách Bông...

— Mình đến gặp chú phải không mẹ?

— Ủ... mẹ cũng định vậy, “Sảy cha còn chú”, giờ chỉ còn chú ấy là người thân của con, mong là chú ấy nghĩ tình mà cho mẹ con ta nương thân.

Hoàn hăm hờ:

— Nhất định rồi, nhưng... còn bao xa hờ mẹ?

Bà Đàm giơ tay chỉ vùng đồng bằng rộng lớn phía trước, rải rác vài bản làng nằm kề dưới chân rặng núi đá bao quanh:

— Vùng này gọi là động Hoa Lư, nơi chôn nhau cắt rốn của con đấy, còn Sách Bông ở ngoài 20 dặm nữa...

— Vậy ta đi nhanh cho kịp mẹ à... xế chiều rồi đấy!

— Ủ, thì đi!

Hoàn hăng hái quảy bồ bước gấp hơn, bà Đàm gánh thúng theo sau, bóng họ đổ dài về phía trước trên con đường đất gập ghềnh, khiến nó chao động nhấp nhô uốn lượn như đùa giỡn thách thức bước chân hãy đua cùng bóng...

Họ càng bước nhanh hơn.

Lãnh địa chăn trâu

— Tù ù... òa... tu... u... oa...

Tiếng tù và trỗi lên trong không gian tĩnh lặng làm Hoàn giật mình tỉnh giấc, bên ngoài trời hãh còn tối đen và cậu đang say sưa ngủ vùi sau một ngày đường vất vả...

— Mình đang ở đâu vậy nhi?

Cậu tự hỏi rồi từ từ nhớ ra... Phải rồi, mãi tối qua mẹ con cậu mới tới được Sách Bông tìm gặp chú Đình Dự. Trông chú chẳng giống cha mấy tí, và cũng không mặn mà gì việc hai mẹ con đến đây. Chú đứng đưng ngời nghe mẹ kể chuyện cha qua đời, không có vẻ buồn hay có lời an ủi chia sẻ. Mãi lâu, chú mới nói:

— Nó còn nhỏ lắm, không giúp được việc gì ở đây đâu!

Mẹ ngồi chết lặng khi nghe chú từ chối khéo như thế, Hoàn tức lắm bật dậy tính kéo mẹ rời đi thì nghe tiếp:

— Thôi được, hiện ta còn vài mươi con trâu cần chăn dắt vỗ béo... Vậy, tạm thời giao cho nó.

— Ô... đa tạ chú đã nghĩ tình giúp cháu nó trong lúc khó khăn này...

Thấy mẹ mừng rỡ tạ ơn chú, Hoàn không nỡ làm phật lòng mẹ, dù trong thâm tâm, chẳng mấy thiện cảm ông chú với công việc miễn cưỡng này. Cậu nghĩ:

— Hừ, đường đường mang danh hào trưởng, hào phóng với ai, sao lại lạnh nhạt hắt hủi người thân đến vậy?!

— Sáng sớm mai, ta sẽ cho người dẫn đường đưa mẹ con chị vào Thung Lau ở động Hoa Lư, nơi ấy có cây bậ ngàn, hãh ở đấy mà chăn trâu...

Chú Dự còn dặn nhiều nữa, rồi mới cho họ nghỉ qua đêm ở một căn nhà sàn, bên trên chuồng trâu.

• • •

Tiếng vó ngựa lộp cộp, tiếng chân bước thậm thịch, Hoàn nhìn qua cửa liếp thấy chú Dự cưỡi ngựa, chung quanh là đoàn tùy tùng, người Kinh, người Thượng có cả, kẻ mặc áo chên kẻ vận khố, mang cung tên giáo mác như đoàn đi săn, giơ cao đuốc soi sáng cả vùng.

— Mẹ con thằng Hoàn đâu? Còn chưa dậy lửa trâu hả?

Hoàn nhảy phóc từ nhà sàn xuống, vòng tay thưa:

— Cháu đây ạ!

— Ừm... khá đấy! Chú có vẻ hài lòng, rồi chỉ một người Mường gánh hai thúng đây, bảo:

— Thằng này sẽ dẫn đường, ta đã chu cấp gạo muối đầy đủ, nhớ phải chăm sóc trâu cho béo tốt!

Hoàn vâng dạ, bấy giờ bà Đàm đã sắp xếp xong hành lý, cậu liền mở cửa chuồng, thấy một cái tù và và bộ gõ bằng hai đoạn tre treo ở đó, cậu vớ luôn, gõ lốc cốc, bày trâu ngoan ngoãn bước ra... Họ từ biệt chú rồi theo chân người Mường dẫn trâu đi. Chú Dự cũng khoát tay ra hiệu cho đám tùy tùng tiến vào rừng ở hướng ngược lại, bắt đầu cuộc săn...

• • •

Gần trưa thì đến Thung Lau, cảnh quan nơi đây hoang sơ mà đẹp tuyệt. Bốn bên đều là núi đá vôi hùng vĩ, đủ hình dạng linh thú, như voi châu hổ phục, che chắn cho chốn này tách biệt hẳn với thế giới bên ngoài. Ở giữa là thung lũng với những triền đồi thoai thoải, phủ lên bởi tấm thảm xanh đầy hoa cỏ tươi tốt, suối lượn quanh co. Và đặc biệt là cây lau mọc thành từng

vạt rậm rì, từ vách núi chạy dài xuống đồng cỏ, bông lau trắng đầu ngọn phất phơ nhịp nhàng theo gió, xa trông chẳng khác gì đoàn quân đang vẩy cờ tiến bước... Đàn trâu vừa thấy đồng cỏ xanh mướt đã thi nhau tản ra gặm cỏ, kêu ghé ọ... ghé ọ... đầy vẻ sung sướng.

— Miếu sơn thần trên kia, đất cao ráo bằng phẳng, ta dựng chuồng ở đó.

Người Mường chỉ rời đi trước dẫn đường, leo lên một đoạn dốc ngắn. Quả thật nơi ấy có ngôi miếu cổ rêu phong đổ nát, lưng dựa vào vách núi, đằng trước là bãi đất bằng rộng rãi, nhìn xuống bao quát cả thung lũng.

Trong khi bà Đàm quét dọn ngôi cổ miếu, thì Hoàn theo người kia đi chặt tre nứa, cây gỗ về dựng chòi, làm chuồng.

Mấy ngày sau, người Mường chia tay trở về Sách Bông khi mọi việc tạm ổn. Giờ thì mẹ con cậu đã có túp lều để trú nắng đụt mưa và bầy trâu cũng có chuồng rào ngay cạnh đó...

• • •

Gió ban mai mát rượi lướt trên đồng cỏ rập rờn, Hoàn nằm dưới gốc cây, lim dim mắt tính đánh một giấc cho đã đời, an nhàn thảnh thơi quá mà, trâu đang gặm cỏ dưới kia, còn cậu chẳng biết làm gì...

— Bọn bay ơi! Có kẻ lạ... xâm nhập này!...

Mới thiu thiu ngủ, Hoàn chợt giật mình vì tiếng thét lạnh lạnh của một thằng nhóc nào đó... Cậu nhìn quanh, kia rồi, một đứa trạc tuổi Hoàn miệng la í ới đang bỏ chạy về mé hữu, từ khe núi phía ấy có độ chục đứa nữa cõng trên lưng trâu đang tiến vào thung... Chúng dừng lại, xăm xì một đống rồi thúc trâu phóng rầm rập về phía Hoàn, trông thật hùng hổ...

— Họọ.... Họọ...

Bầy trâu nện móng guốc ầm ầm rung chuyển cả mặt đất, lao nhanh đến bên Hoàn rồi bỗng nghe hiệu lệnh dừng thì khựng ngay lại, gần đến nỗi hơi

thở phì phò tức giận từ mũi chúng phụt cả vào người Hoàn, làm lật phất áo quần nhưng cậu vẫn nằm yên...

— Khá, thằng này gan dạ đấy!

— Can đảm quá chứ...

Bọn nó lao nhao bảo nhau. Thằng dẫn đầu to lớn phốp pháp nhảy khỏi mình trâu, đứng chống nạnh quát hỏi:

— Thằng kia, mày tên gì? Từ đâu đến đây?

Hoàn chống tay nhồm dậy:

— Hỏi tên tuổi làm chi? Tao ở đây chứ đâu?

Bọn trẻ cười hí hớ vì câu trả lời chẳng đâu vào đâu, thằng cầm đầu tức giận nạt chúng:

— Im đi để tao tra hỏi nó chứ! Quay sang Hoàn, hỏi tiếp:

— Trâu đàng kia, của mày phải không?

Hoàn khoát tay một vòng, khinh khỉnh đáp:

— Nơi này mỗi mình tao, trâu chẳng của tao, thì của ai? Mày hỏi ngu thế?!

Lại một tràng cười khoái trá từ bọn nhóc, còn thằng to lớn càng tức tối, lồng lộn hét:

— Ai cho mày thả trâu ở đây, hử?

— Thằng này nói lạ, nơi này cỏ nhiều, cho trâu ăn tốt chứ sao.

— Hừ... Nhưng mà, Thung Lau này... là của tao! Mày không được đưa trâu vào, biết chưa?

Hoàn đứng dậy, đối diện nó, cũng chống nạnh bảo:

— Há há... Trừ đất làng, ruộng lúa, còn đồng cỏ núi đồi sông suối là của nhà vua, của triều đình, biết chưa? Bộ... mày là vua chắc?!

— Ừ... Ừ... ừ!

Thằng cầm đầu ghen hợm trước lý lẽ đúng đắn, còn bọn nhóc kia thì thích thú lắng nghe lối đối đáp thông minh dí dỏm của Hoàn. Rồi, thằng

đầu đàn tức quá hóa liều, hét:

— Ừ đấy! Tao... không khác vua là mấy! Tao là... thủ lĩnh chặn trâu ở Thung Lau này, muốn vào đây, phải xin phép tao, nghe chưa?

Hoàn bĩu môi, khoát tay:

— Chẳng cần phép tắc gì cả, tao “vào đây” rồi đấy thôi!

Thằng kia giận lắm rồi, hung dữ xăm đến:

— Á... à... Mày lì lợm nhỉ, để tao cho mày biết phép này...!

Nó vung quyền tính đấm Hoàn thì một thằng khác nhảy xổ vào giữa, giang tay ngăn:

— Khoan đã!

— Gì vậy, phó tướng? Thằng cầm đầu ngạc nhiên hỏi.

Hoàn thầm nghĩ: À, ra chúng cũng có tổ chức đấy chứ! Rồi quan sát thấy thằng phó, vẻ linh lợi hoạt bát hơn thằng cầm đầu hung tợn mà ngốc nghếch.

— Muốn nó tâm phục khẩu phục, thì phải... khiêu chiến cho đảng hoàng chứ...

— Là sao?... Tao không hiểu! Thằng chủ tướng gãi đầu, ngơ ngác.

Thằng phó cười, giảng giải:

— Chăn trâu cũng có khí phách anh hùng của chăn trâu, trước khi giao đấu, hai bên phải báo danh tính, và đấu phải có luật hẳn hoi chứ!

Bọn trẻ nhao nhao tán thành:

— Phải đó... thế mới anh hùng, đáng mặt thủ lĩnh chứ...!

Thằng phó quay sang Hoàn, giới thiệu:

— Tao họ Đinh, tên Điền, là phó tướng của nó.

Thằng to con vỗ ngực, ngoác miệng:

— Hè hè...còn tao là thủ lĩnh đám chăn trâu ở Thung Lá, họ Nguyễn, tên Bạc. Đến mày, báo danh đi!

Hoàn cười:

— Tao họ Đinh, tên Hoàn, vốn cũng sinh ra ở đất Hoa Lư này.

Cả bọn ò lên kinh ngạc, Điền này giờ rất có cảm tình với phong thái tự tin, chững chạc của Hoàn, nghĩ:

— Thăng này cùng họ, cùng quê với mình, không lẽ... có họ hàng? Mà thấy nó cũng bản lĩnh, phong độ lắm...

— Thôi nào, đấu ra sao thăng Điền mau nói đi!

Thăng Bặc có vẻ nôn nóng, huơ tay múa chân, quát hỏi.

— Ừ, thì thi đấu võ vật, chỉ năm hiệp thôi, đũa nào đo đất nhiều hơn là thua. Điền bảo.

Bặc thấy Hoàn thấp bé thua mình xa, giờ năm đấm cười nhạo:

— Há há... tao hạ mày là cái chắc!

Hoàn chỉ yên lặng, khoanh tay đứng nhìn, Điền tiếp:

— Đũa thua, phải tôn kẻ thắng là thủ lĩnh, chịu mọi sự sai khiến... chịu không?

Đám nhóc nhao nhao:

— Đúng, đúng luật rồi... Đấu đi!

Bặc tin chắc sẽ thắng còn Hoàn chẳng sợ gì đấu vật, hai đũa cùng đáp:

— Chịu! Rồi cả hai cùng khom người, dang chân, khuỳnh tay thủ thế, đi quanh vờn nhau... Bọn trẻ quây thành vòng bên ngoài, chia làm hai phe ra sức hò hét cổ vũ cho đấu thủ mà mình ưa thích...

Hết hiệp một, Đinh Điền tay cầm bông lau làm cờ, nhảy vào giữa, phất cờ xuống đất, cười bảo:

— Hiệp một, Đinh Hoàn thắng rồi nhé!...

Nguyễn Bặc lồm cồm ngồi dậy, nghiêng răng giận dữ:

— Tiếp nào... Hừ.

Hai đũa lại vờn nhau, và Nguyễn Bặc vẫn là đũa tấn công trước. Nó nghĩ “tiên phát chế nhân” ra tay trước để chế ngự đối thủ mà! Nhưng lần này nó chỉ vung mạnh tay phải tính thộp cổ Hoàn, còn tay trái sẽ nắm ngang thắt

lưng cậu mà nhấc bổng lên rồi quật xuống đất thật mạnh để trả thù đòn vừa rồi.

Nào ngờ Hoàn cũng đoán biết ngay, vì cậu từng được các Đô tướng ở châu Hoan chỉ bày tường tận về võ vật, nên rất tinh thông. Hoàn phản đòn rất nhanh, lách nhẹ người sang trái tránh cú chop của Bạc, cậu hét lên một tiếng lao nhanh vào đối thủ, rồi tay thì đẩy tới chân thì giật lui khiến Bạc mất thăng bằng, ngã ngửa ngay. Hoàn ngã theo nằm đè lên đối thủ, tay chẹn cổ tay khóa chân khiến Bạc chỉ còn biết thở khò khè hết đường phản kháng...

Đình Điền lại phát cờ, hô to:

— Hiệp hai, Đình Hoàn thắng nữa nhé!

Lũ trẻ lúc này hào hứng vô cùng, thủ lĩnh chúng sắp thua bởi một thằng nhỏ con hơn là điều chưa từng thấy, có bao nhiêu thứ phát ra âm thanh đều được chúng dùng làm nhạc khí cổ vũ: đưa thổi tù và tiếng trầm đục tuu... Tuu... Đưa xếp lá làm kèn ngậm trong miệng, trợn mắt phùng má bập nghe toe... toe!... Đưa thổi sáo, đưa gõ mõ tre kêu lốc cốc. Thậm chí vài đứa chẳng có gì, phấn khích quá bèn lượm những cục đá gõ vào đá tảng nghe cành cạch cành cạch... làm náo động cả một góc thung khiến bầy trâu đang gặm cỏ yên bình cũng phải ngẩng lên nhìn, rồi cất tiếng ghé... ọ... Nghe... ọ... như cùng tham gia.

Đến hiệp ba, Bạc đập tay xuống đất lia lịa chịu thua cũng là lúc bọn nhỏ vung tay lên trời hoan hô kẻ chiến thắng, tiếng la hét náo động cả Thung Lau...

• • •

Giờ thì chúng đã ngồi quây quần bên nhau, chuyện trò làm quen...

— Mà y thắng thuyết phục lắm, vậy bọn tao tôn mà y làm... Thủ lĩnh, phải không... Bạc? Điền vừa nói vừa quay hỏi Bạc, thằng Bạc vẫn còn giơ tay xoa bóp cổ vì đau, ngập ngừng: - Ờ,.. thì tôn.

Bọn nhóc đàn em ngồi quanh nghe vậy, đồng chấp tay chào:

— Hoan hô!... Chào mừng... tân thủ lĩnh....

— Phải gọi là... Hoàn thủ lĩnh chứ bọn bay!

— Ủ,... Hoàn thủ lĩnh, Hoàn thủ lĩnh.

Hoàn gạt đi:

— Tao thấy, trâu đừa nào đừa ấy cứ việc chẵn, hàng ngày gặp nhau là vui rồi, bày đặt thủ lĩnh làm chi...

— Ở... vậy là mày chưa biết chuyện rồi.

— Chuyện gì hả?!

Thấy Hoàn ngơ ngác, bọn nhóc liền tranh nhau nói, chỉ chỗ lung tung:

— Bọn chẵn trâu bên Thung Lụi ấy...

— Chúng nó hung tợn lắm...

— Thường vào đây gây sự, rượt đánh bọn tao...

— Có khi còn bắt nghé, dẫn trâu đi mất... Rồi đòi chuộc bằng thóc lúa, khoai sắn, hay gà quế, mới chịu trả lại đấy!

— Hừ, cùng nghèo khổ cả, sao lại hiếp đáp nhau như vậy...?

Hoàn nghe vậy tức giận thốt lên, Điền trầm tĩnh hơn, kể rất mạch lạc:

— Bọn bên Thung Lụi phải có đến bốn năm mươi đừa, đừa nào cũng to lớn mạnh mẽ, mà hai thằng cầm đầu là Lưu Cơ và Trịnh Tú còn trội hơn nữa, chúng gan dạ mưu mô lắm, đụng trận lần nào bọn tao cũng thua...

— Chúng bắt trâu ra sao? Hoàn hỏi, Bặc liền kể:

— Có khi chúng dàn trận khiêu chiến ở hẻm núi phía kia, bọn tao ào đến đánh đuổi thì đàn này chúng lén vào dắt mất trâu...

— Hừ, chỉ là thế trận “dương đông kích tây” có vậy cũng không biết phòng bị. Hoàn đầy vẻ hiểu biết, trách nhẹ. Còn bọn trẻ nghe thì tròn xoe mắt nhìn cậu đầy ngưỡng mộ như là đang được diện kiến một ông tướng tài chỉ vẽ cho vậy. Bặc lại tiếp:

— Cũng có khi bọn tao đang ở giữa thung thì không hiểu từ đâu chúng xuất hiện tứ phương tám hướng, reo hò chọi đá khiến đứa nào cũng lo ôm đầu chạy trốn tán loạn... Rồi chúng thân nhiên mà bắt trâu.

Hoàn đập tay vào đùi, tức tối:

— Ngốc quá! Đó là kế “xuất kỳ bất ý”, thừa lúc bọn bây không phòng bị mà tấn công bất ngờ. Lẽ ra, phải phân công đứa canh gác trong lúc cho trâu ăn cỏ thì đâu có chuyện.

Càng nghe Hoàn càng tức bọn nhóc này chẳng có mưu mẹo, chẳng biết kế sách gì cả. Trái lại, bọn chúng thì phục lẫn vì tân thủ lĩnh quả là có mưu lược. Hoàn giơ nắm tay, quả quyết hứa:

— Được rồi, tao sẽ dẫn dắt bọn bây, đánh một trận ra trò, cho chúng biết từ nay không dễ hiếp đáp Thung Lá nữa!

• • •

Mặt trời gác núi, đã đến lúc lừa trâu về chuồng. Có đứa leo lên mỏm đá cao thổi tù và vang vọng, báo hiệu cho những con trâu ở xa tít đầu thung về với bầy đàn.

Chúng sắp sửa chia tay nhau chợt thấy dăm sáu đứa từ đám lau gần đó khiêng kiệu, ôm bông chạy lại:

— Khoan về đã...! Phải rước chủ tướng đi ba vòng ra oai đã chứ...!

À... thì ra mấy đứa này không ngủ trưa mà bàn nhau đi chặt tre bứt mây đan kiệu để rước tôn vinh thủ lĩnh. Mà kiệu chúng làm cũng đẹp ra phết. Hai cây tre dài làm đòn khiêng, bốn đoạn ngắn hơn làm chân kiệu, thêm vài đoạn làm tay ngai và lưng tựa, rồi chúng dùng dây mây đan xen làm thành đệm ngồi và lưng kiệu... Chưa hết đâu, ở lưng kiệu còn cắm những lá cọ lá sen to làm tán làm tàn, trông uy nghi như kiệu của vua, tướng vậy...

Đứa nào cũng bu lại ngắm, trầm trồ, thèm thuồng được ngồi lên và rước đi...

— Này, mày cầm tà lá chuối làm biển^[4] đi đầu...

— Mấy đứa này cầm bông lau làm cờ rước, hộ vệ hai bên...

Bọn làm kiệu tỏ ra hãnh diện với sáng kiến của mình lắm, chúng cắt đặt vai trò cho từng đứa, bọn làm lính hầu được phát những bông lau to đẹp nhất mà chúng chọn hái, những tà lá chuối rừng giao cho mấy đứa đi đầu mở đường...

Đâu đấy xong xuôi, chúng chấp tay cúi chào Đinh Hoàn:

— Mời thủ lĩnh lên kiệu ạ...

Hoàn thích thú lắm, hiên ngang bước đến ngồi vào kiệu ngay. Chúng lại hô:

— Khênh kiệu... bước!

Bốn đứa mạnh khỏe đồng loạt nhắc kiệu lên ngang hông, rồi thêm một nhíp nữa chuyển kiệu lên vai, bước đi nhịp nhàng...

Chiếc kiệu đòn tre nhún nhảy theo nhịp bước của đứa khiêng, Hoàn ngồi trên thấy thật êm, thật thích. Cậu đưa mắt nhìn đoàn rước cũng cờ quạt biển lọng, cũng lính hầu hai bên... Ôi, oai vệ quá chừng, có khác gì vị vua đâu?

Đám rước thường phải có chiêng trống cùng nhạc bát âm, thì đây, bọn còn lại kéo theo sau liền thổi tù và, kèn lá, mõ tre cùng cất tiếng hát vang vui nhộn:

Gánh gánh gồng gồng,

Gánh sông gánh núi,

Gánh củi gánh cành,

Gánh ông thủ lĩnh,

Ta chạy cho nhanh,

Gánh gánh gồng gồng...

Cờ lau tập trận

Từ đó, hôm nào bọn trẻ cũng tập họp ở Thung Lau.

Trước kia, ngoài việc canh chừng cho trâu ăn, thì giờ rảnh rỗi nhàm chán chúng chẳng biết làm gì thì nay lại khác, có rất nhiều điều để học hỏi từ thủ lĩnh. Đinh Hoàn đã truyền dạy cả văn lẫn võ cho chúng, có những buổi Hoàn dạy chữ cho đám bạn bằng cách dùng que vạch lên đất, rồi vẽ cả đồ hình cách bày binh bố trận mà cậu học được từ các Đô tướng, Vệ tướng, chỉ lại cho vài đứa thông minh. Về võ, Hoàn chọn những đứa mạnh khỏe lập thành đội đô vật, bày cho các đòn thế rồi tập dợt với nhau. Những đứa nhanh nhẹn tinh tường thì vào đội thám thính canh gác, các ngõ ngách dẫn vào Thung Lau đều có trạm canh túc trực, hết như một căn cứ quân sự vậy. Bọn còn lại được chia thành đội ngũ, ngày ngày thao dợt đi đứng, đánh gậy tre, cách ẩn mình mai phục, di chuyển, tấn công theo đội hình cùng nhiều bài huấn luyện khác mà cậu học được khi quan sát quan quân của cha tập trận ở Hoan Châu dạo trước. Rõ là cậu mang dòng máu của một võ tướng thao lược khí phách, nên khi cậu ban lệnh cũng đầy uy vũ, bọn trẻ răm rắp tuân theo không dám đùa cợt hay bất tuân. Thung Lau trở thành thao trường của đội quân trẻ con, nhưng kỷ luật và uy dũng không thua gì quân chính quy của triều đình.

Một đêm, Đinh Hoàn đang chuyện trò với hai phó tướng là Đinh Điền và Nguyễn Bặc thì tiếng mõ tre lốc cốc lốc cốc từ mé tây liên tiếp vọng lại, đó là những trạm gác đặt trên các mỏm đá cao dọc theo sườn núi, cứ cách quãng một dặm Hoàn lại cho một đứa đứng canh phiên, kịp thời phát hiện báo động nếu có kẻ vào Thung Lau.

Tiếp đó một đứa thám báo hồng hộc chạy đến, báo tin:

— Cấp báo thủ lĩnh.... Bọn Thung Lụi đang tiến vào đây...

Hoàn bật ngay dậy, bảo Điền và Bạc:

— Hay lắm!... Hãy chuẩn bị đón tiếp chúng như kế hoạch đã định. Lần này, chúng phải nếm mùi bại trận.

— Tuân lệnh thủ lĩnh! Hai phó tướng đáp xong, quay người đi ngay.

• • •

Tất cả đàn trâu đã được lừa đi giấu sau đám lau rậm rạp cao ngất nên khi bọn Thung Lụi vào thì thấy đồng cỏ vắng ngắt, chỉ có Hoàn ngồi trên kiệu do bốn đứa khiêng, và thêm hai đứa cầm gậy tre làm quân cận vệ...

— Ủa?... Thằng Bạc béo và bọn Thung Lá đâu cả, sao chỉ có thằng nào lạ hoặc vầy nè?

— Làm sao tao biết? Mà hỏi nó xem...!

Hai thằng cầm đầu ngồi trên mình trâu, chính là Lưu Cơ và Trịnh Tú, ngạc nhiên bảo nhau:

— Ha ha, bọn bây không biết tao, nhưng tao thì biết bây rõ lắm, hai thằng bây là Lưu Cơ và Trịnh Tú, đúng không? Hoàn chỉ chúng nó, cười nói:

— Hừ, mà là thằng nào? Sao dám ở đây? Cơ, Tú thấy thằng nhỏ ngồi trên kiệu phách lối, không xem chúng ra gì thì nổi sùng, gằn giọng hỏi.

Hoàn vỗ ngực, xưng:

— Tao họ Đinh, tên Hoàn, là tân thủ lĩnh Thung Lá, Thung Lau này do tao cai quản, rõ chưa?

Cơ, Tú chưa hết ngỡ ngàng, Hoàn đã chỉ mặt chúng, mắng:

— Bọn bây ỷ lớn hiếp nhỏ, chuyên bắt nạt bọn Thung Lá hiền lành, từ nay có tao, phải bỏ thói ấy đi, biết không?

Cơ Tú cười khinh, xem thường:

— Há há... mà là cái thá gì chứ?

Hoàn giờ năm dấm, dọa:

— Phải nghe lời tao, chung sống hòa bình. Bắn không bay sẽ ăn đòn đó...!

Cơ, Tú giận tím mặt, chúng phất tay ra lệnh:

— Tiến lên bọn bay, cho thằng oắt con này một trận đi!

Đằng sau chúng, cả chục đứa to lớn dữ dằn cưỡi trâu, cầm roi da gậy tre thúc vào hông đét vào mông làm lũ trâu học lên, lao về phía trước, khí thế hung tợn...

Chúng xông lên chừng mười bước, chợt thấy Hoàn vung tay, hét:

— Tả quân, đánh!

Lập tức, từ bụi lau bên mé trái, những viên đạn đất sét phơi khô to tròn như quả cam vun vút bay ra, chọi vào đầu, vào thân người lẫn trâu nghe bôm bốp. Có đứa bổ nhào, đứa thì té ngựa, trâu trúng đạn đất cũng sợ hãi rống lên rồi quay đầu chạy thục mạng...

Cơ, Tú sững sốt không ngờ đội tiền quân tan vỡ nhanh quá, quay nhìn lại phe mình thì mười mấy đứa dắt trâu ăn cỏ mãi tít đằng xa, cạnh chúng chỉ còn độ chục đứa cưỡi trâu đang cố vồ về để trâu đừng hoảng loạn bỏ chạy...

— Tất cả tiến lên, cùng đánh! Cơ, Tú lại ra lệnh, rồi thúc trâu xông lên trước...

Hoàn lại hô to:

— Hữu quân... tấn công!

Lần này từ bụi rậm bên phải, đạn đất lại tới tấp bay ra, vài đứa trúng đạn té lăn quay nhưng số còn lại vẫn gan dạ ào lên, nằm rạp sát lưng trâu để tránh đạn...

Đội quân cờ lau của Đinh Hoàn từ hai cánh tả hữu ném hết đất rồi giờ mới xông ra dàn ngang để bảo vệ thủ lĩnh, đứa nào cũng ngực trang cắm bông lau khắp người, tay cầm gậy tre hò hét vang lừng, quất túi bụi vào địch thủ, vào lũ trâu, chặn đứng ngay đợt tấn công của bọn Cơ, Tú.

Cuộc giáp chiến diễn ra quyết liệt giữa một bên là bọn Thung Lụi cưỡi trâu và bên kia là quân cờ lau chạy bộ, vừa giáng gậy tre vừa chạy quanh vây bọc lấy địch thủ, làm bọn chúng lúng túng khó bề xoay trở...

Hoàn nhảy khỏi kiệu, chộp gậy tre từ một đứa hộ vệ rồi múa vun vút lao lên, một mình chọi với Cơ, Tú. Cậu đánh gậy thuần thục, ra đòn nhanh nhẹn chính xác hơn nên hai đứa kia chỉ có chống đỡ, chúng liên tiếp nhận gậy tre giáng vào đầu, chọt vào bụng, quất vào chân nghe bôm bốp, côm cộp... Cuối cùng đau không chịu nổi phải vứt cả gậy nhảy khỏi trâu tính tìm đường chạy thì Hoàn vọt luôn vào ống cẳng khiến cả hai té sụm...

— Trói chúng lại ngay! Hoàn ra lệnh cho lính cờ lau trong khi tay vẫn lăm lăm gậy tre dứ dứ vào Cơ, Tú làm chúng xanh mặt không dám động cựa, thúc thủ chịu trói.

Bọn còn lại thấy chủ tướng đã bị bắt thì chẳng muốn đánh đấm gì nữa, hè nhau quay đầu chạy... Phía sau, bọn đang thả trâu ăn cỏ thấy phe mình bỗng dưng tháo lui hoảng loạn cũng hoảng hồn lùa trâu về phía hẻm núi đàng tây tính chạy về thôn. Nhưng kìa... hẻm núi đã bị bít kín bởi những bụi chà gai, những bàn chông tre vạt nhọn lờm chờm mà đội hậu quân cờ lau đã dùng trâu kéo đến chặn đường rút của kẻ địch theo chiến thuật bố trận định sẵn. Hai bên vách núi, đội hậu quân chừng mười đứa đứng trên những mỏm đá chìa ra, tay lăm lăm đạn đất, gương cung tên tre tự chế, đầu mũi tên quẩn rờm sẵn sàng châm lửa bắn xuống, trông chúng đầy khí thế hiên ngang, còn bọn kia co cụm lại, chẳng dám tiến.

— Hàng đi... đầu hàng đi...!

Quân cờ lau đồng loạt hô vang, các đội tiền, hậu, tả, hữu hơn ba mươi đứa giờ lập thành vòng tròn vây quanh bọn Thung Lụi, Hoàn cầm ngang gậy tre đẩy Cơ, Tú bị trói tay lên cho chúng thấy, hét to:

— Thủ lĩnh bọn bay bị bắt rồi, chịu thua đi!

Bọn chúng sợ hãi nhìn nhau rồi đều buông gậy gộc, giơ tay la:

— Xin hàng... xin thua!

• • •

Đám tù binh là lũ trẻ chần trêu Thung Lụi ngồi túm tụm trên bãi cỏ, gậy gộc đã bị tước sạch, quân cờ lau đứng gác chung quanh, tay lăm lăm roi mây, đòn tre...

Hoàn bước đến tươi cười vui vẻ cời trói cho Cơ và Tú:

— Tao đã bảo rồi mà không nghe... Há há... đừng hòng hiếp đáp bọn này nữa!

Lưu Cơ, Trịnh Tú xoa cổ tay, thán phục nhìn Hoàn, bảo:

— Mà bày trận... hay thật đấy.

— Ừ, mà luyện quân cũng giỏi nữa... mới đây thôi, bọn Thung Lá đầu có ra gì...!

Nghe hai đứa tán dương, Hoàn chỉ cười, giơ tay ra:

— Nào, từ giờ mình là bằng hữu, cùng chung sống yên vui, thôn nào muốn đưa trâu vào thung thì cứ việc, không được tranh giành lấn áp nhau nữa....

Cơ, Tú cùng chộp tay Hoàn lắc mạnh:

— Không được!... Không thể là bằng hữu!

Hoàn ngạc nhiên, trợn mắt:

— Sao cơ...? Vậy bay muốn gì? Đánh nhau nữa hả?

Hai đứa kia cười vang:

— Ha ha... phải kết nghĩa huynh đệ cơ! Bọn tao phục mày lắm... Xin bái làm huynh, làm... thủ lĩnh luôn...!

Tất cả bọn nhóc hai thôn nghe vậy đều hứng khởi, nhảy nhót hô vang:

— Hoàn thủ lĩnh!... Hoàn thủ lĩnh Thung Lau...

Giữa bầu không khí cuồng nhiệt đó, dòng máu anh hùng trong con người Hoàn như cũng sục sôi, bùng bùng hào khí. Cậu nâng Cơ, Tú cùng đứng lên, vẫy Diên, Bạc lại, rồi đồng dục tuyên bố:

— Từ nay, năm đũa chúng mình kết tình huynh đệ, nguyện đồng cam cộng khổ, nguyện sinh tử có nhau, có trời đất chứng giám... XIN THỀ!

Hoàn nói dứt câu thì chấp tay quì gối ngửa mặt lên trời thề, bọn kia đồng loạt làm theo, hô vang lời thề...

Rồi, tất cả bọn trẻ hai thung bỗng đứng cũng quì theo cả, lời thề đồng cam cộng khổ sinh tử có nhau cứ phát ra từ miệng chúng, vang vang mãi khắp núi đồi Thung Lau trầm hùng như những đợt sóng triều xô nhau không dứt. Cảnh tượng thật thiêng liêng và cảm động...

Rồng vàng cứu giá

Từ khi thu phục được bọn chăn trâu Thung Lụi, lập thành đội quân cờ lau ở Thung Lau, thì danh tiếng Đinh Hoàn đã vang dội. Bọn trẻ ở những thôn khác kéo về qui tụ ngày càng đông. Đinh Hoàn phấn khởi lắm. Cậu quyết định khao quân, liền gọi các tướng Điền, Bạc, Tú... đến bảo chọn con trâu nào béo tốt nhất trong bầy của mình mổ khao quân. Thấy mọi người e ngại, Đinh Hoàn điềm tĩnh nói:

— Đừng ngại. Trâu của chú tao, cứ để tao đối phó. Chừa lại cho tao cái đuôi nguyên vẹn là được.

• • •

Cái tin Đinh Hoàn mổ trâu làm tiệc thết đãi bọn trẻ chẳng mấy chốc bay về sách Bông, đến tai chú Đinh Dự, ông thầm nghĩ:

— Nó nghèo xác lấy đâu ra trâu mà làm thịt chứ? Chắc là ngoa truyền thôi...

Chú chẳng mấy tin thì lại nhận được cấp báo động trời: không hiểu vì cơ gì, cả sách Đào Áo già trẻ lớn bé đều ủng hộ Đinh Hoàn, tôn cậu làm trưởng sách, hết lòng phù tá...

— Hừ, hào trưởng như ta đây, quyền thế cả vùng còn chưa được bầu làm trưởng sách, nó chỉ là thằng ranh mới mười mấy tuổi đầu, làm sao lại như vậy được chứ?!

Đinh Dự tức bực nghĩ, rồi ra lệnh cho thuộc hạ:

— Gọi đội dũng sĩ, theo ta vào Thung Lau!

Đó là đội quân thiện chiến của Đinh Dự, họ trang bị cung tên giáo mác đầy mình, luôn sát cánh hộ vệ Dự mỗi khi xuất trận. Đoàn người ngựa rầm rập lao đi...

• • •

Tiếng tù và, mõ tre từ các trạm canh trên sườn núi vang truyền không dứt, báo động có kẻ lạ đến, tiếng gõ lốc cốc thành chuỗi dài còn cho biết số lượng người rất đông đảo...

Đình Hoàn đang chỉ bày cho Điền Bặc Cơ Tú về binh pháp trận đồ qua các đồ hình vẽ nguệch ngoạc trên đất bằng ngọn bút tre. Cậu nghiêng đầu nghe ngóng rồi vụt đứng dậy, dùng chân di di xóa hết hình đi, nhú mào bảo:

— Chắc là chú ta đến hỏi tội về việc... mõ trâu đây!

Cậu bình tĩnh ban lệnh:

— Các tướng hãy tạm thời lánh mặt đưa hết người và trâu rời Thung Lau ngay, chỉ để lại bầy trâu của chú ta thôi!

Bọn kia chạy đi thi hành thì đàn ông này Hoàn cũng cởi bỏ cả giáp trụ mũ mũm mĩm bằng mo cau, giày cỏ mà đám lính khéo tay đã làm riêng cho thủ lĩnh giấu đi, rồi mặc độc cái áo cánh quần cụt đã vá vúi nhiều chỗ, chụp chiếc nón lá rách lên đầu, cậu nằm vắt chân dưới gốc cây, lấy ống sáo đưa lên thổi, ra vẻ một mục đồng thành thạo an nhàn lắm...

Đình Dự cùng thủ hạ tiến vào Thung Lau, đưa mắt nhìn quanh, thấy đồng cỏ bụi lau rì rào, trâu tản mác gặm cỏ, bình yên chứ nào có đông trẻ tụ tập đánh đấm phá phách gì đâu.

— Đếm bầy trâu xem có đủ số không? Ông ra lệnh cho thuộc hạ.

Thấy chú đến gần, Hoàn bật dậy, chắp tay vái chào.

— Thưa, chú mới đến ạ...

— Ừm, trông người lớn bọn rồi đấy... Thế, còn trâu của ta, có béo tốt không?

— Thưa, chúng vẫn mạnh khỏe, đầy đà cả ạ...! Có điều...

— Bấm hào trưởng... thiếu mất một con rồi! Vài dũng sĩ tiến lại, bấm báo.

— Có chắc không? Các người đếm kỹ chưa?

— Đếm đi đếm lại nhiều lần rồi, thiếu một con.

Chú Dự quay qua Hoàn, gằn giọng:

— Thế là sao?

Hoàn gãi đầu, một tay chỉ về vách núi:

— Thì chính thế, cháu chưa kịp báo chú hay, hôm qua một con bị điên, đâm đầu vào núi mất rồi...

Đình Dự giận dữ, quát:

— Sự tình thế nào, kể rõ ta nghe!

Hoàn quơ tay diễn tả, điệu bộ sợ sệt:

— Hôm qua trời chuyển mưa giông, sấm nổ ùng ùng, có con trâu hoảng sợ lồng lên, đâm đầu vào hốc đá... Đúng lúc sét đánh núi long đá lở, sập đè chôn nó luôn rồi ạ...

— Hừm, thật là vô lý... Đâu, nó bị chôn chỗ nào? Dẫn ta đến xem!

Hoàn dẫn mọi người đến vách núi, quả thật, nơi đó có nhiều đá tảng chồng chất, còn có cả... cái đuôi trâu thò ra ngoài!

Thực sự, trước đó Hoàn đã chặt một chạc cây cột thật chắc vào đuôi trâu, nhét đuôi trâu vào khe đá rồi khuân đá tảng lên chặt để đánh lừa chú.

Đình Dự nắm đuôi trâu, kéo thử... Chà, chẳng thấy nhúc nhích, ông liền nghiêng răng bặm môi, lấy thế ra sức kéo, nó vẫn cứ trơ trơ... Đình Dự ra lệnh cho ba bốn dũng sĩ cùng chụm vào kéo, số khác thì khuân bớt đá tảng bên trên...

Ì ạch một hồi, bỗng... “BỤT!”. Một tiếng, cái đuôi trâu văng ra làm Đỉnh Dự và bọn dững sĩ té ngửa, nằm đè lên nhau.

Đỉnh Hoàn vừa sợ, vừa nức cười khi thấy chú bị đè bẹp mà mắt thì thao láo nhìn cái đuôi trâu cụt lùn... Cậu bật cười ha há. Đỉnh Dự giận đỏ mặt tía tai, hất bọn kia ra, lồm cồm bò dậy...

— Cha chả!... Đúng là mày dám mổ trâu của ta mà...

— Chú à.... Là cháu... tạm mượn thôi, rồi sẽ trả cho chú sau này...

Đỉnh Dự rút xoẹt kiếm ra, xia ngay Hoàn:

— Lại còn dám đánh lừa ta là trâu chui vào núi... Cái đồ nghịch tử phản trắc này...

Dự vung kiếm chém mất nhất, Hoàn nhanh nhẹn nhảy tránh cả, kiếm bổ vào đá nháng lửa, kêu choang choang...

— Tao giết mày.... Cho tiet cái giống côn đồ, vô đạo này...

Chú vừa mắng vừa ra tay quyết liệt, Hoàn tiếp tục né tránh, thầm nghĩ:

— Chỉ vì con trâu mà chú nỡ tâm gặt bỏ tình máu mủ, tàn nhẫn định giết mình thực sao?

Một đường kiếm xẹt qua đầu, xớt bay cả mảng tóc của Hoàn, may mà cậu kịp thụp người xuống tránh. Hoàn giận nghĩ:

— Lẽ ra chú phạt bằng đòn roi cũng đủ rồi... Giờ, nếu mình kháng cự đánh lại chú, thì mang tội ác nghịch, mà để chú giết mình cũng không được, tốt nhất là... tránh đi thôi!

Nghĩ thế, Hoàn phi thân lên mỏm đá cao quá đầu người, rồi thoăn thoắt nhảy chuyền qua các tầng đá ở chân vách núi, chạy xa dần... Đỉnh Dự vung kiếm quát:

— Đừng hòng trốn thoát! Bay đâu, mau đuổi theo nó!...

• • •

Ra khỏi hẻm núi, Đinh Hoàn vẫn tiếp tục cầm đầu chạy miết, vì đằng sau chú Dự và đám dũng sĩ đang thúc ngựa đuổi theo rất cấp bách... Thoáng chốc mà đã chạy hơn chục dặm đường, vượt qua thôn Đàm Gia thì Hoàn xuống sức, tốc độ giảm dần, thở hồng hộc, còn phía sau tiếng vó ngựa cà rộp.. cà rộp mỗi lúc càng to hơn, khoảng cách đang rút ngắn, họ sắp bắt kịp cậu rồi...

Trước mặt hiện ra con sông, và cây cầu “Đàm Gia Nương Loan”, Hoàn chột mừng rỡ nghĩ:

— Cây cầu này nhỏ hẹp chỉ dành cho khách bộ hành qua lại, đám người ngựa của chú không vượt được rồi, mình cố qua được bên kia là thoát...

Hoàn hít hơi thật sâu, lấy sức và băng nhanh qua.... Nhưng, chưa được mấy nước thì tiếng rảng rặc vang lên, cậu đã đạp nhầm những ván lót cầu bị mục ruỗng và rơi tõm xuống sông...

Bọn Đinh Dự vừa trở tới, họ nhảy phắt xuống ngựa, chạy đến mé sông, nhìn xuống... Bên dưới, Hoàn đang loay hoay không xoay trở được, hai chân cậu cắm ngập trong bùn, và nước thì lấp xấp đến ngực...

— Hà hà, mà có chạy đằng trời, tao cũng bắt được mà, lần này chết chắc con ạ...!

Đinh Dự đắc ý bảo, rồi chộp cây giáo dài từ một thủ hạ, giơ cao nhắm ngay Đinh Hoàn sắp phóng xuống đầm chết cậu.

Đúng lúc đó, giữa dòng sông nước cuộn dâng trào, xô sóng dữ ầm ầm vỗ bờ, một cột nước khổng lồ bắn tung lên trời và từ trong đó hiện ra con rồng vàng, lượn lờ bao quanh Đinh Hoàn, vươn đầu vào bờ gầm rít dữ tợn rồi há cái mồm to rộng lờm chờm đầy nanh nhọn, phà luồng hơi mạnh làm bọn Đinh Dự té lăn quay, cây cối đều ngã rạp, bầy ngựa hí dài hoảng loạn, chạy tứ tán...

Hoàn vừa bám được vào thân rồng ngoi lên để tránh những đợt sóng phủ chụp cả mặt mày thì ngay lập tức nó trườn trên mặt nước, êm như con thuyền rẽ sóng, trong loáng mắt đã đưa cậu sang bên kia sông. Hoàn bò lên bờ, ngoái lại nhìn thì rồng vàng vẫn quấy mình trên sóng nước, chao đầu

qua lại, gằm gừ nhẹ như chào hỏi cậu rồi mới từ từ lặn xuống nước... Mặt sông lại êm đềm tĩnh lặng như trước.

Bên kia sông, Đinh Dự vẫn còn run lập cập, mấp máy môi, lắp bắp:

— Rồng vàng... Rồng vàng xuất hiện... Cháu ta là chân mạng... Đế vương... nên mới có... Rồng vàng cứu giá...

Rồi Đinh Dự cứ si sụp dập đầu xuống đất vái lạy mãi, bọn dũng sĩ thấy vậy cũng làm theo mà không hiểu chủ tướng vái trời, vái rồng hay vái Đinh Hoàn nữa?!.... Chỉ nghe ông lầm bầm:

— Đúng là... Thiên tử... không hại được nó rồi... không thể hại cháu ta...!

Từ đó, Đinh Dự không mưu hại Đinh Hoàn nữa. Về sau ông còn đem cả sách Bông và lực lượng của mình sáp nhập với quân đội của Hoàn, cùng mưu đồ đại cuộc...

ĐÌNH TIÊN HOÀNG

(Giáp Thân 924 – Kỷ Mão 979)



Quê ở động Hoa Lư, châu Đại Hoàng, nay là xã Gia Phương, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

Con của Đình Công Trứ làm Thứ sử châu Hoan (Nghệ An) vào đời Dương Đình Nghệ và Ngô Vương Quyền.

Mẹ là Đàm thị.

Tiên Hoàng tên thật là Hoàn, họ Đình, Bộ Lĩnh chỉ là tước quan của Sứ quân Trần Lãm phong cho.

Cha mất sớm, Đình Hoàn theo mẹ về quê, nương thân người chú ruột là Đình Dự, ở chăn trâu.

Thường nhóm họp bạn bè, lấy bông lau làm cờ, lập trận đánh nhau, tỏ rõ tài chỉ huy. Kết thân với bạn chăn trâu là Đình Điền, Nguyễn Bạch, Lưu Cơ, Trịnh Tú.

Chú ghét đuổi đi, Hoàn sang đầu quân với Sứ quân Trần Lãm ở Bồ Hải Khẩu. Lãm mến tài, gả con gái cho.

Khi Trần Lãm mất, ông đem quân về giữ Hoa Lư, chiêu mộ thêm hào kiệt, hùng cứ một phương.

Ông tiến đánh các sứ quân, chỉ trong một năm dẹp yên tất cả, được xưng tụng là Vạn Thắng Vương.

Năm Mậu Thìn 968 lên ngôi hoàng đế, hiệu là Đại Thắng Minh hoàng đế, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt, đóng đô ở Hoa Lư.

Năm Canh Ngọ 970, lấy niên hiệu là Thái Bình.

Đinh Tiên Hoàng đã có công gây dựng một đất nước độc lập, tự chủ, không muốn lệ thuộc phương Bắc (Trung Quốc) nên đã đặt ra quốc hiệu, niên hiệu và xưng hoàng đế (vua của một nước, còn vương chỉ là vua của tiểu quốc chư hầu, lệ thuộc vào mẫu quốc). Từ đó về sau, các vua nước ta đều xưng là hoàng đế.

Đinh Tiên Hoàng còn cho đúc tiền riêng để tiêu dùng trong nước, chứng tỏ sự độc lập về kinh tế (trước đó, dùng các loại tiền do Trung Quốc đúc). Tiền đúc bằng đồng, hình tròn, giữa có lỗ vuông để xuyên. Một mặt có chữ Thái Bình Thông bảo, mặt kia có chữ Đinh. Đây là loại tiền phát hành đầu tiên của nước ta.

Đinh Hoàn làm hoàng đế 12 năm (968-979), thọ 56 tuổi, an táng ở núi Mã Yên, xã Trường An Thượng, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình.

LÝ CÔNG UÂN



Dấu ấn thiên tử

Xoay quanh sự ra đời (xuất thế) của một vĩ nhân, người xưa bao giờ cũng hay thêu dệt những câu chuyện thật đẹp, thật ly kỳ cảm động hoặc huyền bí nhằm tôn vinh nhân vật đó. (Người phi thường, thì xuất thân cũng phải... khác thường chứ!). Đôi khi, chỉ một người lại được gán ghép cho nhiều truyền thuyết khác nhau, và câu chuyện sau đây, chính là một trong những cách lý giải về nguồn gốc xuất thân của một danh nhân đất Việt, người đã tạo dựng nên một triều đại hùng mạnh và trường tồn trong lịch sử nước nhà, đó chính là... vua Lý Thái Tổ - Lý Công Uẩn.

• • •

Rừng núi Tiêu Sơn dần chuyển màu tím sẫm khi ánh dương vốn đã nhạt nhợt trong một ngày cuối thu, đang lịm tắt xa xa. Rồi những đám mây đen kịt từ đâu kéo về, nặng trĩu bầu trời, chốc chốc lại phóng ra những tia chớp nhoáng kèm theo là tiếng ầm ì rúng động cả không gian đầy vẻ đe dọa. Gió giật từng cơn, lay xào xạc cây lá báo hiệu một cơn mưa dữ dội sắp ập đến...

— Thôi, các chú ra đóng cửa cổng đi, không có ai ghé chùa đâu!

Sư ông ngồi trong trai phòng, sai các chú tiểu xong vẫn tiếp tục lần tràng hạt, nhưng lòng không thanh thản và mặt đầy nét đăm chiêu. Sư nghĩ ngợi gì vậy nhỉ?!...

Là vì, đêm qua sư mê một giấc chiêm bao rõ như ban ngày. Trong mơ, sư thấy vị Long thần hiện ra, mách bảo rằng:

— Lo mà quét tước dọn dẹp cho sạch sẽ nhé! Ngày mai có Hoàng đế quang lâm đấy!

Vậy mà, cả ngày nay từ tinh mơ sư đã dựng cả người nhà chùa dậy, cho quét dọn lau chùi, chưng hoa đơm quả đốt hương xông trầm, châm nển pha trà... mọi thứ tươm tất như ngày đại lễ vậy, rồi ngồi chờ dài cả cổ từ sáng đến giờ, chẳng có một ai ghé đến, vắng vẻ còn hơn thường nhật, cho nên sư mới lấy làm lạ...

— Hừ, chẳng lẽ giấc mơ không linh nghiệm?... Hay Long thần ổng trác mình?

Còn đang ngẫm nghĩ, thì thấy mấy chủ tiểu hốt hải chạy vào, báo:

— Bạch thầy, ngoài tam quan có một người đàn bà chữa, xin trú ngụ ạ...

Sư giật mình, lắc đầu xua tay:

— Không được!... Cửa thiền thanh tịnh, sao chứa nữ giới được? Lại còn có mang, thì phiền phức lắm...

Sư ông vừa dứt câu bỗng sét đánh nháng lửa sáng rực cả chùa, sấm nổ đình tai làm ai nấy giật mình chúm nhủi, rồi mưa to như thác đổ ầm ầm trút xuống...

Một tiểu thưa:

— Bạch thầy, trông người ấy yếu ớt lắm rồi, e là không đi nổi nữa đâu.

— Đúng đấy ạ... bà ta xanh xao lắm, cứ ôm bụng rên la, lại trúng trận mưa này chắc là...

Sư ông chột dạ, mấy tiểu còn có lòng từ bi như vậy, chẳng lẽ mình làm ngơ?

— Thôi được rồi, mời bà ấy vào cho thầy hỏi chuyện.

• • •

Người đàn bà tấm tức khóc khi được hỏi, cho biết mình họ Phạm, tên là Thị Trên, quê ở châu Cổ Pháp, lộ Bắc Giang, còn hoàn cảnh vì sao lưu lạc, thì chẳng muốn nhắc đến. Không tiện gạn mãi, sư ông sai dọn dẹp chỗ cho bà Phạm qua đêm. May mà có bà hộ chùa làm việc công quả, nên mới săn sóc được cho thai phụ.

Khuya hôm ấy, mọi người chợt tỉnh vì hương thơm sực nức khắp chùa, chái sau nơi bà Phạm nghỉ sáng lựng lên như có vầng hào quang bao bọc, sư ông trở dậy, biết có chuyện lạ (kỳ tích) sắp xảy ra...

Quả nhiên, không bao lâu sau thấy bà hộ chùa đứng ngoài phương trượng của sư, ãm đứa bé khóc oe oe...

Sư cho vào, bồng lấy nó xem thì vô cùng kinh ngạc: Trong lòng hai bàn tay của nam hài nhi này nổi rõ bốn chữ đỏ như son: SƠN HÀ XÃ TẮC.

— Ừ ừ... địch thị là... chân mệnh thiên tử rồi. Phải là bậc Đế vương, mới mang dấu ấn này. Sư thốt lên, giờ thì đã tin việc báo mộng của thần nhân là thật.

Bà hộ chùa lại hốt hải chạy trở lên cho hay là bà Phạm đã lìa đời. Sư trầm ngâm hồi lâu, đoạn sai các sãi thiết trai đàn cầu siêu, mở khóa tụng niệm rồi đem thi thể bà Phạm ra vườn sau chùa chôn cất tử tế...

Từ đó, sư cư mang luôn đứa bé, giữ lại trong chùa nuôi dưỡng cháo rau và cho qui y Phật pháp.

Phạt tội thánh thần

Chú bé con tuy chỉ hưởng cháo rau tương đậu nhà chùa, nhưng lại mạnh khỏe chóng lớn, bụ bẫm tinh nhanh, thối thoát chú đã lên ba.

Một ngày, chú được theo chân (tháp tùng) Sư ông và các sư huynh rời Thiên Ứng Tâm, ngôi chùa nơi chú đã dung thân suốt ba năm qua, để sang chùa Cổ Pháp bên huyện Từ Sơn dự lễ. Lần đầu được đi xa, chú thích chí lắm, ngó nghiêng huyền thuyên đủ chuyện, quên cả việc phải tĩnh tâm trì niệm khi du hành. Và chú cũng không ngờ rằng từ nay, sẽ mãi mãi rời xa Thiên Ứng Tâm.

Trụ trì chùa Cổ Pháp là nhà sư Lý Khánh Văn, hôm đó đang đợi sư các nơi về tụ hội để thuyết pháp, chợt thấy động tâm dữ dội. Vốn rành về khoa Bốc phệ bói toán, sư liền bói Kinh Dịch, được quẻ Càn, hào Cửu Nhị, lời Thoảng, bảo rằng: “Có Thánh nhân ghé đến vào lúc chính Ngọ”.

Đúng trưa hôm ấy thì Sư ông cùng đám đệ tử chùa Thiên Ứng Tâm đến dự...

Sau buổi thuyết pháp, trong lúc chuyện trò, sư Khánh Văn cứ để ý quan sát chú tiểu nhỏ nhất đám, có gương mặt sáng láng lạ thường, rồi khi nghe kể về xuất thân của chú, càng lấy làm kì dị hơn. Xem tay chú xong, Khánh Văn bảo với Sư ông:

— Pháp hữu nên để nó lưu lại đây cho bản đạo dạy dỗ... Mai sau, nó sẽ là thánh nhân giúp đời đó...!

Sư Khánh Văn họ Lý, nên đặt tên cho chú tiểu là Lý Công Uẩn, và nhận làm con nuôi.

Người đời thấy sự kỳ lạ trở trêu, không khỏi dị nghị, đặt câu ca rằng:

Con ai đem bỏ chùa này?

Nam Mô Di Phật, con thầy thầy nuôi.

Mặc kệ những lời đàm tiếu của nhân gian, cha con - thầy trò Khánh Văn - Công Uẩn vẫn tĩnh tại tĩnh tâm tu học. Cha ra sức dạy dỗ, và con ngày càng thông minh hiểu học...

Các ngày sóc, vọng và vía chư Phật, chú tiểu Công Uẩn thường được giao bưng bê lễ vật lên chưng bày ở Phật đài và khán thờ các chư thần. Chú đã sáu tuổi nên nhanh nhẹn dễ sai bảo lắm, nhưng cũng tinh nghịch phá phách kinh hồn...

Lần đó, sư sai chú mang phẩm oản ra dâng cúng ở bệ thờ thần Hộ pháp canh gác hai bên cửa chánh điện. Tay bưng mà mắt cứ nhìn chăm chăm đĩa oản đến nỗi mấy lần xém vấp ngã. Ôi, oản bánh hấp dẫn làm sao!... Những chiếc bánh gói lá xanh mướt bóng nhẫy chất cao thành tháp, bốc mùi thơm phức, bên trong là nhân đậu xanh béo bùi, bọc bởi lớp bột nếp dẻo quẹo ngọt lịm, nghĩ đến đây thôi, chú đã thèm ứa nước dãi, bụng thấy cồn cào... Phải rồi, từ sáng đến giờ, chú chơi đùa chạy nhảy nhiều, nên đói quá. Nhìn quanh quất không thấy ai, Công Uẩn liền nép vào sau góc cột ngòai bóc bánh ăn ngon lành. Chú cẩn thận bóc vỏ lá không để rách, ăn xong rồi còn tẩn mẩn gói lại từng chiếc, xếp vào đĩa y như cũ, và đặt lên bệ thờ.

— Hi hi... Trông như bánh thật ấy chứ...! Thầy có hỏi mình bảo là... chính ông thầy hưởng lộc đấy thôi!

Công Uẩn đứng ngấm nghĩa tác phẩm của mình, ngoẹo đầu cười khoái chí, nhủ thầm như vậy rồi co cẳng chạy mất.

Nhưng chuyện đời, muốn không ai biết thì đừng làm.

Oản bánh rỗng ruột bị phát giác, và người được gọi lên trách mắng chính là chú, kẻ bưng bê. Công Uẩn còn tính cãi cố thì sư Khánh Văn dọa:

— Chính thần Hộ Pháp đã báo ta hay, người đừng chối tội nữa!

Bị phạt quì sám hối tê cả hai chân, Công Uẩn tức lắm. Chú đợi đến khóa kinh chiều, sư sai đều đặn cả liền lên ra chỗ Hộ Pháp, thượng cẳng chân hạ cẳng tay thụi cho mấy thụi, đập cho mấy đập, mắng:

— Thần mà lại bép xép, mách lẻo ư?

Chưa đã nỡ, chú lại lấy bút viết vào lưng tượng bốn chữ: LƯU TAM THIÊN LÝ (đầy ba ngàn dặm).

— Ha ha... cho ông đi xa, xem còn báo mộng được không?

Trả được thù rồi, Công Uẩn mới nguôi giận, lại hồn nhiên vô tư chơi đùa, quên khuấy...

Nhưng lần này thì thần về kể lẽ cùng trụ trì thật. Đêm đó sư Khánh Văn mơ thấy Hộ Pháp hiện ra, mặt mày buồn thiu bảo:

— Hoàng đế đầy tôi đi xa lắm, nên đến để từ biệt ông đây...

Giật mình tỉnh giấc, nửa tin nửa ngờ, sư liền lên tận nơi xem xét thì rõ ràng sau lưng tượng, rành rành hàng chữ còn đậm nét mực.

Hoảng kinh, sư sai các vãi đem khăn nước lên lau chùi, nhưng cọ rửa mãi mà dòng chữ vẫn y nguyên. Sư chột nghĩ, hay bắt đũa viết bậy lên chùi xem sao? Vậy là Công Uẩn đang ngon giấc bị các sư huynh dựng đầu dậy, lôi cổ lên trình diện thầy. Còn ngái ngủ, nhót dãi đầy mồm, chú quệt lấy rồi tiện tay xoa xoa lên lưng tượng... Lạ lùng thay, chữ bay biến mất, tượng lại sạch bong như xưa.

Giờ, sư Khánh Văn mới thấy cái oai lực phi thường của Công Uẩn, thầm nhủ:

— Quả nó chẳng phải là phàm nhân, người trần mắt thịt thì không thể có điều màu nhiệm như vậy...!

Từ đó, Khánh Văn càng ra sức dạy dỗ, uốn nắn cho Công Uẩn vào khuôn phép lễ giáo và chuyên tâm học tập...

Tuổi nhỏ chí cao

Lên tám chín tuổi thì Công Uẩn đã lầu thông kinh sử, sức học tăng tiến không ngừng. Chú càng học rộng hiểu sâu thì sư Khánh Văn càng cạn kiệt tri thức để truyền thụ, và rồi phải dẫn chú lên chùa Lục Tổ trên núi Tiêu nhờ sư huynh Vạn Hạnh dạy dỗ cho.

Sư Vạn Hạnh bấy giờ là Đại lão Hòa thượng, sư tổ thiền phái Nam Phương của Đại Cồ Việt, là nhà thông thái uyên bác cả tam giáo Nho, Lão, Phật, có kiến văn sâu rộng nên được vua Lê Đại Hành rất trọng vọng, thường mời về triều cùng bàn việc triều chính và sư đã có công trong việc bày mưu hiến kế giúp vua Lê phá Tống bình Chiêm thắng lợi. Vì thế, uy danh của ngài rất lừng lẫy, một lời nói ra thiên hạ kính cẩn xem như sấm ngữ.

Khi sư vừa trông thấy Công Uẩn, đã thốt lên rằng:

— Đứa bé này không phải người thường, về sau ắt sẽ giải nguy gỡ rối khi đất nước sinh biến loạn, và là bậc minh chủ đem lại thái bình cho thiên hạ đó!...

Từ đấy, sư ra sức truyền thụ cho Công Uẩn mọi bình sinh sở học của mình, kể cả binh pháp võ nghệ, rèn luyện chú thành người văn võ song toàn, hầu giúp ích cho đời mai sau...

Dù đã cố khép mình vào khuôn phép, tu học theo lễ lối nhưng không tránh khỏi những lúc bột phát tính hiếu động của tuổi trẻ, chú trốn học quậy phá lung tung. Nhẹ nhàng khuyên bảo mãi không xong, lần đó tức quá sư Vạn Hạnh phạt nặng, trói cậu ở cột hàng hiên ngoài sân cả đêm, không cho vào trai phòng ngủ nghỉ.

Bị trói một chỗ bó buộc hai tay đã bực rồi, lại thêm lũ muỗi mòng như rươi cứ vo ve vo ve tha hồ châm đốt ngứa ngáy vô kể mà chú chẳng thể động tay đập bắt được, hai chân cũng không dám co đạp vùng vẫy mạnh, vì kề bên là hòn non bộ yêu thích của sư, ngày ngày ông vẫn thường chăm chút ngắm nghía.

Mãi không ngủ được, chú chỉ còn cách... rung đùi đuổi muỗi, rồi tức cảnh mà đặt thơ rằng:

*Thiên vi khâm chấm địa vị chiêm,
Nhật nguyệt đồng song đối ngã miên,
Dạ thâm bất cảm thân trường túc,
Chỉ khùng sơn hà xã tắc diên.*

Nghĩa là:

*Trời làm chăn gối, đất làm nền,
Nhật nguyệt châu ta giấc ngủ yên,
Đêm khuya chẳng dám dang chân duỗi,
Duỗi sợ sơn hà bị đổ nghiêng.*

Tiếng thơ vang vọng trong đêm, đầy hùng tâm tráng chí khiến sư Vạn Hạnh rung động cả tâm can. Ngài chưa ngủ đâu, đang đứng ngay sau cửa quan sát chú ấy mà...

Nghe thơ, sư ngẫm ngợi:

— Ngủ mà được trời đất trăng sao châu hầu bao quanh thì có khác gì Thiên tử được canh gác yên giấc nồng?...

— Lại nữa nó không co đạp sợ đổ hòn non bộ mà cảm tác nên câu thơ đầy khẩu khí đế vương: là vua không dám manh động sợ làm khuynh đảo nước nhà, thì đúng là đáng minh quân thật!...

Rồi, sư tha cho Công Uẩn, càng ra sức chăm sóc dạy bảo đấng Thiên tử tương lai...

Về sau, Lý Công Uẩn lên ngôi, tức vua Lý Thái Tổ, sáng lập nên triều đại nhà Lý kéo dài suốt 216 năm, đưa đất nước Đại Cồ Việt - Đại Việt vươn lên một tầm cao mới, hùng mạnh nhất khu vực, muôn dân sống đời thái bình thịnh trị dài lâu.

LÝ CÔNG UẨN

(Giáp Tuất, 974 – Mậu Thìn, 1028)



Quê ở làng Cổ Pháp, huyện Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Sinh ngày 12/2 năm Giáp Tuất, tức ngày 8/3 năm 974.

Mẹ họ Phạm, lên 3 tuổi ông làm con nuôi của sư Lý Khánh Văn và được đặt họ tên là Lý Công Uẩn.

Sau lại học với sư Vạn Hạnh.

Lúc trưởng thành, được sư tiến cử vào triều làm quan nhà Tiền Lê, thăng dần đến Tả Thân vệ Điện tiền chỉ huy sứ.

Lên ngôi vua, tức vua Lý Thái Tổ, lúc 35 tuổi.

Là vị vua khai sáng nhà Lý, và dời đô từ Hoa Lư ra Đại La, đổi gọi là Thăng Long.

Băng hà ngày 3/3 năm Mậu Thìn, tức ngày 31/3/1028, hưởng dương 54 tuổi, làm vua 19 năm, lấy niên hiệu là Thuận Thiên.

LÊ VĂN HỮU



Trí tuệ thần đồng

Cậu bé có chòm tóc trái đào, gương mặt tròn trịa mũm mĩm dễ thương, đặc biệt là đôi mắt đen láy lúc nào cũng mở to xoe tròn đầy nét tinh anh, nhìn cuốn hút như muốn thu tóm mọi sự việc vào khối óc còn non nớt lại thích quan sát học hỏi của mình. Cậu mới chỉ... lên năm, cái tuổi mà chạy còn chưa nhanh, bị đánh thì khóc nhè; ấy vậy mà chẳng giống bọn ti ấu cùng lứa còn tranh ăn giành ngủ, cậu rất thích mon men đến Quán học xem đám học trò tập văn, và nhất là nghe thầy giáo Thụ từ trên huyện về giảng sách, bình văn.

Quán học là ngôi nhà cột gỗ mái tranh đơn sơ, chung quanh gấn lan can gỗ, trong đặt bộ bàn ghế cho thầy, và những ghế dài xếp ngang dọc để học trò ngồi. Nơi đây, cứ vào ngày sóc, vọng hàng tháng (mùng một và ngày rằm), thầy lại về giảng dạy.

Hôm nay, Quán học đông đủ mọi người vì là kỳ tiểu tập^[5] và đương nhiên cậu bé cũng có mặt. Thừa lúc thầy hăng say giảng, còn trò thì mãi miết cầm cúi ghi chép, cậu bé len lén trèo lên cả lan can gỗ, ngồi vắt vẻo đu đưa ra chiều khoái chí lắm, cậu xoay đầu đảo mắt, hết nhìn người này đến người kia...

Chợt thầy trông thấy một trò có vẻ xao nhãng, liền bảo:

— Anh kia, đọc lại chương “Thần đồng thi”^[6] ta nghe nào!

Anh ta đứng lên hoảng hốt, lúng túng lắp bắp:

— Ở... Thiên tử trọng anh hào... hào... hào....?!

Chỉ được thế rồi sờ đầu nhăn mặt nhú mày khổ sở, cố nhớ mà nhớ không ra. Bỗng có tiếng nhắc bài làm anh mừng quýnh, vội đọc theo ngay:

—.... Văn chương giáo nhĩ tào... ạ....

— Rồi sao nữa? Thầy ngạc nhiên vì anh này cứ ngắc ngư câu một.

Cậu bé lại nhắc:

— Vạn ban...

Anh ta như sức nhớ ra, vội đọc thông suốt:

— Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao!... Hết ạ!^[2]

Thầy nghi ngờ lắm vì qua nhiều lần khảo hạch, anh chàng này bao giờ cũng ấm ớ, lúc thuộc bài, lúc không rất là khó hiểu... tựa như có kẻ nhắc tuồng vậy.

Thầy chồm người nhìn ra sau lưng anh học trò... A! Đây rồi, một cậu bé ngồi trên thành gỗ, vẫn đang đọc đi đọc lại các câu ban nãy, trông cậu thật hồn nhiên, chu mỏ tròn miệng phát âm, lại cười tít khi thấy thầy há hốc nhìn mình nữa chứ...

— Đây cháu bé, cháu bao tuổi rồi? Thầy hỏi.

— Gần năm tuổi ạ... Cậu xòe bàn tay giơ lên, trả lời.

— Thế... cháu đã được học chữ chưa?

Cậu lắc đầu nguây nguậy:

— Chưa ạ.

— Sao cháu lại thuộc được bài văn này?

— Cháu nghe ông đọc mấy lượt rồi.

Thầy ngạc nhiên lắm lắm:

— Lạ thật... Chưa biết chữ, mà có thể thuộc được những câu dài thế kia, thì chẳng phải thường...

Ông dẫn cậu bé đến bên án thư, lấy giấy bút, viết câu chữ, cậu nghiêng đầu theo dõi, rất chăm chú..

Rồi giơ cho cậu xem, chỉ từng chữ, giảng rành mạch:

— Đây là chữ THIẾU, chữ TIỂU... TU... CẦN... HỌC. Có nghĩa là trẻ phải siêng năng học tập. Cháu hiểu không? Nhớ không?

Mặt sáng bừng, cậu cười toe, gật lia lia:

— Hiểu ạ, nhớ ạ!

Thầy cắt giấy ấy đi, lấy một tờ khác viết hết như cũ rồi đưa cậu xem.

— Đây là câu chữ gì? Có ý gì cháu biết không?

Cậu rành rọt chỉ từng chữ, giảng giải:

— Chữ THIẾU này... chữ TIỂU này... TU, CẦN, HỌC này... có nghĩa là lúc trẻ phải siêng năng học tập!... Hi hi...

Cậu cười hớn hở hết như học trò giỏi vừa trả bài xong, đợi thầy ban khen. Còn ông giáo Thụ già thì ngạc nhiên hết mức. Ông lấy giấy khác viết chữ mới, cắt nghĩa cho hiểu rồi lại cắt đi. Lát sau, xấp giấy đã dày chứa đầy câu chữ, ông giáo rút từng tờ chẳng theo thứ tự nào, hỏi thì cậu đều nhớ, đáp đúng cả. Day sang đám học trò, thầy bảo:

— Ôi... cậu bé này chưa học chữ mà đã thông tuệ phi thường, có trí nhớ thần kỳ, đúng là... thần đồng đó. Các anh rồi sẽ chẳng theo kịp đâu.

Cậu bé đó chính là Lê Văn Hưu, quê ở làng Phú Lý (còn gọi nôm là Kê Rì) thuộc châu Ái, nay là xã Thiệu Trung, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Hưu mồ côi cha từ lúc chưa chào đời nên chỉ được sự giáo dưỡng của mẹ là bà góa phụ Đỗ Thị Hòa.

Họ Lê này, thưở xa xưa vào thời nhà Đinh, Lê; tổ bảy đời của Hưu là ông Lê Lương, một hào trưởng giàu có nhất vùng, vì có nhiều công trạng với nước với dân, nên đã từng được phong làm Trấn quốc bệch xạ, được ban phẩm hàm và nhiều ân tứ khác, nhưng về sau thì sa sút dần, đến đời Hưu thì chỉ còn thừa hưởng cái tiếng thơm là xuất thân từ danh gia vọng tộc mà thôi.

Riêng về họ ngoại, ông ngoại của Hưu là Đỗ Tất Bình, vốn là một nhà Nho tinh thông phong thủy địa lý. Cái tên “Hưu” là do chính ngoại đặt khi cậu mới lọt lòng mẹ với hàm ý hãy thôi đi những điều xui rủi xấu xa (sớm mất cha) và Hưu cũng có nghĩa là điều tốt lành.^[1]

Từ lúc dân làng kháo nhau về chuyện cậu Hưu thần đồng, đọc đâu nhớ đấy rộ lên, ông ngoại biết rằng cái tinh anh tinh túy của cậu đã phát tiết ra ngoài, cần phải uốn nắn dạy dỗ ngay, nên liền truyền thụ chữ nghĩa bước

đầu... Chỉ vài năm sau, khi mà bọn trẻ đồng lứa vẫn mãi ê a câu ba chữ của sách giáo đầu Tam tự kinh, thì Hưu đã lầu thông cả chương sơ học, đọc cả kinh sử thi thơ... Ông ngoại liền gởi Hưu sang Kẻ Bôn (tức làng Phúc Triều kế bên) để tiếp tục thụ giáo thầy đồ Nguyễn, vì kiến thức của mình đã trút sạch cho cậu cả rồi...

Ứng đối tài tình

Một buổi đi học về, tung tăng chân sáo trên đường làng, lòng Hữu rộn ràng vui tươi khi chợt nhận ra cảnh vật đang thay đổi, muôn hoa khoe sắc, chim ríu rít trên cành, cánh bướm dập dờn trong gió hây hây của tiết xuân êm đềm ấm áp... Nhưng, vui hơn hết là càng ngày sự hiểu biết của cậu càng rộng thêm, dung nạp biết bao là kinh sách thánh hiền. Giờ thì văn thơ phú lục gì cậu cũng thành thạo cả, xuất khẩu thành thi, ứng đối tài tình nên rất được thầy yêu bạn quý, và tâm trạng cậu đang rất phấn chấn yêu đời...

Chợt có tiếng búa nện đê vang lên chát chúa cắt đứt dòng suy nghĩ miên man, Hữu khựng bước, nhìn quanh...

A... là lò rèn của cha con bác phó đây mà, mình ghé vào xem, cũng hay đấy...! Với bản tính thích quan sát tìm hiểu, Hữu liền tách khỏi đường cái, men theo bờ đất tiến đến ngôi nhà tranh lợp xúp núp dưới bóng râm một cây cổ thụ, đó chính là xưởng rèn bác phó.

Bên trong, hơi nóng hừng hực tỏa ra, lò than đỏ rực hắt sáng lên khuôn mặt cha con bác thợ nhễ nhại mồ hôi. Anh con trai đang thụt bễ lò rèn (với động tác kéo lên xuống liên tục hai cần tre nối liền hai ống hình trụ bọc da kín, bằng cách này sẽ bơm gió và không khí theo ống thổi vào lò, phát ra tiếng kêu phì... phò và khiến than cháy phừng lên).

Bác phó thì chăm chú nhìn thanh sắt đang nung, vùi trong lò, khi thấy đã đủ độ liền dùng kim gắp ra đặt lên đê, nhanh tay quai búa làm bắn xoẹt ra những bông lửa đỏ, là những tinh thể sắt bốc cháy, nhấp nháy trông thật vui mắt... Cứ thế, Hữu đứng mãi mê xem cha con bác phó rèn, người kéo bễ phì phò, người đánh búa leng keng. Chợt, cậu nhìn thấy cái giá gỗ treo ở vách, trên gắn đầy những chiếc dùi... Ôi, thật là thích!

Đây là những chiếc dùi thành phẩm đã trui rèn xong, một đầu được mài nhọn, đánh bóng sáng loáng, đầu kia gắn vào tay cầm bằng gỗ tiện, tròn tròn xinh xinh... Trên giá, cắm hàng loạt dùi to nhỏ dài ngắn đủ kích cỡ.

— Phải chi... mình có một chiếc để dùi giấy đóng tập thì thích biết mấy!^[9]

Hữu thèm thưỡng, cứ tròn mắt nhìn dán vào giá cắm dùi, thăm nghĩ....

Bác thợ rèn đang nghỉ tay uống nước, thấy điệu bộ của Hữu thì hiểu ngay cơ sự, cười bảo:

— Này cậu trò nhỏ, thích lắm phải không?

Hữu xấu hổ đỏ mặt, ấp úng ậm ừ...

— Được, cậu là học trò, vậy ta ra đối, hễ đối được ta tặng ngay cho chiếc dùi...

— Thật thế hở bác...? Ôi, cháu thích lắm, bác... ra đối đi.

Hữu vui sướng nhảy cẫng, mừng rỡ reo.

— Cha à,... người ta học sâu hiểu rộng, phong phú ý tứ mới đối đáp, chứ cha con mình chỉ biết... sắt với lửa, thì đối nổi gì.... Hi hi....! Anh con trai góp chuyện, có vẻ chế giễu, cười tít.

— Há há, sâu với chả rộng, cần quái gì, cha chỉ cần lấy ngay sự vật quanh đây, cũng đủ ra đối rồi...

Người cha, áng chừng hiểu biết chữ nghĩa và có tính trào lộng, nên cũng cười to sáng khoái đáp lời cậu con. Xong, ông làm bộ lập nghiêm, tay chỉ từng thứ, từ tốn bảo Hữu:

— Nghe đối đây:.... THAN TRONG LÒ, SẮT TRONG LÒ, LỬA TRONG LÒ, THỐI PHÌ PHÒ ĐÚC NÊN DÙI VỎ.

Ô... Bác thợ rèn đã ra câu đối rất hay; bác dùng lối điệp đối (chữ trong câu được lặp đi lặp lại) để chỉ các vật dụng nghề rèn của mình (lò, than, sắt, lửa) và mô tả công việc lao động vất vả mới có được thành quả là chiếc dùi vỏ nhỏ xíu, phải nhẫn nại như mài sắt thành kim vậy.

Cậu Hữu, không hổ danh là thần đồng trí tuệ, chẳng cần suy nghĩ lâu, đáp đối tức thì:

“GIẤY TRONG TÚI, BÚT TRONG TÚI, MỰC TRONG TÚI, VIẾT LÚI HÚI MÀ ĐỠ KHÔI NGUYÊN”

Hữu chỉ ngay các đồ dùng học tập đang mang trên người là giấy, bút, mực, túi làm vật đối để chọi lại câu của bác thợ rèn; ý đối còn chất chứa một sự tự tin mãnh liệt, một chí khí mạnh mẽ về hoài bão lớn lao khi cậu cho rằng với sức học của mình, chỉ cần lúi húi viết chơi cũng đỗ đầu khoa giáp.

Bác phó hết sức khâm phục, tấm tắc ngợi khen mãi, chọn ngay cây dù đẹp nhất tặng cậu, còn thưởng thêm ba tiền cho cậu mua giấy đóng tập...

Chí khí cao vợ

Giờ thì Lê Văn Hưu đã là một thiếu niên anh tuấn, học rộng tài cao được nhiều người biết tiếng mền mộ. Tuy nhiên, thầy Nguyễn vẫn tỏ ra nghiêm khắc dạy dỗ, tiết kiệm lời khen vì không muốn cậu sinh nết kiêu căng cao ngạo, tự mãn...

Một lần, Hưu đi học trễ vì ham chơi giỡn dọc đường (tuổi trẻ hiếu động mà), đến lớp thì thấy các môn sinh đã yên vị vào chỗ cả, thầy đang bước tới lui đọc kinh văn, mọi người im phắc lắng nghe.... Chừng ngang qua cửa, thoáng thấy Hưu đứng thập thò ngoài cửa, thầy vói tay... đóng sập cửa luôn! Ái chà, vậy là bị phạt không được vào lớp rồi, thầy nghiêm minh thật.

Đứng lâu mỏi chân, bỏ về thì không dám, Hưu bèn ra ngoài sân, dựa vào cây bàng ở cạnh hàng hiên mà chờ... tạ lỗi.

Mãi lâu sau, thầy mới mở cửa nhìn, thấy Hưu vẫn chờ ở đó thì có ý muốn tha cho, nhưng tiện thể cũng muốn thử tài cậu, mới ra câu đối rằng:

“Con mọc tựa cây bàng, dòm (nhìn) nhà bàng nhãn”

Đây là câu đối Hán Nôm, vừa có chữ Hán lẫn chữ Việt (Nôm), và là cách đối chiết tự (phân tích chữ hoặc ghép chữ Hán để đố trí, một cách học - chơi chữ thông minh của người xưa).

Trong câu này, chữ Mộc là cây, ghép với (tựa) chữ Bàng là bên, cho ra chữ Bàng, ý thầy muốn nói đến học vị Bảng Nhãn chỉ xếp thứ hai sau Trạng Nguyên. Và từ hình ảnh Hưu đứng dựa cây bàng mà thầy nảy tứ đối thật tài tình.

Hưu cũng chẳng chịu kém, từ tình cảnh cậu ôm túi học, đứng nhìn vào nhà thầy, liền xuất ý, đáp đối:

“Thăng Quỷ ôm cái đầu, tựa cửa Khôi nguyên”

Trong câu chữ Quý là ma quý, kết hợp (ôm) với chữ Đấu là cái đấu, thành ra chữ Khôi trong Khôi Nguyên, vị trí đỗ đạt hạng đầu trong khoa thi như Giải Nguyên, Hội Nguyên, Đình Nguyên...

Thầy Nguyễn rất hài lòng với câu đối sắc sảo và cả ý chí quyết tâm đạt đỉnh cao trong khoa cử của cậu, bấy giờ mới chịu cho vào lớp...

Công hiến cho đời

Khi khoa thi đã cận kề, thì trường lớp đều đóng cửa, các sĩ tử tự tìm nơi để ôn luyện. Riêng cậu Hữu đến trọ học ở chùa Báo Ân, núi Nhôi (nay là xã Đông Tân, huyện Đông Sơn). Ngôi chùa cổ kính chìm trong không gian u tịch của rừng cây núi đá bao quanh, thật là nơi thanh tịnh để trầm tư mặc tưởng cũng như ôn luyện bài vở.

Hôm đó, Hữu ở ngoài vườn chùa, đọc sách say mê đến độ quên cả ngoại vật, không biết rằng có một vị sư già, đứng cạnh mình tự bao giờ... Nhà sư cũng lặng yên như tượng ngẫm gương mặt sáng láng của Hữu, nhìn đôi mắt tinh anh của cậu lướt nhanh trên từng trang sách. Bóng nắng xuyên qua kẽ lá chiếu rọi lên cậu mà nhà sư tưởng chừng như chính là hào quang trí tuệ từ cậu phát ra...

— Ừm... “Tự tiểu đa tài học, bình sinh chí khí cao”... cậu nhỏ này ham học như vậy, tất là có chí khí lắm đây...! Sư gật gù, tự nhủ thầm.

Rồi như không dừng được việc phải thử “sức học” của Hữu xem ra thế nào, sư đột ngột đọc đối:

“Cây thiên tuế sống ngàn năm”

Đây là cách ‘tức cảnh sinh đối’, vì sư đang đứng cạnh một cây thiên tuế, bèn lấy đó làm đề tài... xuất đối luôn.

Hữu giật mình vì đang chú tâm đọc sách mà; nhưng cái tài ứng đối nhanh nhẹn đã in sâu trong trí tuệ mẫn tiệp của cậu rồi, lúc nào cũng sẵn sàng để tuôn chữ thôi. Cậu buột miệng đọc ngay:

“Hoa thiên lý thơm ngàn dặm”

Thì ra cậu cũng mượn giàn hoa thiên lý ngay hàng rào kia, làm ý đối lại.

Câu đối thật chỉnh, chọi nhau chan chát, nhưng điều khiến sư ông phải sửng người kinh ngạc, nghiền ngẫm thật lâu là khẩu khí tiềm tàng trong câu. Ý sư là tu học thì phải tĩnh tại tĩnh tâm như cây thiên tuế trầm lặng kia, mới đạt được sự trường tồn bất diệt (chữ thiên tuế nghĩa là ngàn tuổi, ngàn năm).

Nhưng Hưu thì có ý ngược lại, cậu cho rằng đã có tài năng thì phải thi thố, cống hiến cho đời, lưu danh thơm muôn thuở cho xứng đáng tài trai, như hoa thiên lý kia tỏa ngát hương thơm vậy (thiên lý có nghĩa là ngàn dặm), chứ đạt đạo cho riêng mình thì phỏng lợi ích chi?

Sư “mô Phật” vái chào rồi quay đi, lòng thư thái thảnh thơi:

— Một tinh hoa nước Việt, sắp nở rộ rồi đây...

Quả nhiên khoa thi đó, (Đinh Mùi 1247, đời vua Trần Thái Tông), Lê Văn Hưu đỗ Bảng Nhãn khi mới mười bảy tuổi.

Cây đèn mẹ tặng, lời dặn khắc ghi

Nhìn cậu con gò người trên chiếc án thấp, dúm mặt tận trang sách, mở to mắt cố đọc chữ bên dưới ngọn đèn cây tù mù leo lét mà bà Hòa xót xa trong dạ.

Nhà neo đơn chỉ có hai mẹ con, chồng mất sớm khi bà còn mang thai cậu, nên khi chào đời, Hữu đã mồ côi cha.

Bà quyết ở vậy, làm lụng nuôi con ăn học cho đến khi khôn lớn thành tài. Như để bù đắp tình thương bao la và sự hy sinh cao cả đó, cậu Hữu lớn lên rất mực hiếu thuận chăm chỉ ngoan ngoãn... và còn mừng hơn khi cậu cực thông minh đỉnh ngộ, được người dân khắp vùng tôn là “thần đồng”.

Tài năng ấy, từ tư chất bẩm sinh chỉ là phần nhỏ, mà do sự khổ công rèn luyện của Hữu mới thật đáng nể. Bất kể đêm hè nóng nực hay tháng đông rét giá, cậu đều học đến tận khuya, rồi mới đầu canh năm (từ 3 đến 4 giờ sáng) lại trở dậy học tiếp, chẳng hề biết mệt mỏi, chẳng bao giờ nói “học đủ rồi”...

Đêm nay, bà Hòa thao thức không ngủ được, ngồi nhìn cậu cặm cụi bên nguồn sáng bé xíu mà chạnh lòng, chợt nghĩ:

— Không được rồi... học hành trong tăm tối thế kia, chưa đến đâu thì mắt đã lòa mất ấy chứ!...

Rồi, tay bà lần tìm lấy chiếc tráp đặt ở đầu chõng (giường tre), trong đó cất giữ xôi tiên, tuy chẳng nhiều nhưng là của tích góp phòng khi trái gió trở trời...

— Mình sẽ sang bên Kè Chè^[10] đặt làm cho con một chiếc đèn đồng (với số tiền này...) và dùng mua dầu thắp....

Bà định bụng như thế nên cảm thấy vui hơn, mân mê xâu tiền rồi đặt lại chỗ cũ. Bỗng, tay bà đụng phải chiếc túi gấm trong tráp, bà cầm lên, chợt bồi hồi nhớ lại chuyện xưa...

Khi mới về làm dâu nhà họ Lê, ông Minh chồng bà^[u] đã trao cho bà chiếc túi gấm này, ân cần dặn dò:

— Đây là bảo vật truyền đời của dòng họ nhà ta, mình phải cất giữ cẩn thận...

Rồi ông mở túi, nhẹ nhàng trút vào lòng bàn tay bà... ồ, là bốn viên ngọc nhỏ tròn xinh xắn, điều đặc biệt là chúng tỏa sáng ngời ngời, một màu xanh dịu mát. Ông kể:

— Bảo ngọc này, chính là một trong số những báu vật của nhà vua ân hưởng mà ông tổ ta rất quý, chọn làm gia bảo truyền đời. Tiếc rằng con cháu đời sau không nối được chí ông, và đến ta thì nàng biết đấy... chỉ còn có nó xem như là di vật của tổ tiên để lại, mình chứng rằng họ Lê đã từng oanh liệt xưa kia...

— Dùng ngọc này làm việc hữu ích cho sự học của nó, còn hơn...

Gà đã gáy sáng, bà Hòa đứng dậy, cẩn thận cài túi ngọc vào thắt lưng, nhẹ nhàng đi ra cửa...

— Hừ ời... mẹ có quà cho con này...!

Hừ đang học, nghe mẹ gọi vội buông sách chạy ra đón. Mẹ đi chợ về, mặt lấm tấm mồ hôi nhưng sao tươi tỉnh lạ, còn cười đầy vẻ... bí mật. Hừ đón lấy thúng hàng đầy ắp mẹ cắp bên hông, bưng vào nhà phụ mẹ, cậu hớn hờ:

— Mẹ kiếm được sách quý cho con, phải không mẹ?

Bà Hòa cười từ tốn mở khăn đậy thúng, lôi ra một chiếc đèn đồng sáng chói:

— Đây, mẹ cho con này...!

Hừ tròn xoe mắt, há hốc cả miệng, ngẩn người ngắm chiếc đèn. Ôi, nó đẹp làm sao...!

Ôm chiếc đèn vào lòng nâng niu, Hữu sung sướng cảm động, thốt không nên lời...

Mẹ vuốt tóc cậu, bảo:

— Mẹ mong rằng với chiếc đèn này, sẽ giúp con học tập tốt hơn, trí tuệ con luôn sáng láng như ngọn đèn chiếu soi vậy...

Hữu rưng rưng nước mắt:

— Vâng ạ... Con xin hứa, sẽ luôn cố gắng ạ...

— Và một điều nữa, mẹ muốn con phải tự biết xét soi trước việc tốt xấu, điều thiện ác, để giữ mình luôn trong sạch như viên minh châu không tì vết kia!

Bà mẹ lại ân cần khuyên dạy, chỉ cho cậu xem viên ngọc sáng ngời, Hữu rất cảm động, cậu hùng hồn hứa:

— Vâng, con xin nhất nhất nghe lời mẹ dạy... mãi mãi!

Từ đó, đêm đêm cây đèn đồng luôn được thắp sáng, ngọc minh châu từ mắt rồng như hút lấy nguồn sáng, rồi phản chiếu trở lại làm cho đèn càng tỏ rạng hơn, giúp cậu Hữu thêm hăng say học tập. Ánh đèn lan tỏa trong căn nhà còn làm ấm lòng người mẹ hiền, vì bà tin chắc một nguồn sáng khác còn mãnh liệt hơn, sẽ bừng lên trong tương lai. Đó chính là cậu Hữu, một nhân tài cho mai sau vậy...

Cây đèn của mẹ trở thành người bạn thân thiết nhất của Hữu trong suốt cuộc đời. Thời học trò, đèn đồng hành cùng cậu dìu mài kinh sử thì khi làm quan, đèn luôn theo ông để xét soi công việc án từ chiếu số hầu giữ mình được công minh liêm chính như lời mẹ dạy. Đèn còn là người bạn tâm giao, nhắc nhở, khích lệ, giúp Hữu vượt qua thử thách những lúc nản chí ngã lòng. Nhờ thế, suốt mấy mươi năm trường với hàng ngàn đêm thức trắng cùng đèn, rốt cuộc ông đã hoàn thành một tác phẩm đồ sộ, đó là bộ Đại Việt Sử ký, bộ sử đầu tiên của nước nhà, và ông cũng là nhà sử gia đầu tiên được công nhận.

Cây đèn còn là vật bất ly thân: trong những lần chạy loạn giặc Nguyên, khi mà triều đình phải đưa ông cùng những sử sách ở Quốc sử viện đến nơi

an toàn để ông tiếp tục viết sử... ông luôn ôm chặt đèn theo.

LÊ VĂN HỮU

(Canh Dần 1230 – Nhâm Tuất 1322)



Quê ở làng Phú Lý, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Đỗ Bảng năm Đinh Mùi (1247) lúc 17 tuổi

Làm quan trải nhiều đời vua Trần

Thi đỗ, được giao ngay chức Phán quan, coi việc Hình luật

Thăng Binh bộ Thượng thư (Bộ trưởng quân sự), tước Nhân Uyển hầu

Đời vua Trần Thánh Tông sung chức Hàn Lâm viện học sĩ kiêm Giám tu viện quốc sử

Tác giả bộ Đại Việt Sử ký

Còn là thầy dạy của Thượng tướng Trần Quang Khải

Mất ngày 23/3 âm lịch (9/4/1322), thọ 92 tuổi.

NGUYỄN HIỀN



Chú tiêu phá phách

Hàng mấy thế kỷ dài, kể từ đời nhà Lý cho đến đời Trần, là giai đoạn cực thịnh của nền Phật giáo Đại Việt. Đã có lúc, hơn nửa số nam nhân cả nước đều làm... sư, và chùa chiền thì đâu đâu cũng thấy mọc lên, nên mới có câu “Đất vua chùa làng” là vậy. Sở dĩ đạo Phật đạt đến sự phát triển tột bậc này vì thời bấy giờ, từ vua quan trong triều cho đến chúng dân ngoài đời, ai ai cũng sùng bái Phật pháp cả.

Trở thành truyền thống, các vị vua khi về già, thường nhường ngôi lại cho Thái tử kế vị, rồi... bỏ đi tu, có khi còn là Tổ của một thiền phái nữa đó.

Còn các tăng già, đại sư rất có vị thế trong triều đình, có vị được phong làm Quốc sư, cùng nghị sự việc nước với vua quan, và ý kiến của họ thường được trọng dụng.

Nên chi, người có xuất thân tu học, sẽ dễ được chăm lấy khi triều đình tuyển chọn nhân tài.

Thời đó, Nho giáo đã truyền bá rộng rãi, các khoa thi đã mở nhưng chưa có thông lệ định kỳ, lúc quốc gia cần thì tổ chức thi năm một, lúc không cần thì cả chục năm cũng chưa có khoa nào... và, để được học cũng không phải chuyện dễ: ngoại trừ Thái học viện ở kinh thành dành cho con em vua quan, lác đác một vài trường tư thực của các bậc danh nho khoa bảng, ở thôn quê hầu như chẳng có trường lớp chi cả. Nhà giàu có thì rước thầy đồ về dạy con mình, còn nhà nghèo thì xem như... không biết chữ!

Tuy nhiên, cũng có những trường hợp ngoại lệ tốt đẹp vô cùng: đó là những nhà nghèo quá không nuôi nổi con thì đem cho chùa quách! Hoặc có thể nói... nhờ chùa nuôi nấng hộ. Và nhà chùa cũng sẵn sàng mở rộng vòng

tay nhân ái từ bi đón nhận, nuôi cho ăn học. (Truyền thống nhân đạo này đến nay vẫn tồn tại đầy bạn ạ, đó là những chùa có nhà từ thiện, nuôi dạy trẻ em cơ nhỡ).

Trạng Nguyễn Hiền của chúng ta, chính là xuất thân từ đây...

Ở thôn Dương A này^[12] cha mẹ của Hiền tuy làm nông mà không có ruộng, họ phải cày thuê cuốc mướn quanh năm để kiếm sống, nhưng vẫn luôn cơm không đủ ăn áo không đủ mặc. Từ khi có thêm cậu con (Nguyễn Hiền), gia cảnh càng túng bấn hơn, làm thì cật lực mà nghèo lại nghèo thêm. Chỉ có Hiền là... lớn nhỉnh hơn tí chút!

Khi cậu lên năm, thì cha mẹ không lo nổi nữa, bước đường cùng rồi, đành phải gửi cậu cho... chùa thôi!

May mà chùa Hà Dương trong làng cũng chẳng đông đúc chi, sư cụ già vui lòng nhận cậu làm đệ tử ngay cho có bầu có bạn, nhất là có người lo nhang đèn quét tước, cơm nước hầu hạ sớm khuya...

— Xuất gia thì phải cạo đầu,

Đi tu theo Bụt châu hầu ngày đêm... nghe chửi!

Sư cụ phán rồi, cây dao cạo bén ngót trong tay sớt ngay lên đầu cậu. Tội nghiệp, có mỗi chòm tóc trái đào cũng bay biến mất. Hiền xoa xoa tay lên cái đầu trọc lóc của mình, hơi lạ lắm... Nhưng nhìn đầu sư cụ cũng... không hơn gì mình thì nực cười, nên... nhe răng cười xòa.

Từ đó Hiền ở luôn trong chùa tu học. Hàng ngày, trời chưa trở sáng đã bị sư cụ dựng dậy, cùng vào chánh điện tụng kinh niệm kệ. Sáng ra, lo trà nước rồi cơm canh, kể lại lo đèn dầu nhang khói. Việc ngoài thì tưới rau quét lá sân chùa... Kể ra cũng lắm việc đối với một cậu nhóc tí tuổi đầu, mà chẳng sao vì Hiền... vốn khổ quen rồi. Vả, bù lại cậu còn được sư cụ dạy chữ cho mà...

Nghĩ rằng Hiền còn bé quá, chưa lĩnh hội được là bao, nên đôi khi rảnh sư mới lấy giấy viết, viết một vài chữ cho cậu học, Hiền nắm bò một bên, chú ý xem....

Nào ngờ, sư vừa đọc, viết xong chữ nào, thì Hiền đã thuộc nằm lòng rồi. Viết cả xấp, thử hỏi lại, bắt viết lại cậu vẫn nhớ sạch, không sai một từ, một nét, tựa như đã biết chữ sẵn vậy. Kinh ngạc tột độ, sư viết tràng giang đại hải cả tờ rồi mười tờ... Hiền đọc qua, là thuộc ngay!

Khiếp sợ thay sức học vô hạn này, mỗi buổi sư dạy tăng số tờ lên, cậu vẫn thuộc ngay, đúng là học một biết mười mà. Trí óc cậu như cái bồ không đáy, đổ vào bao nhiêu chữ cũng không đầy. Riết rồi sư cụ đành để cho cậu tự học, kinh sách gì Hiền cũng ngón sạch, nên chỉ trong vòng 8 năm mà đồ Trạng, đủ biết sức học rất phi thường, ai cũng phải phục là thần đồng.

Học mà không chơi thì chẳng phải là con nít nữa, vì trẻ con vốn hiếu động, thích quậy phá nghịch ngợm mà Hiền cũng đâu khác gì, thậm chí còn phá đến thần phật linh thiêng phải giật mình luôn!

Hôm đó chẳng biết giận dỗi gì tượng bụt tượng thần (Hi, vì phải lau chùi phủi bụi hoài chẳng?), hay là học hành viết lách xong rồi, còn thừa mực trong nghiên bút trong túi nên ngứa tay thích viết bậy chơi? Thế là cậu lên điện thờ, lên ra sau lưng hí hoáy viết, còn khoái chí cười rúc rích nữa vì tượng to, ai mà phát hiện được... Viết chán rồi lại bỏ đi chơi, quên bẵng...

Dè đâu, trò làm mà thầy chịu tội. Tối đó, sư cụ mơ thấy Phật về, quở trách rằng:

— Trụ trì người không nghiêm gì cả, sao không biết dạy bảo răn đe, để cho Trạng lên chùa giỡn Phật giỡn thần.

Sư giật mình tỉnh giấc giữa đêm, cố tịnh tâm mãi không xong, cứ nghĩ:

— Tượng thờ trên chánh điện vẫn y nguyên mà...? Mà trạng nào ở đây nhỉ?!

Rối trí quá, sư đành trở dậy, cầm đèn nện rời phương trượng lò dò lên chánh điện xem xét. Soi khắp các tượng, soi khán thờ không thấy gì lạ. Nhưng mà, khi đi vòng ra sau khán, sư chợt giật nảy người. Lưng tượng Phật có hàng chữ to: PHẬT BA MƯƠI TRƯỞNG... Hoảng quá, sư xem khắp các lưng tượng thì hầu như vị nào cũng bị phạt cả! Riêng hai ông thần

Kim Cương Hộ pháp đứng canh ngoài cửa còn bị phạt nặng hơn, đến...
SÁU MƯƠI TRƯỞNG!

Nhận ra bút tích (nét chữ) của Hiền, sư cụ vừa mừng vừa sợ, nghĩ:

— Thần Phật linh thiêng báo trước cho biết đệ tử này rồi sẽ đỗ Trạng
đầy. Đồng thời cũng nhắc nhở ta phải giáo huấn nó, chứ có tài mà thiếu đức
thì... hỏng!

Sáng ngày trong buổi học, sư ông mới đem lời dạy của Không Tử ra để
răn cậu, rằng:

“KÍNH QUI THẦN NHI VIỄN CHI, KHẢ VỊ TRÍ HỈ”

Nghĩa là: Qui thần thì nên kính mà tránh xa, không tin (mê tín) là trí sáng
suốt vậy.

Hiền hiểu ngay sư cụ trách mình việc viết bậy, nên liền sau đó cậu đi
gánh nước giặt khăn, lau tượng sạch sẽ để sám hối.

So tài văn chương

Bây giờ Nguyễn Hiền mười một tuổi, tiếng tăm về thần đồng hiếu học không chỉ trong vùng mới biết, mà đã vang xa tận kinh đô, và nhiều châu lộ khác. Có người họ Đặng, tên Tính, vốn là một danh Nho (nhà nho tên tuổi), vẫn thường võ ngược xưng danh mình là “Nhất”, đã đọc hết sách trong thiên hạ, nghe tiếng đồn về Hiền thì không chịu nổi, nên lặn lội tìm đến Dương A để so tài văn bút.

Gặp Hiền, thấy chỉ là cậu bé con thì có ý khinh thường, nghĩ:

— Nhỏ như nó thì học được mấy hơi? Ta mà thách đố là nó... bí ngay ấy mà!

Họ Đặng liền thách Hiền làm phú, lấy đầu đề là:

“PHỤNG HOÀNG SÀO VU A CÁC, KỶ LÂN DU VU UYÊN HỮU”^[13]

Cái khó là Đặng giao ước, trong mỗi câu đều phải có tên một con vật.

Không cần nghĩ lâu, Hiền đọc phú ngay:

Qui phi Lạc Thủy

Long bất Mạnh Hà

Ý bi Hữu Hùng chi quốc

Ấp vu Trác Lộc chi a...^[14]

Hiền còn dõm giọng đọc tiếp thì Đặng Tính đã xanh mặt lắc đầu le lưỡi, chắp tay khom mình vái cậu lia lịa:

— Thiên tài!... Quá là thiên tài, Đặng này xin bái phục.

Rồi bỏ đi một nước, còn nghe vọng lại:

— Văn tài của cậu này mới đúng là... thiên hạ đệ nhất đó!

Vì sao chỉ cần nghe Hiền đọc bốn câu mà Đặng Tính đã chịu thua vậy?

Là vì cả bốn câu, mỗi câu đều nêu tên một con vật như họ Đặng yêu cầu: QUI là con rùa, LONG là con rồng, HÙNG là con gấu và LỘC là con hươu; chẳng những thế, câu nào cũng gắn liền với một điển tích trong cổ sử Trung Hoa, cho thấy sự am hiểu phi thường, bác cổ thông kim của cậu, nên Đặng Tính... sợ là phải.

Năm sau (Bính Ngọ 1246), triều đình mở khoa thi, Nguyễn Hiền ứng thí và đỗ ngay Thủ khoa lúc mới 12 tuổi (bấy giờ vẫn chưa chia ra các kỳ thi Hương, Hội, Đình như sau này).

Rồi sang năm sau nữa (Đinh Mùi 1247), mở tiếp khoa thi Thái Học sinh (chọn Tiến sĩ); kể từ khoa này, vua Trần Thái Tông mới đặt ra danh hiệu Tam khôi: gồm Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa dành cho ba người đỗ đầu. Nguyễn Hiền dự thí lại đoạt ngay học vị Trạng nguyên.

Như vậy, Hiền là Trạng nguyên chính thức đầu tiên của Đại Việt ta, được gọi là “Trạng”, còn trước đó (dưới thời Lý, Trần) chỉ gọi là những người đỗ đầu khoa thôi, vì chưa có chức danh này. Nguyễn Hiền còn đạt được một kỳ tích nữa, vì cậu là vị Trạng nhỏ tuổi nhất trong lịch sử khoa cử nước nhà (13 tuổi), nên cũng được gọi là “Trạng non”, “Trạng trẻ con”....

Về quê học lễ

Khi biết ba sĩ tử đoạt tam khôi đều là những thiếu niên anh tài thì chính vua Trần Thái Tông cũng nóng lòng muốn xem mặt họ, bởi vua là người đặt ra điển lệ này mà. Nên một buổi thiết đại triều long trọng diễn ra cho phép các tân khoa khai khoa được vào yết kiến vua.

Trạng nguyên Nguyễn Hiền, Bảng nhãn Lê Văn Hưu và Thám hoa Đặng Ma La cùng bái lạy vua, tung hô:

— Thánh thượng vạn tuế...!

Thái Tông hỏi Đặng Thám Hoa:

— Vậy chứ khanh học hành ra sao mà tuổi trẻ đã đỗ cao được như thế?

— Muôn tâu, “Đắc ư sư truyền” ạ... Đều là nhờ thầy tận tâm truyền dạy, mới được như ngày hôm nay.

Vua đẹp lòng lắm, gật gù khen ngợi, rồi phong ngay chức Thăm hình sứ quan, giữ lại kinh thành làm việc ở Thăm hình viện.

Bảng nhãn Lê Văn Hưu cũng được thăm hỏi và cho nhậm chức pháp quan, cuối cùng đến lượt Nguyễn Hiền...

— Còn tân khoa Trạng nguyên, khanh học hành ở đâu? Như thế nào?!

Hiền đáp:

— “Sinh nhi dĩ tri”, sinh ra đã tự biết rồi, nên kinh sách chỉ lướt qua là nhớ ngay...!

Thái Tông thoát đầu rất hiếu kỳ khi thấy Trạng còn để chỏm, (trước đó sư ông đã cho Hiền tục gia, trở lại nhà để chuẩn bị đi thi), tính hỏi han tường tận, nào ngờ nghe Trạng ăn nói cộc lốc thiếu lễ độ thì không vui trong bụng, giận ra mặt...

Hiền chẳng biết tình ý vua, cứ thản nhiên tiếp:

— Cũng có đôi chữ không biết, thì hỏi sơ qua sư già ở chùa làng tất biết, hiểu ngay!

Vua nghĩ bụng:

— Hừm... thằng bé này ăn nói lấc cấc lại ngạo mạn xác xược, “nhất tự vi sư, bán tự vi sư” (dạy nửa chữ cũng là thầy), sư cụ dạy dỗ mà nó không thừa nhận là lừa dối...

Vua hăm hăm giận dữ, nghĩ tiếp:

—... Chưa biết lễ nghĩa phép tắc thì làm quan sao được? Hừ, hữu tài vô đức... không dùng được rồi.

Vua đứng dậy phẩy tay áo lui vào trong, truyền bãi triều. Vẫn còn tức bực, Thái Tông quay sang bảo viên Phụng Ngự quan (quan hầu cận sai phái, truyền đạt lệnh vua) theo hầu:

— Truyền chỉ dụ cho tên Trạng trẻ con ấy biết rằng Quan gia (đời Trần, vua tự xưng là Quan gia), chưa bổ dụng hẳn được, cho về học lễ ba năm, rồi hẵng tính.

Vậy là Nguyễn Hiền bị đuổi về quê, chẳng được ban mũ áo chức tước gì cả.

Có sao đâu! Ông trạng con lại về với làng quê ruộng đồng, ngoài giờ học thì chơi đùa cùng đám trẻ, thả diều đánh khăng, tắm sông đá cầu... còn gì thỏa thích hơn?... Trẻ con mà!

Câu hát giải nguy

Vào đầu đời nhà Trần (thế kỷ XIII), đất nước Đại Việt khá bình yên thì lúc đó trên thế giới nổi lên một đế quốc hùng mạnh, hệt như một con rồng chuyển mình thức giấc giương vuốt vẫy đuôi. Đế quốc này cứ đánh chiếm các lãnh thổ quốc gia khác, vươn rộng dần từ đông sang tây, từ bắc chí nam khiến nước nào nghe danh cũng phải khiếp sợ. Đó chính là đế quốc Mông Cổ, sau đổi là Đại Nguyên (Nguyên Mông).

Nhà Tống của Trung Hoa lục địa to lớn là thế, vậy mà cứ bị thôn tính dần, đẩy lùi về phía nam và sắp đến hồi cáo chung... vẫn chưa dừng sự bành trướng ở đó, giặc Nguyên Mông lại lăm le nhìn ngó Đại Việt ta, có ý định muốn... nuốt chửng luôn!

Thời xưa, trước khi dùng vũ lực gây chiến với một nước khác, thì người ta hay “đấu trí” trước đã, giống như là chiến tranh do thám vậy. Thường, bên gây hấn sẽ cử sứ đoàn sang, đưa ra những đòi hỏi, yêu sách khó chấp nhận (kiếm cớ gây sự ấy mà), đồng thời cũng kèm theo những bài toán, câu đố hiểm hóc... nhờ giải giùm, hoặc trò đối đáp văn chương thi phú nữa.

Trông thì nực cười, giống như con nít giỡn chơi nhưng thực ra họ đang muốn tìm hiểu xem đất nước đó có thực lực không, vì quan niệm “nhân tài là nguyên khí của quốc gia” mà, nước có nhiều người tài trí giúp sức thì sẽ hùng mạnh, đánh e khó thắng.

Ngược lại, nếu cả triều đình đó mà không giải nổi một bài thơ câu đố nào đấy thì họ biết ngay là đồ yếu hèn, nước nhược binh suy, quần thần quan lại toàn hạng bất tài vì văn chẳng ôn võ chẳng luyện, đem quân đánh sẽ thắng ngay.

Và rồi, Đại Nguyên gây hấn với Đại Việt thật, đòi mượn đường cho quân họ đi xuyên qua nước Việt về phía nam để đánh Chiêm Thành, đòi vua ta phải sang châu Nguyên Chủ (Hoàng đế nhà Nguyên) và còn... dụ ta đầu hàng nữa!

Vua tôi nhà Trần bèn tìm đối sách khôn khéo đáp lại, khi thì mềm dẻo, khi thì cứng rắn, lần lữa mãi mà cuối cùng chẳng tuân theo đòi hỏi nào của họ.

— Thật không biết cái xứ Đại Việt... tí hon này ra sao nữa?!

Các quan sứ nhà Nguyên tức bực bảo nhau, cuối cùng họ gửi cho triều đình ta một trò đố; thử xem có giải được không?

• • •

Từ vua chí quan ai nấy đều hồi hộp chụm đầu nhìn cái tráp đóng kín mà quan Thông Thị^[15] vừa đem từ Quán Dịch^[16] về, đặt ở long án trước mặt.

Tay run run, vua từ từ mở nắp, bên trong là... một cái vỏ ốc và một sợi chỉ:

— Gì thế này?! Trợn mắt ngạc nhiên, vua hỏi, viên quan vội tâu: - Muôn tâu, sứ Nguyên bảo rằng: Nhờ ta xâu sợi chỉ này xuyên qua vỏ ốc ạ...

Thái Tông nhíu mày suy nghĩ:

— Hừ, sao lại bày cái trò trẻ con này chứ?... Ai xâu mà chẳng được?... Hay là họ còn có ý gì khác?

— Tâu... họ còn bảo, nội trong ba ngày, nếu làm được thì họ mới vào... bệ kiến ạ.

Trợn mắt, vua cầm vỏ ốc lên:

— Cái gì mà ba ngày chứ? Trò mọn này ta làm xong ngay... Xem nào.

Tay cầm đầu sợi chỉ, tay kia cầm vỏ ốc, vua luồn sợi chỉ vào, nhưng chỉ được một đoạn thì chỉ đùn lại không xỏ tiếp được vì vỏ ốc xoắn vòng theo hình tròn, để gì xuyên qua.

— Chà... không được! Các khanh làm thử xem...

Vua trao vỏ ốc cho các quan, đến lượt họ thi nhau trở tài: - Ta ngậm đuôi ốc vào miệng, ngài đút chỉ vào miệng ốc để ta hút hơi kéo chỉ qua nhé...!

— Tút... tut... tut... không được rồi. Một vị quan chán nản bảo sau khi đã hút đến hóp má hụt hơi.

Vị khác ra vẻ thông thái, dựng đứng vỏ ốc, đặt sợi chỉ vào rồi đổ nước cho chỉ trôi xuống... Nhưng mà ngược lại, chỉ nhẹ nên nổi lều bều thì có.

Còn rất nhiều người bày đủ trò đủ cách, kể cả Lê Bảng Nhân và Đặng Thám Hoa nữa, vậy mà sợi chỉ mềm mại cứng đầu kia vẫn ngoan cố không chịu chui qua vỏ ốc, cuối cùng tất cả đành chào thua.

Vua có vẻ giận, trách:

— Hừm, bao nhiêu là văn thần võ tướng, uyên bác tinh thâm mà chịu thua cái trò mọn này thì còn gì là quốc thể?... Thật là “Quốc sĩ” đó!^[17]

Quần thần đều sợ hãi, cúi gằm mặt, nín khe....

— A... có cách rồi.

Một người reo lên làm ai nấy đều phải ngoái nhìn, vua mừng rỡ hỏi:

— Sao?... Khanh làm được ạ?

— Muôn tâu... không phải thần đâu ạ, mà có một người... thần tin là làm được.

Cả triều nhao nhao lên:

— Ai?... Là ai vậy?

— Là Trạng nguyên Nguyễn Hiền, (thần đồng xuất chúng), hiện ở quê nhà Dương A đấy...

— Chậc!... Bỏ người ta không dùng, khi cần lại nhờ đến... có phải minh quân không vậy?

Vua lúng túng tự xét mình, rồi nghĩ tiếp:

— Nhưng mà, đây có thể là... quốc nạn, ai cũng phải gánh vác, thôi thì... cứ cho gọi vậy.

Thái Tông liền truyền dụ:

— Hãy tức tốc cho người đón hãn về triều, bảo rằng Quan gia cần hãn hiến kế, nhanh lên!

Một viên quan sứ nhận lệnh, đi ngay...

• • •

Đến đầu làng thì đã giữa trưa, người ngựa đều mệt phờ, phì phò thở... Quan xuống ngựa dắt bộ, ngó quanh xem có ai để hỏi thăm nhà Trạng nguyên. Kia rồi, dưới gốc đa, một bọn trẻ đang nô đùa cười giỡn.

Thấy người lạ đến, lại là một ông quan thì chúng bỗng im bật. Quan hỏi:

— Nghe ta hỏi đây, biết nhà Trạng ở đâu không?

Chẳng đứa nào trả lời - Xời, quan gì hách quá chừng, hỏi han cụt lủn, bọn chúng nghĩ.... - Lại nữa, có huynh trưởng ở đây (huynh trưởng chính là Nguyễn Hiền, cầm đầu lũ trẻ, do quan không biết mặt), huynh còn không nói, bọn ta sao dám?

Hỏi đôi ba lần vẫn vậy, quan đã nổi nóng, lại thấy đứa lớn phất tay ra hiệu cho cả đám bỏ đi thì càng sùng hơn, xỗ đối:

— TỰ LÀ CHỮ, CẮT GIẺNG ĐẦU, CHỮ TỬ LÀ CON, CON AI CON ẤY?

A!... Thì ra quan dùng lối đối chiết tự chữ Hán, này nhé: chữ TỰ nghĩa là chữ viết, cắt giẻng đầu là bỏ phần trên nóc đi, còn lại chữ TỬ là con, con cái. Ý quan mắng rằng: con cái nhà ai mà vô phép thế?

Quan dắt ngựa tiến vào cổng làng, thì đứa lớn cũng đã bỏ đi hướng khác, nó ngoái lui đọc:

— VU LÀ CHỪNG, BỎ NGANG LƯNG, ĐINH LÀ ĐỨA, ĐỨA NÀO ĐỨA NÀY?

Thằng bé cũng chơi chữ chiết tự: chữ VU nghĩa là chừng, bỏ ngang lưng là bỏ cái nét ngang ở giữa đi, còn lại chữ ĐINH nghĩa là đứa, ý cậu ta chửi

lại rằng: vậy chớ đĩa này là đĩa nào? (ám chỉ ông quan).

Quan há hốc ngạc nhiên: Thằng bé đáp đối nhanh trí tài tình quá, nhưng mà... láo!... Xấc xược lắm!

Quan tính quay lại mắng cho một trận, nhưng nó chạy mất tiêu rồi.

• • •

Tìm được đến nhà Trạng, chưa kịp gọi đã thấy chính thằng bé đó từ chái bếp sau nhà thò đầu ra, cười...

— Sao mình ngu đến thế nhỉ? Lẽ ra ban nãy phải biết ngay là Trạng rồi, vì ở chốn quê này có mấy ai văn chương chữ nghĩa trác tuyệt như vậy, vừa ra đối đã đáp lại ngay...!

Quan vỗ đầu tự trách, rồi lần xuống bếp xem Trạng làm gì, thấy Hiền đang lúi húi lo cơm nước sẵn đợi mẹ về.

Quan lại ra đối, không phải để sinh sự nữa mà chỉ là dàn hòa, giễu trợn chơi:

— NGÔ VĂN QUÂN TỬ VIỄN BÀO TRÙ, HÀ TU MỊ TÁO?

(Nghĩa là: Ta nghe người quân tử thì lánh xa nơi bếp núc, sao người lại đi nịnh ông bếp?)

Trong câu này, chữ TRÙ chữ TÁO đều chỉ về bếp. Bị giễu cũng quê, nhưng mà Hiền láu lỉnh lanh lợi lắm, nghĩ ngay ra tứ đối, đáp lại liền:

— NGÃ BẢN HỮU QUAN CƯ ĐỈNH NẠI, KHẢ TẠM ĐIỀU CANH.

(Nghĩa là: Ta có thể làm đến Tể tướng ấy chứ, nhưng mà tạm nếm canh cái đã).

Hiền cũng dùng chữ ĐỈNH NẠI là Tể tướng, và ĐIỀU CANH cũng có nghĩa bóng là Tể tướng, câu đối còn lồng ghép được điển tích^[18] vào nên sứ giả phục lẫn.

Rồi sứ thuật chuyện trong cung, cùng lời nhắn gọi Trạng về triều gấp. Hiền lắc đầu nguầy nguậy, không chịu...

— Trước Hoàng thượng bảo ta không biết lễ phép, nay chính Hoàng thượng mới là... không biết lễ phép đó!

— Á... Á... Phạm thượng, sao Trạng lại dám phát ngôn bừa bãi vậy?

— Không phải a?! Này nhé, phép mời Trạng phải đầy đủ nghi thức chứ, cần có chiếu chỉ này, áo mũ này, xe ngựa này, biển lọng này... phải đầy đủ chu tất mới là biết lễ!

Bị Trạng bắt bẻ cho một hơi, quan sứ cứng họng, đành nhận là thiếu sót (há, hay là xem thường người ta... con nít nhi?). Chuyển sang màn năn nỉ một thôi một hồi, Trạng vẫn cương quyết chối từ. Sứ đành buồn bã vái chào, vội vã hồi triều để bẩm tâu lại...

Vừa phóc lên ngựa định ra roi, chợt quan sứ khựng lại lắng nghe, từ trong nhà giọng trẻ con trong trẻo cất lên, hát điệu đồng dao:

Tích tịch tình tang....

Bắt con kiến càng,

Buộc chỉ ngang lưng...

Bên lấy giấy bưng,

Bên thì bôi mật,

Kiến mừng kiến sang...

Tích tịch tình tang...

Nghe rồi thì gương mặt quan sứ rạng rỡ hẳn, nét lo lắng dăm chiêu vì nhiệm vụ bất thành tan biến mất, kể lại rớt nước mắt do mừng rỡ và cảm động. Ra là Trạng đã chỉ cách cho triều đình giải đố bằng bài hát đố thôi... Sứ hướng về phía nhà, chắp tay vái lia lịa ông Trạng con đang đứng đó mỉm cười, nụ cười đôn hậu hồn nhiên thánh thiện vô cùng.

Rồi sứ giục ngựa phi nhanh về triều báo tin vui...

Quả nhiên, với cách thức Trạng chỉ bày, điều mà rất nhiều người lớn có những cái đầu thông thái không làm được thì con kiến bé xíu đã thực hiện

thành công một cách dễ dàng, sợi chỉ đã xuyên qua vỏ ốc.

Chỉ là đồng ruộng

Sứ bộ nhà Nguyên ngạc nhiên lắm, chưa hết ba ngày mà mẹo đỡ “tuy dễ lại khó” của họ đã bị Nam triều phanh phui ra rồi. Đành phải vào châu vua Nam, trao quốc thư của Nguyên chủ thôi (cứ tưởng bỏ, cho rằng còn lâu mình mới giải đố được nên họ sẽ phè phỡn ở công quán, tha hồ được phục dịch hầu hạ).

Trình thư xong, viên Chánh sứ nhà Nguyên còn dâng lên vua Thái Tông một cái tráp... Lại nữa rồi, vua quan nhà Trần thấy tráp là giật mình, trò gì nữa đây?!...

— Ấy, chỉ là... giao lưu văn hóa... thôi mà! Là bài thơ dân gian ở nước tôi, nhờ người Nam giải xem, là gì vậy?

Viên Chánh sứ cười hề hề, thách đố.

Triều đình lại phải mời hẳn về quán dịch tạm nghỉ, để còn... hội ý.

Vua mở tráp, bên trong là một cuốn thư lụa, viết bài thơ năm chữ bốn câu (ngũ ngôn tứ tuyệt) rằng:

Lưỡng nhật bình đầu nhật

Tứ sơn diên đảo sơn

Lưỡng vương tranh nhất quốc

Tứ khẩu tung hoành gian

Nghĩa là:

Hai mặt trời, mặt trời bằng đầu,

Bốn trái núi, trái núi ngả nghiêng

Hai ông vua tranh nhau một nước,

Bốn cái miệng trong khoảng dọc ngang.

Ai cũng chuyển nhau đọc, mà chẳng ai hiểu gì cả. Vua nổi cơn thịnh nộ:

— Sao cái gì cũng không biết hết vậy?... Các khanh toàn là học giả uyên bác đỗ đạt khoa cử cả, có mấy câu thơ tồi mà không giải được, là sao?!

Bá quan đều nín thinh... Vua chợt nhớ đến vị cứu tinh lần trước, chính là Nguyễn Hiền, liền gọi quan sứ, dụ:

— Nay Quan gia viết chiếu chỉ sắc phong cho quan Trạng, người lập tức về làng mời bằng được Trạng về đây!... Mà nhớ, phải mang theo ngựa xe quân hầu cho đầy đủ đấy...!

Quan sứ bái tạ lãnh mạng, cầm chiếu vua quày quả đi ngay...

• • •

Trạng nguyên Nguyễn Hiền về triều, vào sân rồng yết kiến tạ hoàng ân. Áo mũ lưng thụng xộc xệch lắm, đứng lên quì xuống mấy lần xem vấp ngã, nhưng không sao, Thái Tông không bắt tội, còn mỉm cười hài lòng. Bá quan cũng thi nhau chúc mừng Trạng...

Vua truyền quan Phụng ngự trao cuốn thư cho Nguyễn Hiền xem, cậu chưa kịp mở thì lính thị vệ hôc tốc vào, cấp báo:

— Muôn tâu, sứ phương Bắc xin vào Điện... nghe Trạng giải đố ạ.

Thái Tông chau mày:

— Hừ, đúng là quân... gián điệp mà, ta đã lệnh canh phòng dịch quán nghiêm ngặt, sao chúng lại biết tin được?^[19]

Rồi vua cũng truyền cho vào, để chúng tận mắt thấy... thần đồng tí hon mà giật mình chơi.

Sứ Bắc yên vị xong, ngắm nghía Nguyễn Hiền, cười khẩy có vẻ khi thường, bảo nhau:

— Nghe đồn trạng nước Nam là bậc văn chương kiệt xuất, nào ngờ chỉ là... một thằng nhỏ!

— Ừ, trông còn quê mùa kệch cỡm nữa chứ, hạng này thì trí có là bao? Hè hè...

Chúng còn đang bàn luận thì Hiền đã mở cuốn thư, đọc thơ... Xong, cậu cười bảo:

— Há há... lại trò... trẻ con rồi!

— Muôn tâu, xin cho thần giấy bút để viết lời giải ạ.

Lời tâu của Hiền được chấp thuận ngay, quan Phụng ngự ôm cả xấp giấy, nghiên bút ra. Hiền trải giấy, cầm bút chấm mực viết một chữ ĐIỆN thật to. (Điền nghĩa là ruộng). Cậu giơ tận mặt sứ Bắc, ngoẹo đầu cười:

— Đáp án đây, phải không nào?!

Bọn sứ đều giật mình, ú ớ nhìn nhau... Hồi sau, chúng đứng lên, cung kính vái chào Hiền, thốt:

— Khâm phục, khâm phục... đúng là kỳ tài, kỳ tài!

Sứ còn lễ phép chào cả vua và triều thần rồi lặng lẽ rút lui, vẻ cao ngạo trịch thượng bay biến đâu mất cả...

• • •

Mọi người xúm xít vây quanh Trạng; chẳng còn lo lắng về câu đố nữa, nhưng vẫn bứt rứt không yên vì chả hiểu đầu cua tai nheo gì cả!... Tại sao chỉ một chữ Điền, mà sứ Bắc phải chịu thua? Họ thắc mắc hỏi dồn thì Hiền giải thích:

— Bài thơ ấy là trò đố chiết tự chữ (Hán), cả bốn câu chung qui cũng chỉ nói về một chữ Điền.

Thấy họ vẫn ngỡ ngác chưa thông, cậu cầm bút vừa viết vừa giảng:

— Này nhé, chữ NHẬT là mặt trời, câu “Lưỡng nhật bình đầu nhật” tức là hai mặt trời bằng đầu, nghĩa là viết ngang nhau không cao không thấp, đặt khít nhau chính là chữ Điền đó...!

Từ vua đến quan, bấy giờ mới vuốt râu, gật gù, à.... à... có vẻ bắt đầu hiểu. Hiền tiếp:

— SƠN là núi, câu “Tứ sơn diên đảo sơn”. Bốn trái núi nghiêng ngả, nghĩa là lấy bốn chữ này viết ngang, viết dọc, viết ngược, viết xuôi, nhưng ghép lại với nhau, chỉ là một chữ Điền!

Càng lúc, mọi người càng hào hứng với lối giải của Trạng, họ chăm chú nghe tiếp:

— Đến câu “Lưỡng vương tranh nhất quốc”, là hai ông vua (Vương) tranh nhau một nước, ta viết hai chữ Vương một đứng một nằm, đem lắp lại, vẫn ra chữ Điền.

Ai nấy đều reo lên thích thú vì Hiền chiết tự quá tài tình, cậu giải nốt:

— Cuối cùng, “Tứ khẩu tung hoành gian” là bốn cái miệng (khẩu: miệng) ngang dọc ngăn ra^[20] bốn ngăn, tức là chữ Điền đó!

Giờ thì mọi người đã rõ cả, họ phấn khích vô cùng, hết sức khâm phục Trạng thông tuệ uyên bác, và mừng vì nguyên khí của quốc gia vẫn mạnh mẽ, nhân tài này thừa sức đối địch với kẻ gây hấn mà...

Riêng Trạng lại đăm chiêu tư lự, ra chiều suy nghĩ rất lung, rồi Trạng tâu:

— Muôn tâu, theo thiên ý của thần, việc thách đố giải đố chỉ là chuyện nhỏ, còn trong thâm ý sâu xa, họ muốn hăm dọa ta, hãy đem điền thổ (ruộng đất) mà giao nạp... Tức là... đầu hàng đấy ạ...! Bằng không, rồi họ sẽ xâm lấn...!

Thái Tông trợn mắt, vung tay quả quyết, hét vang:

— Không đời nào!... Non sông gấm vóc này, phải giữ đến cùng... Ta thề QUYẾT CHIẾN....!

Tất cả bá quan văn võ cũng bừng bừng khí thế, giơ cao nắm đấm, đồng thanh hô vang: - QUYẾT CHIẾN!

Chợt nhiều cánh tay chộp lấy cậu, công kênh rồi tung lên cao giữa rừng người, để cậu thấy được Hoàng thượng đang đứng trước long ngai, uy nghi

lâm liệt...

Hiền thích chí, cũng hét toáng lên: QUYẾT THẮNG!...

Tiếc thay, Trạng Hiền qua đời khi còn rất trẻ, không còn dịp để bày mưu hiến kế, cùng triều đình chống lại giặc thù khi về sau này, chúng đã... xâm lăng đúng như lời Trạng tiên đoán.

NGUYỄN HIỀN

(1235 - ?)



Quê ở làng Dương A, huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường, nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

Đỗ Trạng Nguyên khoa thi Thái học sinh năm Đinh Mùi 1247 vào lúc 13 tuổi.

Làm quan ở Quốc Sử viện, rồi thăng đến Thượng Thư Bộ Công. Được ban tước Kim tử vinh lộc đại phu.

Mất khi đang nhậm chức, vua thương tiếc, để tỏ lòng kính trọng cho đổi tên huyện Thượng Hiền quê ông thành Thượng Nguyên để tránh phạm húy.

Cấp 5 mẫu ruộng tư điền cho làng để cúng tế thờ tự, và lập đền thờ tại đây.

LƯƠNG THẾ VINH



Mượn nước lấy vật

Nắng xế chiếu xuyên qua kẽ lá rọi xuống vườn thành những mảng sáng vàng lốm đốm lẫn với khoảng tối của bóng râm. Trong vùng sáng tối đan xen đó, khó mà nhận ra một cậu bé đang đứng tựa vào thân cây, bất động vì nắng cũng chiếu loang lổ lên người và áo quần cậu mặc, vốn đã phai màu trông tựa như thân gỗ, đất bạc...

Cậu chăm chú nhìn lên tàn cây, cành nhánh nào cũng sai trái trĩu quả, những quả bưởi to tròn xanh mướt trông thật mát mắt...

— A! Kia rồi, đầu cành kia có quả bị đốt^[21] hư, mình lấy làm trái cầu được đấy.

Cậu bé reo lên, rồi chạy về phía ấy, cành treo đầy quả lủng lẳng, nhánh vườn dài sà thấp xuống tận con mương nước cạnh vườn.

Vói tay không tới, cậu nhặt một cành khô để chọt, chọt vài lần thì quả rơi ngay... Nhưng mà lại rơi xuống bờ đất nghiêng của con mương, lăn lông lốc rồi lọt tòm xuống nước chìm nghim mất tăm...

— Ô... tiếc quá!

Cậu ngồi xõm chống tay nhìn theo tiếc nuối... Ô kìa, quả bưởi lại từ từ trôi lên, lập lờ trong nước.

— A, hay nhỉ! Ra là quả bưởi không bị chìm... nó được nước nâng lên... Ha ha!

Cậu cười tươi mừng rỡ vì vừa phát hiện ra điều mới lạ, và mừng vì quả cầu bưởi chưa mất, vội lấy cây khều vào, vớt lên ôm chặt. Cậu co chân chạy đi, vẫn không ngừng suy nghĩ: “Sao có vật rơi vào nước thì chìm, vật này lại nổi được nhỉ?!...”

Bọn trẻ trong làng và mục đồng cả chục đứa ngồi dưới bụi tre ở bãi thả trâu ngoài ruộng, trò chuyện:

— Nó làm gì mà lâu thế nhỉ?!...

— Chắc là bị bố mẹ bắt ở nhà học bài rồi...

— Không đâu, thằng Vinh giữ lời lắm, nó học... có lúc thôi mà.

— Ừ, bằng không nó kêu bọn mình chuẩn bị mớ gậy tre này làm chi?!

Đứa vừa nói đá đá bó tre gốc dài độ sáu tay, dính liền phần gốc cứng, cong cong hình lưỡi mác...

— Nó bảo có trò mới vui lắm đấy!...

— Ừ, công nhận nó làm đầu trò giỏi thật, cứ có trò hay lạ chơi hoài không chán...!

— Mà này... sao người lớn lại gọi nó là... Thần đồng nhỉ?

— Há há!... Có vậy mà cũng không biết!

Một đứa làm ra vẻ hiểu chuyện, khinh khỉnh bảo, cả bọn liền hỏi tới:

— Là... sao hả?!

— Là vì, nó hay ở ngoài đồng cùng chúng mình, mà cái gì nó cũng giỏi hơn mình. Này nhé, từ câu cá, thả diều, bẫy chim, bơi lội cho đến đá dế, đua trâu nó đều thắng tất!... Giỏi như thần, vậy chẳng gọi “thần đồng”, ông thầy ở ngoài đồng, thì gọi là gì?

Bọn kia nghe.... “có lý”, gục gặc đầu:

— Ừ nhỉ... ra là thế!

— A ha!... Nó đến kìa, bọn bay.

Một đứa chỉ, reo lên khi thấy cậu bé ôm quả bưởi băng đồng chạy lại...

• • •

Cậu tên là Thế Vinh, họ Lương, sinh sống ở làng Cao Hương này. Vinh trạc mười tuổi, là đứa trẻ thông minh học giỏi nhất làng mà cũng năng động

hoạt bát nhất, thường bày làm trò vui nhộn chơi đùa cùng bọn trẻ.

Vinh thở hển hển hỏi:

— Tao đến trễ vì bận hái... quả bưởi này!

— Xi... Bưởi non thế, làm sao ăn được?

— Tưởng gì... muốn ăn bưởi sao không bảo để tao hái cho, vườn nhà tao bưởi chín đây!

Vinh cười, xua tay:

— Không phải để ăn, mà là... làm quả cầu đánh phết đấy chứ!

Cậu xoay xoay trái bưởi trên tay, tiếp:

— Mình chỉ cần hái quả điếc chơi thôi, thì không phí phạm cây trái...

— À, mà mày mới bảo đánh phết phết gì đó,... là sao?

Một đứa cầm cây tre gộc, quất ngay vào mông thẳng vừa hỏi đến “bộ” một tiếng, cười khoái chí:

— Há há... Tao biết rồi, là phết vào mông thế này này, đúng không?

Thẳng nọ tức tối chop một cây khác tính choảng lại, Vinh vội can:

— Thôi thôi... không phải vậy đâu!

Cậu chỉ cây tre gộc có phần cong ở gốc bảo:

— Cái này gọi là cây gậy đánh phết, phần cong này để phết vào trái cầu... là quả bưởi này, hất đi...

Một đứa chen ngang:

— Á... á... hèn chi, tao thấy nó giống cái nét phết (.) trong bộ chữ mày dạy bọn tao học đó, phải không Vinh?

Vinh cười tươi, gật đầu công nhận thẳng mực đồng so sánh chính xác:

— Phải rồi... đúng vậy đó!

Và cậu kể tiếp:

— Trò chơi này, ngay cả vua quan cũng thích chơi nữa đấy nhé!

Bọn trẻ nhao nhao:

— Hay quá, vua nào chơi?... Chơi ra sao mà kể nghe đi!

— Đây là môn thi đấu cổ chi phổ biến ở kinh thành Thăng Long và châu thổ sông Hồng như các đạo Kinh Bắc, Sơn Tây, Hưng Hóa...

Vinh cầm lấy một cây phết, kể tiếp:

— Vua Lý Thánh Tông và vua Lý Thần Tông đã từng chơi đánh phết với các quan ở sân Long Trì trong cung, còn biểu diễn cho sứ Chiêm Thành xem nữa đấy...

Một đứa hỏi:

— Nhưng mà chơi ra sao hở Vinh? Vua mà cũng thích trò của dân gian ư?

— À,... nhà vua chơi phết thì có khác chứ, quý phái sang trọng hơn vì có ngựa cưỡi để đánh cầu, còn dựng cầu môn gỗ ở hai đầu sân cho hai phe, bên nào đánh quả cầu rơi vào cầu môn của đối phương là thắng.

— A ha,... hay quá, trò này thú vị đây...!

Bọn trẻ hứng khởi reo hò, rồi chợt buồn thiu ngay:

— Nhưng mà... bọn mình không có ngựa... cũng chẳng có cầu môn, làm sao chơi?

Vinh vui vẻ bảo:

— Nào, các bạn hãy lấy mỗi người một cây phết, ta chia làm hai phe, mỗi bên chỉ cần đào một cái lỗ thay cho cầu môn là được rồi.

Đám bạn Vinh lại hí hửng hỏi tiếp:

— Ủa nhỉ, thế cũng hay... rồi đánh phết ra sao?

Vinh hai tay cầm gậy, đập nhẹ vào quả bưởi dưới chân:

— Thì mình chạy bộ đánh, hất, lừa, rê, gạt, quất quả cầu bưởi như thế này này... và chuyền cho đồng đội nữa, cứ hễ đưa được quả cầu vào lỗ của đối phương thì thắng!

Bọn nhóc vung phết nhảy tưng, reo hò:

— Hay quá!... Nào chia phe, đào lỗ, đánh phết ngay...!

• • •

Bãi chẵn trâu trở thành sân đấu phết, náo nhiệt, sôi động bởi tiếng la hét om sòm, tiếng phết chạm nhau cộp cộp và những màn tranh cầu quyết liệt...

Lát sau, một đứa to con đón được quả cầu, hăm hở lùa về phía sân phe Thế Vinh, Vinh và đồng đội xông vào tranh cướp cầu đều bị nó lấn, chèn, huých vai té bổ nghiêng bổ ngửa. Rồi nó thấy mấy đứa cùng phe chờ sẵn trên xa phía lỗ của đối phương, đang vẫy gọi í ới... Nó liền bậm môi dồn hết sức lực vung phết quật thật mạnh vào quả cầu bưỡi, tính chuyển đường chuyển dài... Nào ngờ lực đánh quá mạnh, quả bưỡi vọt lên cao, bay tít ra xa, rơi xuống đất còn nảy tung vài nhíp, rồi bỗng dưng... biến mất!

Cả đám ùa chạy theo để nhặt lại, nhưng tìm mãi vẫn chẳng thấy quả bưỡi đâu.

— Nó đây này bọn mày ơi... Rớt xuống hố sâu rồi!

Một đứa phát hiện thấy, đang nằm bò ra đất, thọc cả cánh tay vào hố, nhưng với không tới. Bọn trẻ bu lại xem, bàn tán:

— Ủm... hố sâu có đến vài mét ấy chứ!

— Với không tới đâu, để tao lấy dây buộc trâu, làm cái thòng lọng rồi thả xuống lôi nó lên.

— Đồ ngu, quả bưỡi tròn vo, thòng lọng làm sao thít nó được?

— Ủ nhi... thế làm sao bây giờ?

— Hay để tao chạy về lấy cây sào dài, chọt nó kéo lên?

— Mà chọt thủng thì còn gì là quả cầu?

— Ủ, mà về làng lại trở ra, cũng tối mất rồi.

Nãy giờ Vinh đứng nghe các bạn tranh cãi, cậu chột nhớ lúc quả bưỡi rơi xuống mương nước, liền tươi nét mặt, bảo chúng:

— Tao có cách lấy quả bưỡi lên rồi.

Nhìn quanh, thấy có ao nước gần đó, Vinh ngoắt các bạn:

— Theo tao mức nước, nhanh lên!

Bọn bạn chưa kịp hỏi han, chưa hiểu ra sao, nghe Vinh giục thì cũng chạy theo. Sẵn có gàu và thùng đựng nước của các bác nông phu để đó, chúng thi nhau mức đem đến đổ vào hố theo chỉ dẫn của Vinh. Chúng chạy đi chạy lại từ ao đến hố, mức nước đổ nước thật là vui. Để động viên chúng nhanh chân lẹ tay hơn, Vinh còn đặt bài hát, hát vui rằng:

Bưởi ơi bưởi

Nghe tao gọi

Đừng làm cao

Đừng trốn tránh

Lên với tao

Vui tiếp nào...

Lát sau, nước trong hố dâng cao dần, mấp mé gần đầy và khi thẳng to con trút ào một gàu đầy khiến nước bắn cả ra ngoài thì quả bưởi cũng phụt lên mặt đất, bọn trẻ mừng rỡ reo hò, nhặt cầu bưởi tiếp tục chơi đánh phết. Chúng rí tai nhau:

— Thằng Vinh, nó có phép... gọi bưởi bọn mày ạ...!

— Đã bảo mà, nó là... ông thần ở ngoài đồng, gì cũng làm được tất!

Riêng Thế Vinh, tay đánh cầu mà đầu cứ mãi nghĩ về việc dùng sức nước để nâng vật lên, cậu định bụng khi về nhà sẽ thí nghiệm, nghiên cứu sâu hơn vấn đề này...

Nhìn bóng đo cây

Một buổi trưa hè oi ả, bọn trẻ tắm sông chán chê rồi rủ nhau đến dưới bóng râm của cây cổ thụ nằm hóng mát tán gẫu. Cây này mọc trơ trọi giữa đồng, to cao không kém gì cây đa đầu làng, thân cây lớn đến nỗi cả mười mấy đứa giăng tay ôm vòng quanh không xuể; tán lá dày rộng chìa ra xa có đến mười trượng^[22] mỗi bề cành nhánh um tùm chia nhiều tầng lớp vươn mãi lên cao. Và những rễ phụ của nó thì to đùng như những con trăn, bò ngoằn ngoèo quanh thân, buông từ cành xuống là dây đu lý tưởng cho bọn trẻ chơi trò đu bay.

— Tao đổ đĩa nào biết được cây này cao bao nhiêu í!

Một đĩa đang nằm dưới gốc, tay kê đầu làm gối ngửa mặt nhìn lên, đổ chúng bạn.

— Theo tao, nó cao chừng vài trượng chứ mấy!

— Tầm bậy!... Tao thấy chí ít cũng phải vài mươi trượng.

— Sai rồi, tao độ chừng... mười mấy trượng thôi.

Thế là xảy ra một trận tranh cãi chí chóe, chẳng đĩa nào chịu đĩa nào...

— Thăng Vinh đâu rồi? Sao không hỏi nó xem!

Một đĩa đề nghị, vậy là Vinh đang ngủ khò trong một hốc cây liền bị chúng dựng dậy hỏi.

— Tao thấy chỉ có cách trèo lên tận ngọn rồi dùng dây xuống tới đất mà đo mới biết được thôi, phải không Vinh?

Có đĩa nêu ý kiến chí lý, Vinh gật đầu lia lịa:

— Đúng rồi!... Cách đó là chính xác nhất đấy!

Thăng nọ được khen, hí hửng bảo bọn kia:

— Thấy chưa, tao nói đâu có sai!.... Chúng mày kiểm dây nổi lại đi, rồi mình leo lên đi...

— Có cách nào đo được, mà không cần phải leo cây không nhỉ?...

Vinh tự nhiên nói to, dường như đang tự hỏi mình làm bọn bạn ngạc nhiên quay cả lại nhìn cậu. Chúng thấy Vinh nhíu mày nhăn trán, có vẻ đang suy nghĩ lung lăm...

— Có nước mày... đốn ngã cây xuống đất thì khỏi leo đấy!

— Hay có phép thần thông bay lên tận ngọn í...

Vài đứa pha trò làm cả bọn bật cười khoái chí, vậy mà Vinh như chẳng nghe, chẳng thấy gì... Cậu đang tập trung cao độ. Rồi khuôn mặt Vinh từ từ giãn ra, cậu lại tươi tỉnh, rạng rỡ cười bảo:

— Tao có cách đo mà không cần leo lên cây rồi!

Bọn bạn ùa lại nhao nhao hỏi là cách gì thì Vinh không trả lời mà đảo mắt nhìn quanh, thấy một đứa dắt thanh gươm gỗ ở dây rút lưng quần, cậu giật phắt:

— Ờ... sao mày lấy gươm của tao?

Vinh không đáp, cậu nâng thanh gươm ngang mặt, nheo mắt nhìn kiểm tra độ thẳng của nó, thấy có những vạch khắc trên thanh gươm gỗ, Vinh hỏi:

— Đây là... cây thước mộc mà!^[23]

— Ừ, thước của bố tao, tao lấy làm gươm đấy...

— Tốt lắm, tao mượn để đo cây đây!....

Nói rồi Vinh cầm thước bước khỏi bóng râm, ra đứng ngoài nắng, nhìn trời, nhìn cây, nhìn phương hướng trong sự ngạc nhiên tột độ của đám bạn...

Một tay cầm thước dựng đứng trên mặt đất, tay kia Vinh dùng que nhỏ vạch đánh dấu khoảng cách hai điểm bóng đổ của cây thước in trên mặt đất, từ điểm dựng thước đến điểm đỉnh của bóng. Tiếp đó cậu dùng thước đo

chiều dài khoảng cách vừa vạch, thấy tương đương độ dài của nửa cây thước mộc đang cầm trên tay...

Rồi Vinh tiến về phía cây, bắt đầu đo bóng cây đang đổ dài trên mặt đất, từ gốc ra đến tận ngọn bóng. Cậu lom khom vừa đi vừa đo, chúng bạn cũng nối đuôi theo sau, lom lom nhìn cậu làm nhưng chẳng hiểu gì hết...

Đo xong, Vinh nhẩm tính:

— Bóng đổ của cây thước mộc chỉ bằng phân nửa chiều dài thật của thước. Bóng đổ của cây cổ thụ này cũng vậy, mình đo được tổng cộng 39 lần thước, nhân đôi lên sẽ là... sẽ là...

Rồi Vinh quả quyết tuyên bố với các bạn:

— Chiều cao của cây cổ thụ này... đúng 10 trượng!....

Bọn bạn nhất định không chịu tin, chúng bảo:

— Bóng là bóng, cây là cây, làm gì có chuyện đo bóng ra cây...

— Ừ, xưa nay có ai làm thế bao giờ?

Một đứa phân giải:

— Được rồi, muốn biết đúng hay sai, mình cứ leo lên cây, dùng dây xuống đo là rõ ngay chứ gì!

Cả bọn đồng tình, liền gom dây lại, nối thành sợi dài giao cho một đứa giỏi leo trèo nhất cầm một đầu dây leo lên cây. lát sau nó hét vọng xuống:

— Xong rồi đấy, tao đưa dây đến tận ngọn rồi...

Bọn bên dưới liền thắt gút để làm dấu ngay đoạn dây chạm đất.

— Mà thả dây rồi leo xuống đi, chúng mình cùng đo...

Liền đó, chúng căng dây ra đất dùng thước mộc đo, đo đi đo lại, cuối cùng thẳng cầm thước bảo:

— Dài đúng mười trượng, chúng mà ạ!....

Bây giờ thì chúng đã tin vào cách đo đặc kỳ diệu của Vinh, cả bọn xúm lại hoan hô cậu; rồi để khen tặng, chúng đan tay làm kiệu, khiêng cậu đi ba vòng quanh gốc cây, tiền hô hậu ủng như rước quan trạng thật là vui. Và,

bạn biết không, chúng không quên hỏi han rồi bắt Vinh bày vẽ cách đo. Vinh vui vẻ chỉ dẫn tường tận cho chúng bạn...

Chỉ hôm sau thôi, cả thôn làng đều ngạc nhiên khi thấy đội quân đo đạc tí hon xuất hiện khắp nơi, trên tay đưa nào cũng cầm cây thước mộc. Chúng đo bóng đổ của cột cờ ngoài đình cho đến tháp chùa, cây cau, cây dừa, lũy tre... gì gì cũng đo được cả. Ai cần biết chiều cao của vật gì khó đo lường, chúng sốt sắng đo giúp ngay.

Khi biết được trò chơi trí tuệ bổ ích này là do Vinh bày ra, các bô lão gật gù bảo:

— Thằng bé ấy, quả là một... thiên tài toán học đấy!

Thật vậy, vào thời đó mà Lương Thế Vinh đã nghĩ ra cách tính tỷ lệ từ bóng đổ để tìm ra chiều cao của vật, hết như những phép tính về tam giác vuông, tam giác đồng dạng mà ngày nay các bạn đang học, thì quả là một phát kiến vĩ đại vô cùng.

Và đặc biệt là từ những tình huống khó khăn bất ngờ xảy ra trong thực tế lúc đang chơi đùa, mà Vinh đã khám phá hoặc phát minh ra những phương pháp giải quyết hết sức khoa học, thực tiễn. những kinh nghiệm đó đều được cậu tích lũy và sáng tạo thêm, để rồi sau này khi lớn lên, Vinh đã viết sách “*Đại Thành toán pháp*”, một sách toán kinh điển dùng để dạy và học, áp dụng cho chương trình thi cử suốt 450 năm trong nền giáo dục nước nhà. Thật là một thiên tài toán học xuất sắc, không hổ danh là “Trạng Lường”.

Trạng Lường là danh hiệu mà mọi người tôn xưng để vinh danh Lương Thế Vinh, người giỏi nhất về khoa tính toán, đo lường. Thật vậy, khi lớn lên đôi chút, là một chàng thiếu niên anh tuấn, Thế Vinh đã trang bị cho mình cả kho kiến thức toán học tân kỳ mà người đương thời không thể có được. Lần đó, nghe tin trên huyện có quan Thị bên Công bộ về khảo sát việc bắc cầu qua sông, dân làng mừng lắm đổ xô đi xem, và đương nhiên là đám trẻ hiếu kỳ năng động của Thế Vinh không thể bỏ qua...

Thiên Bản quê cậu có con sông Đào bao quanh, nước đỏ ngầu phù sa, đang là giờ nước lớn nên dòng chảy xiết lắm, thuyền bè xuôi dòng trôi

phăng phăng... Đã mấy lần quan Thị cử các toán lính giỏi bơi lội, cỡi trần đóng khố buộc dây quanh bụng lội qua bên kia bờ để đo bề rộng sông nhằm tính toán vật liệu cho việc dựng cầu. Nhưng ra chưa đến giữa dòng, họ đã bị nước cuốn phăng, không cách chi qua sông được. Quan phải điều động thuyền của dân quanh vùng nhờ chèo chống sang sông, nhưng ngay cả thuyền cũng chống chọi với dòng nước rất là vất vả... Thấy vậy, Thế Vinh thưa:

— Bẩm quan, không cần phải sang sông, vẫn tính được bề rộng con sông ạ!

— Ờ... cậu này nói hay! Xưa nay, phép đo đạc phải cụ thể, muốn biết chiều dài, rộng, cao, sâu của vật thì dùng dây dùng thước mà đo mới biết được. Bộ cậu có cách chi khác sao? Hay là ước lượng phỏng đoán?!

— Bẩm quan, học trò này chỉ cần bốn cọc tiêu là đo ra bề rộng sông ngay ạ...!

— Được, ta sẽ cho cọc tiêu, mà nhớ, nếu bốn quan đo không xong, thì no đòn đấy...!

— Bẩm... thế nếu đo chính xác thì sao ạ?!

Thế Vinh cười hỏi lại, lém lỉnh:

— Ừ thì... thì... quan sẽ thưởng tiền cho mua giấy bút học chứ sao!

Ôm bốn cọc tiêu, Vinh tiến hành đo ngay. Đầu tiên cậu tìm chỗ đứng sát bờ sông bên này, nhìn qua bờ bên kia thấy có một cây to ven sông, trực diện thẳng góc tầm nhìn, cậu đào lỗ chôn cọc tiêu thứ nhất, ngắm nghía cho cọc thật thẳng đứng so với mặt đất, bảo:

— Học trò sẽ đo chiều rộng sông ở đoạn này, từ cọc tiêu sang đến cái cây bờ bên kia.

Ôm các cọc tiêu còn lại, Vinh đi dọc theo bờ sông độ năm trượng, cậu chôn cọc tiêu thứ hai, cũng sát bờ và nhằm cho thẳng góc với mặt đất... Xong, Vinh lại đi tiếp độ năm trượng nữa, chôn cọc tiêu thứ ba, cậu nheo mắt nhằm xem cho ba cọc tiêu vừa cắm phải thật thẳng hàng và sát bờ sông. Chỉ còn một cọc tiêu cuối cùng, bây giờ Vinh quay lưng lại phía

sông, từ cọc tiêu thứ ba tạo một đường thẳng góc cậ tiến bước, cho đến lúc mắt nhìn thấy cái cây bờ bên kia, cọc tiêu thứ nhì và nơi cậ đang đứng là ba điểm trên một đường thẳng, Vinh cắm cọc tiêu ngay đó.

— Bấm quan, bề rộng sông từ cọc tiêu thứ nhất đến cây cổ thụ bên kia sông, bằng đoạn thẳng từ cọc tiêu 1 đến cọc tiêu 2 nhân với đoạn từ cọc tiêu 3 đến 4 và chia cho đoạn từ cọc tiêu 2 đến 3 ạ...!

Quan nghe Vinh báo liền cho lính lấy thước đo từng đoạn, rồi làm các phép tính như trên, có số thành rồi, quan bảo:

— Bây giờ con nước đã xuống, ta cho người qua sông căng dây đo rồi so hai đáp số xem sao?!...

Và kết quả của hai phương pháp đo chỉ là một, không sai lệch thước tắc nào, bấy giờ quan mới chịu là tài, hỏi han rồi ban thưởng cho Vinh cả xâu tiền. Vinh và bọn bạn thích chí lắm, mặc sức ghé chợ huyện mà mua giấy bút, và chén quà vặt một bữa no càn nhá...!

Vậy là một lần nữa, Thế Vinh đã ứng dụng phép tính tam giác vuông đồng dạng trong hình học, để tìm ra bề rộng sông hết sức tài tình chính xác đấy bạn ạ. Mời bạn xem hình biểu thị phép đo của Thế Vinh.

Trò chơi toán học

Sân đình đầy cây to bóng mát, lát gạch Bát Tràng phẳng phiu, những hành lang quanh co với dãy cột to đùng cũng là sân chơi lý tưởng cho bọn trẻ khi chúng đã chán chạy nhảy ngoài đồng. Ở đây, chúng không dám nghịch phá la hét ồn ào vì cũng ngán sợ ông Thủ từ, nên chỉ bày trò trí tuệ là... đánh cờ. Dùng than, chúng vẽ lên nền gạch hình bàn cờ tướng, cờ gánh, ô quan rồi cũng chia phe lần lượt thi đấu. Nhưng mà luôn luôn phe có Thế Vinh đều thắng vì chẳng đũa nào tính toán nước cờ bằng cậu.. Thua mãi đâm chán, chúng bảo:

— Chơi cờ tướng, mình chỉ tính trước được một vài nước đã rồi tung cả đầu, nhớ không nổi.

— Ủ, còn thằng Vinh nó tính đến cả trăm nước, biết trước cờ thủ (đối thủ đánh cờ) sẽ đi ra sao, bị dồn ép thế nào, cuối cùng là bị chiếu bí, đúng như tính toán của nó...

— Phải rồi!... Nên có bao giờ mình thắng được đâu!

Vài đũa khác lại bàn về cờ gánh, ô quan:

— Đánh cờ gánh, tao chưa gánh được quân nào, nó đã gánh liên hoàn sạch sành sanh hết quân của tao,... tức thật!

— Á à,... còn chơi ô ăn quan hả, giỏi lắm tao mới nhật được vài thằng dân thôi, hi hi... còn hai ông quan với dân hai làng, nó đều hốt sạch...

— Ủ... phải chi bọn mình cũng biết tính toán, thì đâu đến nỗi nhỉ?!.....

Nghe các bạn bảo nhau, Vinh thương lắm, vì quả thật chúng chỉ biết đếm trên đầu ngón tay, làm những con tính cộng, trừ đơn giản nhất thôi... Suy nghĩ một hồi, chợt nảy sáng kiến, Vinh vui mừng reo lên:

— Có cách rồi... Vinh có trò chơi mới đây... sẽ giúp các bạn vừa chơi vừa học mà nhớ nhanh, lại tính toán giỏi nữa đấy!

Rồi Vinh rủ các bạn ra sông suối nhặt thật nhiều những viên đá cuội tròn xinh, đưa nào cũng ôm đầy một bụm đựng trong vạt áo trước bụng... Về lại sân đình, Vinh bảo chúng ngồi dọc hàng lang, đóng sỏi để bên cạnh, rồi Vinh vẽ trước chỗ mỗi đứa một hình vuông chia làm 9 ô bằng nhau, đoạn cậu đi tới lui như ông thầy trong lớp học, bảo:

— Các bạn nghe nhé... “Nhất nhị như nhị”, nghĩa là gì nào?

Có đứa giơ tay:

— Tao biết, nghĩa là... Một lần hai, vẫn là hai!

— Đúng lắm!... Vậy thì các bạn đặt vào ô đầu tiên trong hình hai viên sỏi đi...

Đợi các bạn làm xong, Vinh hỏi tiếp:

— Nghe tiếp nhé... “Nhị nhị thành tứ” là bao nhiêu?

Đứa khác tranh trả lời:

— Tao, tao biết rồi, nghĩa là... Hai lần hai là bốn!

— Đúng, vậy ô thứ nhì, ta xếp mấy viên sỏi nào?

— Bốn... bốn...!

Bọn chúng đồng loạt đáp, vừa thi nhau đếm bốn viên sỏi đặt vào ô... Cứ thế, Vinh lần lượt hỏi và chỉ vẽ, bọn bạn ngoan ngoãn trả lời, đếm sỏi đặt vào ô, chúng chăm chú lắm vì sợ sai sẽ bị các bạn chê dốt, chê ngu. Nhờ sự thi đua đó mà chẳng mấy chốc đứa nào cũng thông thạo, hết như một lớp học gương mẫu vậy...

Cho đến khi chúng bạn thuộc cả “cửu nhị thập bát” rồi “thập nhị nhị thập” (Chín lần hai mười tám và mười lần hai hai mươi) thì Vinh vỗ tay khen ngợi, kêu bạn lùa hết sỏi về để trống các ô và bắt đầu hỏi lại từng đứa, ở một ô bất kỳ không theo thứ tự nữa. Bọn nhóc ganh nhau, cố nhớ, cố thuộc, xem ra chúng đã khoái trò chơi trí tuệ này rồi...

Hôm sau, và những ngày sau nữa, Vinh lại tự soạn các bài phép nhân của số 9, số 8^[24] như “cửu cửu bát nhất”, “cửu bát thất nhị” (chín lần chín tám mươi mốt, chín lần tám bảy mươi hai) làm đề của trò chơi ô số, các bạn cậu đã quen phương pháp, nên làm toán rất nhanh và nhớ lâu nữa, thêm một thời gian thì bạn nào cũng làu làu phép tính này, hỏi đâu đáp đó ngay...

Những trò chơi thời niên thiếu ấy, tưởng rằng rồi sẽ phai nhạt theo thời gian khi dần lớn lên... Nhưng không, với Thế Vinh, một cậu bé đã sớm hình thành tính cách của một nhà toán học, thì đó là những đề tài để cậu tiếp tục nghiên cứu, phát triển. Và về sau, khi đã đỗ đạt ra làm quan, Thế Vinh viết sách *Đại thành toán pháp* để giảng dạy và phổ cập rộng rãi, là sách giáo khoa Toán đầu tiên của nước nhà, nội dung bao gồm những kiến thức toán học đã được biết đến trên thế giới, cùng những khám phá, sáng tạo của Thế Vinh. Bạn biết không, trò chơi ô số kể trên về sau được Vinh hoàn thiện thành một chương toán pháp để giảng dạy, chính là “bảng cửu chương” rất thông dụng đấy...!

Bàn tính ngũ phân

Dù đã là cậu học trò hạng trung tập^[25] đến trường phải mặc áo dài, bới tóc^[26] nghiêm chỉnh, nhưng khi ở nhà rảnh rỗi Vinh vẫn thích mặc áo cánh quần cộc đi chân trần, ra ngoài đồng chơi với các bạn chăn trâu, có khi còn giắt theo sách mà học.

Hôm đó, cả bọn ngồi nghỉ dưới bóng cây cổ thụ, Vinh tay cầm sách đọc mà tai vẫn nghe các bạn chuyện trò...

— Ha... thêm một gút này nữa là đến kỳ lãnh công rồi.

Một đứa nói, tay giơ ra sợi dây rút lưng quần đây những nút thắt cách khoảng trông thật kỳ dị. Vinh ngoái nhìn chăm chú, ngạc nhiên hỏi:

— Dây lưng quần sao bạn lại cột nút như thế? Cấn cái khó chịu lắm...

— Hơ... thì mình gút để ghi nhớ mà. Cứ mỗi gút thế này là một ngày công... Xem này, dây đã được 29 gút rồi đấy, ngày mai nữa là tròn 30, mình lãnh công chăn trâu.

— Thế... sang kỳ mới, thì bạn tính ra sao?

— Thì... thì mình lại tháo hết gút ra, bắt đầu thắt lại một gút, cho ngày đầu tiên.

Vinh nghĩ, sao lại phải phiền phức thế thì một bạn khác đã tháo vòng cổ khâu dây vỏ ốc ra, bảo:

— Há há... thắt làm chi cho mệt, cách của tao gọn hơn mà...

Bạn ấy chỉ khâu vỏ ốc, tiếp:

— Đây nhé, sợi dây này chia làm hai phần bởi hai nút thắt ở hai đầu, một bên dây khâu 30 vỏ ốc, bên kia để trống. Mỗi ngày muốn ghi nhớ chỉ

việc đẩy một vỏ ốc sang phần dây bên kia, khi nào vỏ ốc chuyển sang hết, tức là đủ tháng đẩy thôi!...

— Xi... thế cũng mất công lắm!... Xem tao làm này!

Một đĩa khác bảo, rồi lượm mảnh sành, khía một đường vào cây gậy đuổi trâu, cười khoái chí:

— Há há, thấy chưa? Mỗi ngày chỉ việc khía một vạch là được rồi.

Thấy các bạn tính toán một cách thô sơ hạn hẹp như vậy, Vinh chột chạnh lòng:

— Sao lâu nay mình không để ý việc này nhỉ?... Phải rồi, người dân mình còn hiểu rất hạn chế về toán pháp. Thường họ chỉ biết bấm đốt ngón tay để đếm số đơn giản, còn những số lớn đến thiên, vạn, ức^[27] thì sao nhỉ?! Đành chịu thôi, vì đâu phải ai cũng được học...

Vinh lại nghĩ tiếp:

— Làm tính cộng, trừ còn khó khăn, thì bao giờ mới biết những toán pháp lợi hại như cửu chương, bình phương, đồng phân, sai phân và vô số phương pháp khác?...

Càng suy nghĩ, Vinh càng thấy bức xúc, lo lắng vì hiểu rằng đây chẳng phải chuyện nhỏ. Dân trong nước mà dốt tính toán thì việc buôn bán không phát triển, nói chi đến việc giao thương trao đổi với nước ngoài, mở mang kinh tế...

Bọn bạn ngạc nhiên khi thấy đây là lần đầu chúng rủ Vinh ra bãi chơi đùa mà cậu lắc đầu nguầy nguậy, cứ ngồi tựa gốc cây, nhẩn mặt nhíu mày nghĩ ngợi ghê lắm.

Mọi lần, Vinh có vậy đâu?... Chúng chạy cả rồi mà cậu vẫn chưa thoát được dòng suy nghĩ.

— Phải có cách chi để mọi người đều biết tính toán dễ dàng và nhanh chóng trong giao dịch, nhất là để học dễ nhớ nữa kia...

Vô tình Vinh lấy que vạch ra đất các chữ số nhất, nhị, tam... rồi thập, bách, thiên, vạn... Cậu lẩm bẩm:

— Chỉ với ít con số này, mà đã thiên biến vạn hóa ra biết bao là bài tính, phép tính... A... a... hay là...

Vinh đứng vụt dậy, trong đầu cậu đã lóe ra một tia sáng cho vấn đề:

— Ta làm một dụng cụ để tính thay cho cách thắt nút khắc vạch kia, mà phải tính được nhiều phép... và người ít học cũng tính được, đọc được mới là tiện lợi...!

Cậu phấn khởi vùng chạy đến gò sét ngoài bãi, lúi húi đào bới cho đến lớp đất sét vàng mịn thì cào, hốt đầy vạt áo bọc lại đem về...

Nhào đất sét cho thật nhuyễn rồi Vinh ngắt ra từng cục, vê tròn như viên bi, đoạn cậu dùng que tre vót nhọn xiên cho thật ngay tâm, được vài mươi viên Vinh đem phơi cho khô cứng.

Tiếp đến Vinh xâu những viên bi đất vào mấy sợi dây nhợ. Đóng một cái khung hình chữ nhật bằng cột tre cứng, khung lớn độ cuốn tập mở rộng, cậu dùi lỗ ở hai cạnh khung và xỏ những sợi nhợ xâu bi đất vào, cột cho căng cứng.. Chiếc bàn tính đầu tiên của Thế Vinh ra đời như thế đó!

Nhưng mà, với chỉ 4 gióng (sợi nhợ căng trong khung) thì ít quá, Vinh chỉ tính được từ số thập phân (phần chục) đơn vị, hàng chục và hàng trăm. Lại nữa, viên bi đất cũng dễ nứt vỡ rơi ra nên Vinh mày mò tìm cách khác. Lần này cậu chọn những lóng trúc đều nhau, cưa thành những khoanh ngăn làm viên tính thay cho bi đất, ống trúc rỗng ruột nên dễ xâu hơn, cậu cũng thay sợi nhợ bằng những đoạn tre vót tròn tựa như chiếc đũa cắm vào khung cột, như vậy khung vừa cứng chắc hơn, mà viên tính di chuyển trên trục tre cũng được dễ dàng khi đẩy lên xuống để tính...

Và Vinh tăng số trục lên đến 8, mỗi trục chia làm hai phần, ngăn giữa bởi một thanh chặn, phần trên xâu hai viên tính, phần dưới xâu 5 viên. Bây giờ, bàn tính đã tính được từ hàng bách phân cho đến hàng ức.^[28]

Bàn tính này ra đời thuận lợi vô cùng cho mọi người mọi giới trong việc tính toán. Từ cậu học trò nhỏ thích thú với môn học toán mới mẻ lý thú, nhanh chóng làm quen được nhiều phép tính cho đến những người buôn bán nhỏ lẻ dễ dàng tính tiền hàng hóa chính xác không cần vào đâu được, và

thậm chí các thương gia xuất nhập những lượng hàng hóa khổng lồ, dùng công cụ này để tính vẫn không sai chạy một ly...!

Ngoài việc ứng dụng rộng rãi giúp ai cũng tính được những phép tính đơn giản khi cần thiết, bàn tính của Thế Vinh còn xử lý cả những phép toán phức tạp như bội pháp, qui trừ pháp, chiết pháp, gia pháp, giảm pháp, v.v...

[\[29\]](#)

Rồi càng nghiên cứu sâu, Thế Vinh càng phát hiện ra thêm nhiều tính năng kỳ diệu của bàn tính hơn khi dùng để giải quyết những bài tính đa phức hợp....

Về sau, Thế Vinh vẫn không ngừng cải tiến chiếc bàn tính, phép tính càng nhiều, thì số trục bi càng tăng lên: 13 rồi 15 trục, và cậu đã thay những khoan trục bằng viên gỗ tiện tròn như con cờ tướng, khoan lỗ chính giữa xâu vào trục, lại sơn màu khác nhau để phân biệt viên tính của các hàng: đơn vị, chục, trăm, v.v... Bàn tính giờ đây đã hoàn thiện, nhiều màu đẹp mắt và khi gảy (khảy) các viên tính còn kêu lóc cóc rất vui tai. Vinh đặt tên cho công cụ này là “Bàn tính ngũ phân”.

Điều thú vị là về sau, khi bàn tính gảy của người Trung Hoa du nhập vào nước ta, thì hình dáng không khác mấy với bàn tính của Lương Thế Vinh, và các qui tắc về toán pháp cũng tương tự.

Đây quả là một sáng tạo lớn lao của nhà toán học kỳ tài Thế Vinh, được ứng dụng rộng rãi và sử dụng lâu dài suốt mấy trăm năm ở nước ta, phục vụ cho việc học tập và cả đời sống ngoài xã hội nữa... Chỉ gần đây thôi, bàn tính gảy mới chia tay với giới học trò, khi không còn nằm trong chương trình giảng dạy ở học đường... Tuy nhiên, tài năng toán học của thiếu niên anh tài này thì mãi mãi chúng ta không bao giờ quên.

Thả diều thư giãn

Một trong những thú vui lý tưởng ở đồng quê là thả diều, mà thả “sáo diều” lại càng thú vị hơn nữa, vì ngoài việc ngắm cánh diều lơ lửng trên không, tai còn được nghe tiếng sáo nhật khoan, trầm bổng du dương từ trời cao vọng xuống, làm sáng khoái cả tâm hồn và cảm giác dễ chịu trong ngọn gió hây hây... Vì lẽ đó mà Thế Vinh rất đam mê trò chơi này, và với tính cách của một nhà toán học ham quan sát tìm hiểu, thực nghiệm ứng dụng, đương nhiên là sáo diều của cậu chẳng chịu thua kém những cánh diều nổi tiếng trong vùng. Con diều trắng của Vinh thuộc loại to đại, hai đầu cánh hình lá uốn cong cân đối và dàn sáo có đến năm chiếc mang tên ốc, chuông, chiêng, phèng, còi, khi đón gió phát ra đủ âm thanh, hòa điệu thật nhịp nhàng êm ả.

Những chiều hè, khi gió nồm thổi mát rượi trên đê, là lúc thiếu niên trai tráng trong làng rủ nhau ra đồng thả diều. Cánh diều đã bay cùng bước chân Vinh chạy nhảy khắp các cánh đồng Sét, đồng Thuần, đồng Mông quanh vùng để thi thố diều đẹp, sáo hay, bay cao, đứng vững... Và, cho đến khi kỳ thi gần kề mà Vinh vẫn thích thú với môn chơi này để thư giãn sau những lúc miệt mài học tập...

Trong những buổi đại tập^[30] do các thầy Huấn đạo, Giáo thụ chủ trì và các kỳ bình văn có cả những nhà khoa bảng tên tuổi của Sơn Nam tham dự, văn bài của Thế Vinh và hai anh em Quách Đình Bảo, Quách Hữu Nghiêm luôn được chấm hạng ưu, làm bài mẫu cho các sĩ tử khác tham khảo. Vinh và hai anh em nọ thường được ưu ái cho ngồi bên cạnh thầy, được ban chén rượu “khuyến miễn” là vinh dự lớn nhất để biểu dương tài năng và công lao học tập. Cũng từ đó họ kết tình bằng hữu do mến mộ tài năng của nhau, thường gặp gỡ để trau dồi thi phú, đàm luận văn chương.... Nhưng, càng cận kề kỳ

thi thì sự viếng thăm của anh em họ Quách càng thưa dần, rồi biệt tăm hẳn. Vinh lo lắng nghĩ:

— Hay là họ gặp bất trắc gì chẳng?... Phải sang thăm họ, luôn tiện định ngày cùng nhau lên kinh ứng thí chứ!

Rồi, Thế Vinh khăn gói lên đường đi thăm bạn. Tuy cùng đạo Sơn Nam, nhưng làng Phúc Khê quê nhà của anh em họ Quách xa lắm, đi hơn nửa ngày trời mới đến đầu làng, Thế Vinh liền ghé vào quán lá bên đường nghỉ chân uống nước cho tươi tỉnh lại đã, rồi mới vào nhà thăm bạn.

Thấy Vinh là người lạ, bà hàng nước hỏi:

— Trông cậu ra vẻ là học trò lạ... qua làng này có việc chi vậy?

— Thưa, học trò ghé thăm bằng hữu là anh em họ Quách ở Phúc Khê này ạ...

— Ôi giờ!... Cậu đến lúc này thì hỏng rồi!... Không gặp được họ đâu!

Nghe vậy Vinh giật mình lo lắng hỏi dồn:

— Sao thế ạ?... Họ gặp chuyện chẳng lành ư?... Thưa bác?

Bà hàng nước mau miệng kể:

— Không phải!... Họ vẫn mạnh cả thôi, có điều cả tuần trăng nay rồi cậu Bảo cậu Nghiêm đóng cửa ngôi nhà nấu sủi sôi kinh, quyết giành khôi nguyên ở khoa thi này, nên tuyên bố không bước chân ra khỏi cửa, không tiếp bất cứ ai... Chà, vậy là cậu không may rồi!...

Hiểu ra lý do bạn bật tin, Vinh thầm nghĩ:

— Sắp đến ngày thi mà cứ cố nhồi nhét thêm chữ vào đầu thì phỏng có ích chi? Lỗi học của người này khác xa ta rồi, có gặp cũng chỉ làm phiền toái, gián đoạn sự học của bạn thôi... Huống hồ, bạn còn tuyên bố bế môn, miễn tiếp khách?!...

Vinh đứng dậy trả tiền nước, xách tay nải ra về...

— Ở... ở... thế cậu không định vào thăm bạn nữa sao? Ở xa đến, không chừng họ tiếp đấy...!

Thấy bà hàng quán ái ngại thay cho mình mà mách nước, Vinh chấp tay chào, đáp:

— Thưa, thôi ạ... cháu vào chỉ làm mất thời gian của bạn ấy... Nếu sau có gặp, nhờ bác nhắn là có Thế Vinh đến thăm là được rồi ạ, cảm ơn bác.

Vinh ra về, mãi một thời gian sau, khi đã ôn luyện hoàn tất Đình Bảo mới “khai môn xuất ngoại”. Một buổi đi dạo ra đầu làng, gặp bà hàng nước thì được tin trước đó Vinh có qua thăm, Bảo nghĩ:

— Lúc ấy mình vui đầu ngày đêm còn không kịp ôn bài, sao cậu ta lại có thì giờ rảnh rỗi thế nhỉ?!... Mình phải sang bên ấy đáp lễ, tiện thể xem Vinh học hành ra sao?

Đến lượt Đình Bảo khăn áo qua làng Cao Hương thăm bạn, vào thư phòng thì chẳng thấy Vinh đâu, mặt án thư đã bám đầy bụi, nghiên mực khô cứng, sách quyển quăng bừa bãi như lâu ngày chưa ai rớ đến. Người nhà đi vắng cả, chỉ còn chú tiểu đồng đứng xơ rớ, Bảo hỏi:

— Thế cậu chủ đâu?

Thằng bé cười hồn nhiên, chỉ tay ra ngõ:

— Ở ngoài đồng trống ạ...

— Á... à, ra là cậu ta tìm nơi vắng vẻ yên tĩnh để học, nên mới bỏ mặc thư phòng bừa bộn thế này đây... Bảo nghĩ như vậy, càng tò mò muốn gặp Vinh hơn.

— Em dẫn ta ra gặp cậu chủ nhé?

Bảo vừa hỏi xong thì thằng bé gật đầu lia lịa, nhoẻn cười rồi nắm tay hăm hở lôi cậu vừa đi vừa chạy... Ra khỏi cổng làng, băng qua ruộng đồng, chạy dọc bờ đê cho đến khi thấy những bãi cát trải dài, nhấp nhô, xa xa lổ nhố có một đám người đang chơi thả diều, thằng bé mới buông tay Bảo ra, vừa thở hổn hển vừa cười bảo:

— Cậu chủ đang thả sáo diều đấy... Con diều to nhất bay cao nhất kia kìa... há há... vui quá...

Rồi nó chạy tiếp về phía trước, còn quay lại ngoắt Bảo:

— Cậu cũng đến đó chơi đi, vui lắm!... Ha ha, nhanh nào...!

Bảo đứng chờ người ra, cậu đã nhìn thấy Thế Vinh đang chạy tới lui, giật giật dây diều, hết thả ra lại cuộn bớt dây vào ống tre cầm trên tay, miệng không ngớt reo hò cùng đám mục đồng trai tráng trên bãi, xem ra Vinh rất hào hứng sáng khoái, đặt hết tâm trí vào trò chơi, chẳng chút bận bịu lo nghĩ gì về việc học việc thi cả...

— Thi cử đến nơi rồi mà vẫn vui chơi thoải mái được, thư thái ung dung như vậy thì tài học của người này ta không thể sánh bằng... Thật là kỳ tài!

Bảo nghĩ thầm rồi buồn bã lui thủi quay về, đến nhà càng chuyên tâm ôn luyện hơn nữa...

Và, một cuộc thi đấu giành học vị khoa cử hết sức ly kỳ đã diễn ra giữa Thế Vinh và Đình Bảo, đôi bạn hữu đồng niên đồng khoa, nhưng cũng là kỳ phùng địch thủ của nhau.

Năm ấy (Nhâm Ngọ 1462), triều đình mở khoa thi Hương, ở trường thi Sơn Nam Hạ, Lương Thế Vinh đậu Giải Nguyên (đứng đầu) còn Quách Đình Bảo chỉ đậu Hương Cống, xếp sau một bậc.

Sang năm sau (Quý Mùi 1463), lại mở tiếp khoa thi Hội, đôi bạn này cùng lều chõng về Thăng Long ứng thí. Kỳ này, Đình Bảo đoạt học vị Hội Nguyên đứng đầu cả 1.400 ông Cống sĩ, trên Thế Vinh một bậc... Chỉ còn vào Đình thí, chờ nhà vua đích thân khảo duyệt nữa thôi, Đình Bảo chắc chắn sẽ đoạt Trạng rồi... Nào ngờ, vua Lê Thánh Tông lại ra bài văn sách cho các ông Cống làm, hỏi về vấn đề “Đạo trị nước của các bậc đế vương”.... Ái chà, nếu hỏi về kinh thư chế biểu thì không ai qua được Đình Bảo, vì sở trường của cậu là lối học từ chương cử nghiệp (học gạo), điều gì cũng nhớ như in. Nhưng mà, làm văn sách thì lại cần có kiến văn uyên bác, học một hiểu mười mới có thể bàn luận sâu sắc, đưa ra những kế sách vẹn toàn thiết thực. Đây lại là ưu thế của Thế Vinh, vì sở học của cậu là phải hiểu rõ vấn đề một cách tường tận ngọn nguồn, còn biết phân tích đánh giá và góp ý kiến riêng cho vấn đề đó. Nên chi, bài nghị luận của Vinh vượt trội hơn tất cả.

Các khảo quan khi chấm đến bài của Vinh, đã phê rằng:

— *Thử quyển hữu học thức, nghị khả trúng thượng.* (nghĩa là: *Quyển này có học thức, xứng đáng đỗ đầu*)

Rồi khi quyển của Vinh được trình lên vua xem xét, Thánh Tông đọc xong lấy làm sảng khoái, châu phê rằng:

— *Thử quyển tường minh bất tu đối sách chi danh độc kỳ văn thi nhân tâm thích thích yên.* (nghĩa là: *Quyển sách này rõ ràng không hổ danh là một bài đối sách, càng đọc càng thấy thích thú*).

Nhà vua xuống chiếu phong Lương Thế Vinh làm Trạng nguyên, đệ nhất giáp đệ nhất danh Tiến sĩ Cập đệ. Còn Quách Đình Bảo chỉ đạt hạng ba: Thám hoa - Đệ nhất giáp đệ tam danh Tiến sĩ Cập đệ.

Vua Lê Thánh Tông rất đẹp lòng vì các quan tân khoa đều là những người trẻ tuổi tài cao, rồi đây họ sẽ có nhiều cống hiến tốt đẹp cho triều đình và quốc dân. Và lạ một điều nữa là cả ba vị Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa đều xuất thân từ vùng đất học Sơn Nam Hạ. Phấn khích, vui mừng, Vua sai dệt một lá cờ hoa gấm rồi tự tay mình đề bài thơ khen tặng, để rước đi trong đoàn vinh qui bái tổ của ba quan tân khoa cùng về quê Sơn Nam Hạ cho thêm phần vinh danh, thơ rằng:

Trạng nguyên Lương Thế Vinh,

Bảng nhãn Nguyễn Đức Trinh,

Thám hoa Quách Đình Bảo,

Thiên hạ cộng tri danh.^[31]

Lương Thế Vinh còn rất tài giỏi trong nhiều lĩnh vực khác như nghiên cứu về đạo Phật, tuồng chèo, lễ nhạc triều đình, múa rối nước, v.v... Nhưng nổi bật và đáng nhớ nhất về Thế Vinh, như câu đối của Hoàng giáp Phạm Văn Nghị đề ở đền thờ Trạng khi ghé thăm vào 400 năm sau, rằng:

Tam khôi thái kỳ thiên tử chế

Cửu chương toán học nhân gian truyền.

Nghĩa là:

*Cờ hoa tam khôi vua ban tặng,
Toán học cứu chương dân còn truyền.*

LƯƠNG THẾ VINH

(Tân Dậu 1441 – Bính Thìn 1496)



Quê ở làng Cao Hương, huyện Thiên Bản, phủ Nghĩa Hưng, trấn Sơn Nam. Nay là Cao Phương, xã Liên Bảo, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

Tự là Cảnh Nghi, hiệu Thụy Hiên, biệt danh là Trạng Lường.

Đỗ Trạng nguyên khoa Quý Mùi, niên hiệu Quang Thuận 4, đời vua Lê Thánh Tông (1463), lúc 22 tuổi.

Từ khoa thi của ông mới có lệ khắc tên người đỗ Tiến sĩ vào bia đá đặt ở Văn Miếu, nên tên ông đứng đầu hàng văn bia này.

Viết nhiều tác phẩm như Đại Thành toán pháp, Khải minh toán học, Hí phường phá lục, Thiên môn khoa giáo, v.v...

Dạy học ở Quốc tử giám, Sùng Văn quán và Tú Lâm cục, đào tạo ra nhiều nhân tài giúp nước.

Cùng Thân Nhân Trung và Đỗ Nhuận soạn hai bộ Đồng Văn, Nhã Nhạc dùng trong Quốc lễ và Triều hội.

Soạn nhiều bài ký, văn bia ở Văn Miếu, chùa Diên Hựu.

Sống giản dị thanh cao, thích gần gũi chăm lo cho dân làng, khuyến khích việc mở chợ, buôn thuốc chữa bệnh.

Ông mất năm Bính Thìn 1496 thọ 56 tuổi.

Vua Lê Thánh Tông rất thương tiếc cho lập đền thờ trên nền nhà cũ, phong làm Phúc thần.

Vua viết diếu văn bằng thơ Nôm, bi thương thống thiết rằng:

Chiếu thư Thượng đế xuống đêm qua,
Gióng khánh tiền đài kíp tới nhà,
Cầm tú mấy hàng về động ngọc,
Thánh hiền ba chén ướp hồn hoa,
Khí thiêng đã lại thu sơn nhạc,
Danh lạ còn truyền để quốc gia,
Khuất ngón tay thần tài cái thế,
Lấy ai làm Trạng nước Nam ta?

VỮ HỮU



Vật chứng hoàn hảo

Mùa hè lại về, mùa của cây trái đua nhau chín rộ dưới nắng vàng rực rỡ, ban tặng cho con người vô vàn thứ quả ngon mật ngọt để giải khát trong những ngày nóng nhiệt. Nhất là ở vùng châu thổ sông Hồng như đạo Hải Dương này, đất đai trù phú càng sinh ra lắm sản vật thơm ngon...

Cậu bé Vũ Hữu tung tăng nhảy nhót trên đường đến nhà người bác, lòng ngập tràn vui thích khi được bố cho phép sang đây học hè, vì nhà bác rộng rãi thoáng mát, lại có vườn cây xanh bóng che rợp cả không gian... Vui vì được tha hồ leo trèo chạy nhảy, nhưng thích nhất vẫn là thưởng thức trái chín đầu mùa mà bác hái cho. Ô,... vườn nhà bác có một cây mít mật nổi tiếng nhất làng Mộ Trạch này đây! Cây đại thụ thân to, tàn lá xum xuê, năm nào cũng sai trái, quả trĩu đầy cành, lủng lẳng quanh thân. Đặc biệt là chất lượng của trái thì chẳng cây nào sánh được: múi mít to dày, vàng hươm, thơm mật. Bốc một múi cho vào miệng nhai thì mùi thơm nức mũi, vị ngọt mát lan khắp răng lưỡi...

Ừm, nghĩ đến đây thì nước dãi đã ứa ra đầy mồm, cậu Hữu vội nhanh chân rảo bước...

— Úa?... Nhà bác đây rồi, mà sao đông người tụ tập xôn xao thế nhỉ?

Hữu lo lắng khi thấy đám đông vây quanh bác trước ngõ, cậu phóng vội đến:

— Hừ... có độ chục quả chín cây, tôi định sáng nay mới hái đem ra chợ, vậy mà kẻ nào đã trộm mất rồi, có ức không chứ?

Thì ra ông bác đang kể cho lối xóm nghe việc bị hái trộm mít, mặt vẫn hầm hầm tức tối.

— A, ban này ngoài chợ, bọn tôi thấy người chủ vườn giấp sau vườn bác, cũng bày bán mít còn tươi rói đấy...!

— Phải, phải,... lại là mít mật, hệt như giống mít của bác vậy.

— Ờ... ờ... lạ nhỉ? Vườn ông kia, làm gì có thứ ấy chứ?

Vài ba bà đi chợ về, xúm lại bàn tán; bác của Hữu nghe càng giận, bảo:

— Đâu nào? Phải ra chợ xem mới được!... Gì chứ mít nhà tôi là nhận ra ngay ấy mà.

Rồi bác dắt tay Hữu xăm xăm đi, người rỗi chuyện cũng kéo theo...

Mọi người bu quanh gian hàng bán mít của anh nọ, theo dõi sự tình. Bác của Hữu lật lật mấy trái mít, xem xét:

— Đây nhé, trái này mọc nằm ngay chạc ba nên thân trái cong vòng, gấp eo như thế đó!

— Đây nữa, trái này mọc từ thân cây nên to tròn, gai nở đều đặn...

— Còn trái này nữa, bị vết ong đốt nên đen mất ba chỗ, làm sao mà tôi không nhớ? Sao nhầm được chứ?

Nhận ra mít vườn mình, bác của Hữu tức tối phân bua, người nọ gạt phắt:

— Thôi đi, đừng có mà nhận bừa nhé!... Mít nào chẳng là mít, trái nào mà chẳng giống trái nào?

— Nhưng... giống mít mật này, chỉ vườn tôi mới có! Nhà anh làm gì có?...

Anh bán mít cả cười, vung tay bảo:

— Hé hé... Thiên hạ bao la, bộ chỉ mỗi vườn nhà bác có mít mật chắc?!... Thì, tôi đi mua về bán đó, đã sao nào!

— Hừ, ăn nói ngang ngược lắm, được, để tôi mời khán thị^[32] đến phân xử.

— Bác cứ kiên đi, tôi hầu cho, xem làm gì được nhau nào, há há!...

Khi người khán thị đến cũng lắc đầu chào thua, vì chẳng có chứng cứ gì buộc tội anh kia được.

— Trừ phi bác “bắt tận tay day tận mặt”, chứ ở chợ cơ man là mít thế này, biết mít nào của ai?... Chẳng có bằng chứng mà bác cứ bảo người ta lấy cắp, không khéo còn bị tội... vu khống nữa đấy!

Tội nghiệp người bác, nghe xử vậy thì tức đến nghẹn họng, rành rành là mít của mình, mà đành giương mắt ngó thôi...

Hữu cũng ức lắm, thương cho bác mất của, mà mình cũng... không còn mít ăn! Cậu cứ chăm chăm nhìn quầy mít đầy ắp, quả nào quả nấy, cuống còn tươm (rì) nhựa mủ.

Chợt Hữu nảy ra một kế, reo lên mừng rỡ:

— A!... Cháu có cách để nhận biết phải mít của mình hay không, bác ạ.

Ai cũng tò mò, nhao nhao hỏi:

— Cách gì?... Cách gì hở cháu?!

Hữu nhoẻn cười, rồi phóng vụt đi, ngoái bảo:

— Xin cứ đợi đấy... Cháu quay lại ngay...!

Khi Hữu trở lại, tay ôm một gói lá chuối, mặt đỏ bừng, lấm tẩm mồ hôi vì chạy mệt nhưng cậu vẫn tươi tỉnh, hớn hờ bảo:

— Mọi người hãy xem... bằng chứng đây! Hữu trút gói lá, cả chục cái cuống mít rơi ra, tươm đầy mủ, dấu cắt còn mới toanh. Ai nấy nhìn nhau, lắc đầu, chẳng hiểu gì cả.

Hữu cầm một cuống mít, giơ lên tiếp:

— Đây là phần cuống của những trái mít bị hái trộm còn sót lại trên cây mà cháu vừa cắt xuống... Bây giờ ta đem chắp thử vào những quả mít này, nếu vừa đúng khớp, thì chính là mít của bác tôi...!

Lúc đó mọi người mới ồ lên chợt hiểu, họ thích thú đua nhau lấy cuống mít, hết đọ thử từ quả này, lại so sang quả khác, trong khi anh bán mít mặt cứ xanh dần. Cả chục cái cuống Hữu mới đem đến đều lắp khít với phần cuống mít bị cắt, chứng tỏ chính là mít của vườn nhà bác Hữu.

Anh bán mít dành thú tội chính mình đã hái trộm, xin trả mít và đền bù cho người bác, còn Vũ Hữu được dân làng hết lời ngợi khen về tài trí thông minh, nhanh nhạy.

Thần đồng toán học

Một lần khác, cậu Hữu được bố Khiêm dẫn sang làng bên chơi, thăm một băng hữu. Hai ông bạn già lâu ngày gặp nhau, tay bắt mặt mừng rồi thì chủ khách kéo nhau vào nhà ngòi trên sập gụ, ăn trà hút thuốc, hàn huyên tâm sự. Hữu cũng nhanh chóng nhập bọn với lũ trẻ con, kéo nhau ra sân, đánh khăng đánh đáo.

Bạn của bố có sở thích sưu tập đồ sứ hay sao ấy, nên trong phòng khách trưng bày đầy những đĩa chén lục bình đủ kiểu đủ cỡ, lành lặn cũng có mà sứt mẻ cũ kỹ, rạn nứt hết lớp sứ cũng có... Rồi trong lúc vui chuyện, ông mới trình trọng bê ra cho bố xem một chiếc điếu bát sứ men xanh lam, khảm bạc chạm trổ hình rồng mây thật đẹp, còn vẽ một vẽ thuốc ấn vào nõ điếu, mời bố hút thử...

Bố châm đóm mồi vào nõ điếu, bập bập cho thuốc bén lửa rồi rít một hơi dài kêu ro ro, đoạn ngửa cổ phun ra cả luồng khói trắng dày đặc, gật gù sáng khoái:

— Điếu đẹp lắm, rít hơi, nhẹ mà thông, ngon tuyệt.

Ông bạn nghe khen thì xoa tay đắc ý, chột chừng hừng khi bố nói tiếp:

— Nhưng mà, có điều...

— Điều gì hở bác?

— Phải chi mà nõ điếu cũng bằng bạc nốt thì mới quý, đàng này nó lại làm bằng đồng thau.

Nghe bố nói đúng ý mình, ông ta vỗ đùi, thích chí:

— Đúng lắm! Bác nói đúng lắm!

Rồi kể:

— Điều bát này, nghe đâu làm từ đời nhà Minh bên Trung Quốc, khi tôi sưu tầm được, thì thiếu mất nõ điều nên mới gắn tạm cái bằng đồng vào ấy chứ...

Ông ta cũng rít một hơi thuốc, lại khật khà tiếp:

— Cũng tính đặt thợ đúc cho chiếc nõ điều bằng bạc, có điều chưa biết phải mua bao nhiêu bạc thì vừa?

Bấy giờ bọn trẻ ngoài sân la hét ồm ồm làm hai ông phải nhìn ra, chợt trông thấy Hữu, bạn bố liền bảo:

— Mà này, tôi nghe nói thằng con bác có tài tính toán thông minh lắm? Hay ta thử hỏi nó xem sao!?

Rồi không đợi bố trả lời, ông ngoắt gọi ngay:

— Cháu Hữu!... Vào đây bác nhờ tí nào...

Cậu Hữu nghe bạn bố trình bày, rồi ông còn rút chiếc nõ từ điều bát, dúm vào tay cho cậu tính.

Tương nhẹ chiếc nõ điều trong tay, Hữu nhú mày, suy nghĩ lung lắm:

— Mỗi thứ kim loại thì nặng nhẹ khác nhau, làm sao tính được lượng bạc cho chiếc nõ này đây?!...

— Này cháu, uống chén trà cho tỉnh táo đã, rồi từ từ hẵng tính.

Hữu cảm ơn rồi đỡ lấy chén trà đặt trên đĩa bác ấy trao cho, vì vội nên nước trà sóng sánh, tràn cả ra ngoài đĩa...

Đôi mắt cậu chợt chăm chú nhìn chén đĩa trà, hình như đang nghĩ điều gì lung lắm... Cậu lại lúc lắc chén trà, làm cho nước bắn ra đĩa nhiều hơn. Bố và bác chủ nhà nhìn cậu, ngạc nhiên lắm: Sao nó dám vô phép, nghịch gì thế này?!...

Ngay lúc ấy Hữu chợt reo to, mừng rỡ:

— Aha.... Cháu tìm ra cách tính rồi!

Hữu xin phép, rồi đặt chén trà vào một cái đĩa khác thật khô ráo, đoạn từ từ châm thêm nước cho đến khi đầy ắp chén. Giờ, cậu nhẹ nhàng thả nõ điều vào chén, một phần nước tràn ra đĩa ngay. Cậu cẩn thận lấy chén trà

(có chứa nũ điếu) ra ngoài, rồi rót số nước ở đĩa vào một chén khô khác, giơ cho bố và bạn bố xem, bảo:

— Số bạc cần dùng để đúc chiếc nũ điếu bằng với khối nước trong chén này ạ!

Vậy là cậu đã biết cách tính thể tích của những vật thể có hình dạng khó đo lường. Quả nhiên với ngần ấy bạc, người thợ đã đúc cho bạn bố một chiếc nũ điếu thật hoàn hảo, không thừa không thiếu một ly. Ai cũng thán phục sự tính toán tài tình chính xác và sáng tạo của cậu, họ gọi Vũ Hữu là thần đồng toán học.

Càng lớn lên, Vũ Hữu càng học rộng hiểu sâu và đặc biệt yêu thích nghiên cứu các môn khoa học, toán pháp. Rồi đến khoa thi năm Quý Mùi 1463 đời vua Lê Thánh Tông, Vũ Hữu đỗ Hoàng giáp khi chỉ mới 20 tuổi.

Về sau, Vũ Hữu là vị quan đại thần lập nhiều công trạng, còn là nhà toán học đại tài, đã viết sách *Lập Thành Toán Pháp*, truyền dạy cho người đời.

VŨ HỮU

(Quý Hợi 1443 – Canh Dần 1530)



Quê ở làng Mộ Trạch, huyện Đường An, nay là thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Cha là Vũ Bá Khiêm, em ruột là Vũ Phong làm võ quan, thường được gọi là Trạng Vật.

Thuở nhỏ rất thông minh, giỏi tính toán và có nhiều sáng kiến.

Năm 20 tuổi, đỗ Hoàng giáp khoa thi Quý Mùi niên hiệu Quang Thuận 4 đời vua Lê Thánh Tông (1463).

Làm quan rất thanh liêm, sống đời cần kiệm.

Trải nhiều chức vụ, từ Lang trung Khâm hình viên thăng dần đến Thượng thư Bộ Hộ, tước Tùng Dương Hầu.

Ngoài 70 tuổi về hưu, dựng nhà Phụng Trì Am để an dưỡng, viết sách.

Hơn 80 tuổi vẫn được triều đình trọng dụng, làm Nguyên lão đại thần, phụng mệnh vua đến gặp và ban vương tước cho Mạc Đăng Dung.

Được tặng phong Thái bảo.

Là nhà toán học đã soạn sách Lập thành toán pháp, chỉ dẫn cách chia tính ruộng đất, xây dựng nhà cửa, thành lũy v.v...

Ông mất năm Canh Dần 1530, thọ 87 tuổi.

NGUYỄN QUÁN NHO



Cơm cháy nghĩa tình

Gió bắc từng cơn lùa cái lạnh giá phủ trùm lên vạn vật, bầu trời xám xịt âm đạm trong một chiều đông. Làng Vạn^[3] nhà nhà đều cửa đóng then cài để tránh rét buốt len vào, vậy mà trên đường vắng vẻ, một cậu bé so vai rụt cổ, co ro vì lạnh đang thất thểu bước về hướng cuối làng, nơi có căn nhà tranh rách nát, nhưng là tổ ấm quý báu của mẹ con cậu.

Nhìn cái áo cánh quần cộc cậu mặc trên người, màu thì bạc phếch, đôi chỗ rách bươm, vai gối vá víu lằng nhằng là đủ thấy gia cảnh bần hàn rồi. Đã vậy, cậu còn buộc dây thắt lưng (để khẹp hai vạt áo bung móc sứt khuy ấy mà) bằng sớng tàu lá chuối khô, đeo thêm một cái rọ tre đan lủng lẳng, trông thật nực cười, nhưng cũng thảm hại tội nghiệp làm sao...!

Cậu bé ấy tên là Nguyễn Quán Nho. Ngày đông tháng giá, cậu phải ra đồng mò cua bắt ốc kiếm cái ăn phụ giúp mẹ. Nhưng hôm nay thật rủi, cậu ra về với cái giỏ không vì không bắt được con cua con cá nào cả.

— Rầm!... Tiếng động lớn làm cậu giật mình quay nhìn, thì ra cánh cửa chái bếp căn nhà bên đường do quên cài then, bị gió thốc mở tung ra, gió còn đùa cả cái nồi đồng trên kệ rơi xuống nền đất, rồi xoay tròn và lăn ra phía cửa...

Cậu bé chột sáng bừng mắt, chồm người lên hàng giậu tre, nhìn chăm bẵm chiếc nồi đồng... Quán Nho mừng rỡ vì thấy bên trong nồi, còn cả một lớp cơm cháy vàng ruộm trông ngon lành mà có lẽ người nhà họ vừa dùng cơm chiều xong, thừa ra đấy.

— Hi hi... mình có cách này, không xin xỏ, cũng không trộm... miếng cơm kia...! Quán Nho thầm nghĩ, rồi cất tiếng gọi:

— Bác Cả ơi... Bác Cả ạ...

Một người đàn bà từ trong bếp bước ra, thấy cửa mở, nôi rơi liền cúi xuống nhặt:

— Í... cửa thì mở, nôi ở dưới đất,... lạ nhỉ?

— Là do then không cài, gió thốc vào đấy bác ạ...

Bà ta ngẩng lên thấy Nho đứng ngoài rào, mỉm cười với cậu rồi vói tay định đóng cửa:

— Ủm, cảm ơn cậu nhé!...

— I i... chưa hết mà. Nho thảng thốt xua tay nói.

— Gì nữa hả, cậu bé?! Bà Cả chững lại, hỏi.

— Thưa,... là cháu xin mượn chiếc nôi này, về cho mẹ nấu... đồ ạ. Quán Nho tay chỉ chiếc nôi, mặt đỏ rần (vì không quen nói dối) tuôn một hơi.

— Lạ nhỉ... Ai chẳng biết mẹ con cậu ta nghèo rớt, hôm nay lại mượn nôi đồng nấu ăn cơ đấy?!... Hay là giỗ đám chi đây... Bà Cả trầm nghĩ, rồi chặc lưỡi: - Mà thôi, mình cũng... nhiều chuyện quá, sẵn nôi dơ cho họ mượn thì khi trả được chùi rửa, cũng tốt vậy!

Bà vui vẻ lấy thêm cái nắp vung ra trao cho cậu cả bộ, dặn:

— Đây, nhà bác nấu bếp than, còn nhà cậu chắc đun củi đen cả bồ hóng, vậy nấu xong nhớ kì cọ sạch sẽ nhé!

Nho mừng quýnh, trịnh trọng hai tay ôm lấy nôi như nâng niu báu vật, dạ ran:

— Vâng, vâng ạ, cháu cảm ơn bác ạ... Rồi co cẳng chạy ngay về nhà.

Bạn biết không, miếng cơm cháy dính nôi ấy, được chan nước canh, dầm cho mềm rồi vét vào chén, cũng giúp mẹ con bà Phúc cậu Nho được bữa chắc bụng hơn là món rau củ đại mà họ phải ăn suốt những ngày mùa đông ấy, khi mà tiền gạo hết nhãn, việc làm cũng không ai thuê.

Chiếc nôi đồng sau đó được cọ rửa tinh tươm, thậm chí còn sáng loáng hơn trước vì cậu Nho chịu khó đem ra sông, dùng cát đánh bóng. Và hôm sau, khi bà Cả nhận lại chiếc nôi, hết sức hài lòng.

Cứ thế, chiếc nồi được mượn thường xuyên hơn, vào buổi chiều sau mỗi bữa ăn của gia đình bà. Dần dà, bà Cả cũng hiểu ra, việc mượn nồi chỉ là cái cớ, thực chất, miếng cơm cháy dính nồi mới là chủ đích. Xúc động, cảm thương với hoàn cảnh hai mẹ con cậu, những lần sau đó, khi cho mượn nồi bao giờ bà Cả cũng cố tình để lại lưng lửng cơm. Rồi lần lượt, những người tốt bụng trong làng biết chuyện, họ san sẻ bằng cách thi nhau cho cậu Quán Nho... mượn nồi. Thực chất là chia sẻ cái ăn, giúp mẹ con cậu qua hồi gian nan.

Tấm lòng đùm bọc của xóm giềng với sự việc trông thì nhỏ nhoi, nhưng chứa đựng tình nhân ái tương trợ bao la, là nguồn động viên khích lệ lớn lao giúp cậu Quán Nho vượt khó.

Sau này, khi cậu... được đi học, xóm làng còn ra mặt giúp đỡ cơm gạo áo tiền, vì biết một mình bà Phúc không thể lo toan.

Và, để không phụ những tấm chân tình yêu thương ấy, Quán Nho cố công mài mài kinh sử, lòng hiếu học đã được đền đáp xứng đáng. Quán Nho đỗ Cử nhân khi mới 19 tuổi, ra làm quan vẫn tiếp tục học tập và rồi đỗ Ông Nghè (Tiến sĩ), giữ chức Tế tướng, là trọng thần rường cột của triều đình.

Dù làm quan to, Quán Nho vẫn không bao giờ quên thời niên thiếu đầy gian nan ấy, và luôn tri ân lòng tốt cứu mang của chòm xóm trước kia. Mỗi lần về thăm quê, ông bãi bỏ mọi lễ nghi nghinh tiếp long trọng, đích thân đi thăm hỏi từng nhà, và thân mật bảo với dân làng rằng:

— Tôi chỉ là... “Thằng cháy” đây mà.

Bạn thấy không, con người không quên gốc tích, không vì sự thành đạt hiện tại mà chối bỏ quá khứ thấp kém, đích thị là một người tốt đó (Quán Nho nổi tiếng là quan thanh liêm cần mẫn lo cho dân, cho nước). Và đáng nể hơn là gương hiếu học vượt khó của người. Thử nhìn lại bọn mình xem, chỉ một chút thiếu thốn hay khó khăn trong học tập, đã vội nản chí, chịu thua... Những lúc ấy, nên nhớ đến tấm gương của cậu Nguyễn Quán Nho để mà noi theo, bạn ha!...

Nguồn sáng trí tuệ

Bà Phúc, mẹ của Quán Nho ngày thì tất bật với việc chăn lợn (xắt cây chuối, băm rau bèo nấu cám, tắm cho lợn, quét dọn chuồng...), đêm về lại se sợi bện thừng (từ xơ dừa) để đem bán ở kỳ chợ phiên. Bận rộn là thế, nhưng những lúc rảnh rỗi, bà luôn để tâm chăm sóc dạy dỗ Nho về lễ giáo, về đức tính trung thực và điều hay lẽ phải mà bà hấp thụ được từ cha anh mình, vốn dòng gia giáo lễ nghĩa. Rất mừng là cậu con luôn vâng lời, chưa một lần làm trái ý mẹ... Ấy vậy mà hôm nọ, trên đường đi vớt bèo cho lợn về, bà thấy cậu lấp ló thò bên ngoài cửa sổ một ngôi nhà...

— Hừm, chỉ có kẻ mang ý đồ xấu xa, mới rình mò nhà người ta. Bà Phúc giận dữ nghĩ, rồi gọi cậu, định dạy cho một bài học.

Nhưng nào ngờ, Quán Nho thơ ngây trong trắng đâu biết sắp bị mẹ rầy la, cậu còn vung vẩy lông trúc chuốt nhọn làm quân bút, cười rạng rỡ khoe:

— Mẹ ơi, con ở bên ngoài lớp học của thầy đồ, cũng đọc, viết theo được mấy chữ đấy ạ... Để con đọc mẹ nghe nhé...

Đôi mắt ngấn lệ, bà Phúc đứng sững sờ, tí nữa thì bà trách lầm cậu con rồi. Tội nghiệp, ra là nó ham học như bọn trẻ đồng lúa trong làng, nhưng tự biết phận nghèo nên đành thò thò bên ngoài cửa lớp mà... học lóm đấy thôi.

Nho vẫn đọc ê a, mà bà mẹ chẳng nghe được gì vì bao cảm xúc đang dâng trào, bà mừng thầm con có ý chí ham học, nhưng cũng ngậm ngùi xót xa cho cậu và tủi thân trách phận mình vì không lo toan được để Quán Nho đàng hoàng đến trường lớp như bao trẻ khác...

Ngoài những lúc mò cua bắt ốc và làm lặt vặt phụ mẹ, Nho còn muốn kiếm thêm việc để mẹ đỡ gánh lo, nhưng vì còn nhỏ nên chẳng ai mướn cậu

làm nông tang, ngay cả chăn bò lừa trâu cũng chưa được nữa là... Nên chi, rảnh rỗi là cậu phóng ngay đến lớp học thầy đồ. Lớp do một nhà giàu có trong làng mời thầy về dạy cho con cái mình, lo liệu toàn bộ việc ăn ở của thầy, rồi những nhà khá giả khác cũng gởi con em đến học, phụ đóng góp học phí.^[34]

Tuy chỉ thậm thụt từ ngoài học lóm, nhưng được cái thiên tư thông tuệ bẩm sinh, nên Quán Nho học rất nhanh (ừm, thừa hưởng huyết thống di truyền bên ngoại, cậu Nho có ông bác ruột Trịnh Cao Đệ đỗ đến Tiến sĩ cơ mà). Chữ thầy đồ vừa đọc, viết xong là cậu đã ghi nhớ như in rồi, viết lại không sai một nét...

Cậu thích nhất những câu thầy giảng dạy về sự khuyến học, như câu “Nhân bất học, bất tri nghĩa” là người mà không học thì không biết lễ nghĩa; “nhân sinh bất học minh minh như dạ hành” là người sống mà không học thì mờ tối như đi trong đêm đen; rồi câu “Gia nhược bần, bất khả nhân bần nhi phế học”... nghĩa là nhà nghèo, song chớ vì nghèo mà bỏ học, v.v...

Nghe được những lời giáo huấn này, cậu lấy làm quý như khuôn vàng thước ngọc, từ đó càng cố công theo đuổi, ngày ngày đều đến... bên ngoài lớp.

Rồi một hôm, chẳng biết vô tình hay hữu ý, thầy giảng về sự trọng đạo thánh hiền, là học trò phải quý trọng chữ thánh hiền, không được viết bừa bãi, không bôi xóa dẫm đạp dưới chân, có thể mới mong học giỏi được.

(A!... không chừng thầy đã phát hiện ra có cậu bé học lóm ngoài sân, dùng que vạch chữ lên đất, dầy nền rồi thì dùng chân chà xóa đi để viết chữ khác... nên muốn thử lòng cậu chẳng?!...)

Chỉ biết rằng hôm sau không thấy bóng dáng Quán Nho ngoài song cửa nữa... Cậu xấu hổ bỏ học rồi chẳng?... Không đâu! Nho rất tôn trọng lời dạy của thầy nên tự hứa không viết chữ lên đất nữa, nhưng mua giấy bút thì tiền chẳng có, nên cậu đi tìm thứ chi có thể thay thế được.

Và, kia rồi... những bụi xương rồng mọc trên triển đồi, với những bẹ lá tròn tròn đẹp đẹp, có thể vạch chữ lên như bản khắc hay tập vở ấy chứ! Nghĩ vậy, Nho hăm hờ chặt một số bẹ xương rồng mang về... Cậu cặm cúi cắt bỏ những gai nhọn trên bề mặt bẹ, thế là có ngay phiến lá phẳng phiu, dày dặn đâu thua gì tập quyền của bọn học trò kia?... Giờ thì có thể đứng, ngồi mà viết cũng được, không phải gò người vạch lên đất nữa.

Thích chí, hôm sau Quán Nho lại lò dò đến lớp thầy đồ. Ô kìa... cậu ta mang theo hàng lô lốc bẹ xương rồng, được gọt cắt nhẵn nhụi, giắt quanh dây lưng bẹ chuối, quàng xiên qua vai trông chẳng khác nào anh lính ra trận với đầy đủ cụ bị đeo bì đạn ruột tượng bầu nước vậy... Trông thì nực cười nhưng mà bạn phải nể phục tính kiên trì vượt khó trong học tập của cậu ta mới đúng chứ!

Với que gai nhọn, Quán Nho ngồi cặm cúi khắc những chữ thầy viết, đọc cho bọn trò trong lớp kia. Nhưng rồi, mũ xương rồng từ những nét khắc tươm ra, lần hồi dính lấm lem cả, áo quần tay chân cậu bê bết mũ, những bẹ đã vạch chữ cũng nhòe nhoẹt cả... Thầy đồ, lúc này biết tổng sự hiện diện của cậu, đứng trong song cửa, lén nhìn, lắc đầu tội nghiệp...

— Ừm, sao mình ngốc thế nhỉ? Lá chuối thật thẳng thớm, chỉ việc cắt thành tấm, đóng thành xấp thì có khác chi tập vở giấy đâu?... Hi hi, dốt thật!

Quán Nho vừa tự nhạo mình, vừa nhanh tay dùng con dao nhỏ rọc tàu lá, bỏ phần sóng, cắt lá thành nhiều miếng cỡ trang giấy rồi dùi lỗ một cạnh, xỏ dây lạt cột lại làm gáy sách... Xong, cậu hài lòng ngắm nghía thành quả của mình, xem cũng tươm tất ra phết ấy chứ!....

Từ lóng trúc để vạch lên đất, rồi que cứng để khắc lên bẹ xương rồng, bây giờ cây bút của cậu thu nhỏ dần, chỉ cần bẻ một cái gai nhọn để viết là đủ.

Lần này, cậu đến bên lớp trông thật gọn gàng sạch sẽ chỉ với cuốn tập “lá chuối” cầm tay và “ngòi bút gai” bé xíu giắt đâu cũng được. Bên trong, học trò cặm cúi ghi chép thì ngoài này, cậu cũng tỉ mỉ gò từng nét lên lá cho

ngay, cho đẹp... Thầy đồ lại nhìn qua song, gật gù cười mỉm vì thấy cậu thông minh, chịu khó và nhất là ngoan ngoãn làm theo lời giáo huấn, không viết bậy nữa...

Nhưng... chỉ được vài ngày thì Quán Nho lại buồn thiu. Những cuốn tập lá chuối của cậu đã khô héo vàng úa, quấn queo hết cả, chữ vạch trên đó cũng biến dạng không đọc được nữa.

Nhưng Quán Nho không dễ chịu thua đâu, “thất bại là mẹ thành công” mà; với trí tuệ mẫn tiệp, cậu suy luận ra rằng: “Lá lìa cành thì lá vàng héo, lá trên cây thì vẫn xanh tươi”, nên chi chẳng cần cắt lá đóng tập cho mất công nữa. Hàng ngày, học được câu chữ gì, Quán Nho ráng ghi nhớ, rồi trên đường về, gặp những bụi chuối bên đường làng hay cạnh bờ mương, cậu tha hồ viết lên tàu lá... Dần dà, những cây chuối trong làng đều đầy chữ, chúng trở thành những quyển vở học khổng lồ, như minh chứng rằng học vấn tri thức của Quán Nho cũng ngày một tiềm tàng phong phú lên vậy.

Thầy đồ giờ rất yêu mến cậu vì sự bền chí, kiên gan, thông minh sáng dạ nên tuy cậu không được vào lớp, thầy cũng cố gắng giúp Quán Nho chút đỉnh tiền bạc, giấy bút và tận tình chỉ dạy thêm... Về sau, nhờ sự nỗ lực làm lụng của cả hai mẹ con cộng với phần đóng góp của dân làng tốt bụng, Quán Nho mới có điều kiện đến trường lớp làng hoàng như bao trò khác.

Lần nọ, bà Phúc thấy Quán Nho đang cặm cùi gọt khoét một quả cà già, thỉnh thoảng giơ lên soi, rồi lại gọt, khoét... Nghĩ cậu đang say mê chế tác đồ chơi, bà chau mày bảo:

— Sao không lo học? Ham chơi nghịch ngợm thì có ích gì?

— Không phải đâu mẹ à, là con đang... thực hành đấy chứ ạ...

Cậu liếc thoáng tiếp:

— Mẹ nghe nhé: “Như nang huỳnh, như ánh tuyết, gia tuy bần, học bất chuyết...”.

Thấy vẻ ngơ ngác của mẹ, Nho cười, giải thích:

— Có nghĩa là... Nhà tuy bần cùng, nhưng không chịu bỏ học, làm đèn đom đóm, soi mặt tuyết mà đọc sách.

Nho hào hứng thêm:

— Hôm nay thầy kể cho chúng con nghe về tấm gương hiếu học của cậu bé Xa Dận, sống vào thời nhà Tần bên Trung Quốc... Hi hi, cậu ta cũng... nghèo như mình vậy mẹ ạ, vì không có tiền mua dầu thắp đèn, nên bắt đom đóm bỏ vào túi vải, đêm đến soi sách mà học...

Cậu giờ quả cà đang khoét ruột, khoe:

— Vì vậy con cũng làm đèn vỏ cà này, tối bắt đom đóm bỏ vào ấy chứ!

Hiếu ra, bà Phúc bồi hồi xúc động: “Con mình thật có chí, biết noi gương các bậc tiền hiền, tìm ánh sáng để học thêm ban đêm...”

Bà chặc lưỡi: “Nhà nghèo quá, đến rơm củi còn không đủ dùng, nói chi đến đèn dầu... Nhưng mà, vỏ quả cà thì đục lỗ, hay mình tìm thứ gì khác cho nó nhất đom đóm...”

Bà Phúc lần dò đầu thôn cuối xóm, sau cùng tìm được cho cậu một cái vỏ trứng ngỗng. Nho thích lắm, cậu chùi rửa sạch sẽ, bắt thật nhiều đom đóm bỏ vào rồi quấn lá chuối làm nút đậy lỗ hồng lại.

Tối đến, với ngọn đèn đom đóm lập lòe trong tay, di qua lại trên từng trang sách mặt chữ, Quán Nho đã không bỏ phí thời gian, thu thập thêm biết bao là kiến thức...

Chốc chốc đèn đom đóm lại sáng bừng lên, soi tỏ khuôn mặt đỉnh ngộ của Quán Nho, rạng ngời thành vầng hào quang bao quanh đầu cậu. Vâng, chính là hào quang trí tuệ đang tỏa sáng từ khối óc và chí khí vượt khó hiếu học của cậu đấy thôi!...

Bà Phúc ngồi nhìn con, chột ảm cả cõi lòng.

Vớt bè trôi bái tổ

... “Một lòng thờ mẹ kính cha,
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con.”

Câu ca dao này ai trong chúng ta cũng đã nằm lòng từ thuở bắt đầu cắp sách đến trường. Nhưng, ghi nhớ thì dễ, thực hành mới là điều khó, chỉ cần bị cha mẹ rầy la chút đỉnh, thì bạn đã vùng vằng giận dữ rồi, đúng không nào?!....

Vậy mà có những người, từ thơ ấu cho đến lão thành, vẫn một lòng cung cúc tận tụy phụng thờ cha mẹ, giữ tròn đạo hiếu, được ngợi khen là hiếu tử, chí hiếu...

Một trong số đó là danh nhân Nguyễn Quán Nho, tấm gương sáng đa diện về tính hiếu học vượt khó, về lòng nhân ái độ lượng và nhất là “Lòng hiếu thảo”, đức tính quan trọng nhất để hình thành nên tất cả. Vì như người xưa đã nói: “Khai nhân tam tất bốn ư đốc thân chi hiếu”. (Người không có hiếu với cha mẹ thì nhất định không có đạo đức, không dùng được).

...

Dưới thời nhà Lê, vào đời vua Lê Huyền Tông, ở làng Vân Hà huyện Thiệu Hóa - Thanh Hóa có gia đình bần nông nọ, mẹ góa con cô. Mẹ là Trịnh Thị Phúc và cậu con nhỏ là Nguyễn Quán Nho. Tuy góa bụa và còn xuân sắc, nhưng bà quyết thủ tiết thờ chồng, hết lòng nuôi dạy con nên người, vì dầu gì bà cũng thuộc dòng gia phong lễ giáo, hơn thế nữa bà còn có người anh ruột là Trịnh Cao Đệ đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Tự Khanh.

Hoàn cảnh neo đơn, trong nhà thiếu mất sức lao động chủ lực của người đàn ông đương nhiên là sa sút rồi, vậy mà mọi sự giúp đỡ của người anh, và cả bên ngoại, bà đều khăng khái khước từ, vì không muốn bị xem là gánh nặng, được ban phát lòng thương hại và nhất là để làm gương cho cậu con phải tự đứng trên đôi chân mình, tự lực cánh sinh, không lười biếng ỷ lại, không mơ tưởng của cải của người khác.

Mẹ hiền thực như thế, nên cậu con hiếu thuận cũng là hợp đạo lý. Mới lên năm tuổi, Quán Nho đã thấy được sự vất vả cật lực của mẹ để đánh đổi cái ăn: từ tinh mơ mẹ đã thức dậy xắt cây chuối, vớt bèo bầm nấu cám cho lợn ăn, rồi vác cuốc cào đi làm thuê, chiều về lại se dây bện thừng, tất bật cả ngày. Nên chi cậu cố gắng giúp mẹ đỡ gánh lo bằng cách luôn quét dọn nhà cửa sạch sẽ, đổ nước đầy chum, nhặt rơm mót củi rồi ra đồng mò cua bắt ốc về để mẹ làm thức ăn....

Tuy thanh bần nhưng cuộc sống của họ luôn đầm ấm yên vui. Có điều, người mẹ còn canh cánh bên lòng một nỗi lo toan khi thấy cậu ngày càng lớn, đã đến tuổi thọ giáo nhập môn để học chữ thánh hiền, mà tiền bạc thì nhà chẳng có.

Đau lòng hơn khi bà phát hiện ra con mình rất hiếu học, rảnh rỗi chẳng hề chơi bời lêu lổng mà chỉ thích đến lớp thầy đồ, nấp bên ngoài học lóm.

— Vùng quê mình vốn nổi tiếng đất học, chí ít cũng có đến vài mươi ông Tiến sĩ dương danh thiên hạ rồi... bà Phúc trầm nghĩ - Thăng Nho nhà mình ham học như thế, biết đâu mai này chẳng nổi gót tiền nhân, làm rạng rỡ tông môn...

Vậy là bà càng ra sức làm lụng để kiếm tiền nuôi con ăn học, quyết nuôi dưỡng cậu thành tài. Tội nghiệp, làm đến sức cùng lực kiệt, mà công cán có là bao, dành dụm mấy cũng chẳng đủ... May thay, vẫn còn xóm giềng tốt bụng, họ khuyến nhủ, xin góp sức cùng bà, kẻ ít người nhiều, cùng chung sức lo cho cậu Nho... Rồi cả thầy đồ cũng khuyến khích sự học, nên cuối cùng Quán Nho được thỏa nguyện cấp sách đến trường.

Vượt bao gian khổ thiếu thốn trong sự học, với ý chí quyết tâm và lòng say mê học tập, cuối cùng thành quả đã không phụ người gắng công: Quán Nho đỗ ông Cống (Cử nhân) rồi tiếp sau đỗ luôn ông Nghè (Tiến sĩ), đó là vào năm Đinh Mùi (1667)...

Ngày hôm ấy, vừa tảng sáng dân làng đã thức cả dậy, cười nói rộn ràng, đi lại vui như trẩy hội...Thì đúng là hội làng mà, hôm nay họ chuẩn bị đón ông Nghè Nguyễn Quán Nho vinh qui bái tổ đấy. Cống làng, đình làng cắm cờ ngũ sắc rực rỡ, tường bao quanh đình giăng mắc đầy đèn hoa. Bên trong phương đình, các chức sắc đang cắt đặt cho cánh đàn ông ai vào việc nấy, từ chủ tế, bồi tế, hầu lễ, khiêng kiệu, vác cờ, lọng, lộ bộ cho đến chiêng trống mõ, v.v... Sau hậu đường, cánh phụ nữ chuẩn bị lễ vật dâng cúng thần Thành hoàng làng, từ hương đèn hoa quả cho đến chè rượu, mâm oản, xôi thịt, v.v... để ông Nghè làm lễ cáo yết với Thành hoàng và sau đó bái tổ tiên.

Theo điển lệ triều đình, Nghè Quán Nho được ban tặng mũ áo cân đai, ngựa cưỡi, lính hầu vác biển, truyền lô (loa) và cho lọng theo về làng cho xênh xang long trọng. Đặc biệt khoa thi này chỉ chấm đỗ... ba tiến sĩ, mà Nho lại đoạt Đình Nguyên (đứng đầu) nên chẳng khác gì quan Trạng, che đến bốn lọng xanh, vinh dự khôn tả (thường chỉ có hai lọng).

Nóng lòng về quê gặp mẹ già, lại thấy đi đường bộ gian nan trắc trở, trèo đèo vượt suối, khổ nhọc cho lính hầu nên Quán Nho chỉ xin đáp thuyền xuôi dòng sông Chu về bến Vân Hà quê nhà cho thuận tiện. Vậy mà cũng phải ghé qua Dương Xá, Thiệu Hóa đáp lễ các trạm nghinh đón quan tân khoa của cấp tỉnh, huyện...

Cuối cùng thì Vân Hà thân thuộc với lũy tre mái tranh êm đềm cũng hiện ra trước mắt, Quán Nho lòng rộn ràng, mong cho thuyền mau cập bến. Trên bờ hình như cũng thúc giục gọi thuyền khi đoàn người lố nhố hò reo, cờ xí phấp phới, pháo nổ râm ran xen với tiếng trống gióng chiêng khua âm ỉ...

Tường đầu trong làng vắng ngắt vì mọi người đổ xô ra bến dự lễ cả... Nhưng lạ chưa kìa, một đoàn người phụ lão phụ nam, lớn thì áo dài khăn đóng chỉnh tề, đình tráng thì chít khăn áo chèn gọn ghẽ, vác theo cả võng

lọng hốt hải từ phía nhà bà Phúc chạy ra đảo dác tìm... Họ tìm gì thế nhỉ??
Đích thị là tìm bà mẹ của quan Nghè chứ ai! Khổ thân, đã báo tin hăn hoi,
vậy mà đến giờ hành lễ, chẳng thấy bà đâu cả...

Họ xắn áo quần, băng đồng lộ ruộng, tỏa ra tìm...

— Đây rồi các ông ơi... bà Phúc... ở dưới ao này...!

Nghe gọi, mọi người đổ xô đến thì thấy bà Phúc đang bình thân... vớt
bèo!

— Lạy cụ, mời cụ lên ngay cho ạ...!

— Quan Nghè đã về đến bến sông rồi đấy ạ...!

— Vâng ạ... không khéo thì nghênh đón trễ mất...

Các vị quan viên, ông Lý, ông Hương thi nhau vái chào, thúc giục bà.

— Hứ!... Quan Nghè à?... Nó đã làm được gì cho dân chưa mà bắt dân
phải rước xách nhiều khê thế hử?

Nghe vậy, các vị chức sắc chưng hứng, bà lại tiếp:

— Dễ chừng nó đã quên cái cảnh mẹ vớt bèo bện thừng, con mò cua bắt
ốc ngày trước rồi chẳng?

Mọi người cố van nài, nhưng bà Phúc cứ thản nhiên như không, họ đành
bàn nhau:

— Thôi thì cứ phải ra bến mà không có cụ, chứ vắng mặt cả đám thì
càng đắc tội... Rồi kéo nhau vội vàng chạy.

Thuyền cập bến, Quán Nho lên bờ, vui vẻ cung tay chào dân làng xếp
hàng hai bên tung hoa đón mừng. Phía trước, đặt hương án đỉnh trầm, chức
sắc tề tựu đông đủ, võng lọng chờ sẵn, nhạc bát âm trỗi lên...

— Ô hay... Mẹ tôi đâu nhỉ?! Quán Nho chột sững lại, nhìn quanh tìm
kiếm...

Nghe các quan viên lúng túng thuật lại lời mẹ, Quán Nho giật mồm khỏi
đầu, sợ hãi than:

— Thôi chết... ta bị tội bất kính rồi...

Lột cả cân đai áo mào vua ban để lại, Quán Nho lật đặt phóng về ao bèo ngoài nương ruộng... Mọi người chạy theo.

— Thưa mẹ, con về rồi đây ạ... Con đã đặc tội bất kính, xin mẹ tha thứ ạ...

Quán Nho quì sụp trên bờ, vái chào mẹ. Bấy giờ bà Phúc vẫn lội dưới ao, nước lấp xấp đến thắt lưng, bèo chung quanh đã vớt cả mà vẫn chưa đầy rổ nách bên hông, bà ngoái bảo Nho:

— Con lấy cây sào gạt nốt đám bèo ở góc kia vào đây, để mẹ vơ cho đầy rổ rồi hãy về... làm lễ.

Quán Nho xằng xái làm ngay, cầm sào đẩy cho dạt bèo về phía mẹ, nhưng mà đám bèo đan nhau dày đặc quá, ông liền nhảy ùm xuống, nhổ giật từng vốc to, ôm bỏ vào rổ cho đầy. Diu mẹ lên bờ trước rồi Quán Nho mới tự mình bưng rổ bèo theo sau, mặc cho bùn nước thấm bẩn cả... Các đình tráng xin vắc hộ, Nho vui vẻ xua tay bảo:

— Đây là mẹ muốn giáo huấn tôi: Chớ có quên đi cái gốc tích cơ hàn mà đánh mất phần hiếu... Lễ ra, Nho này phải hầu rước mẹ chứ không phải bắt mẹ đi rước đó! Và còn dạy cả đức cung kính khiêm nhường, đừng bày vẽ rình rang, mà làm nhọc sức dân...

Hiếu ra, ai nấy đều vô cùng kính phục mẹ con quan Nghè, tấm gương “Mẹ hiền con hiếu” này mãi mãi sáng ngời sử son, dù đã qua ba trăm năm vẫn là bài học quý giá để chúng ta noi theo. Và câu “Vinh qui bái tổ sau rổ bèo đây” được truyền tụng chính là kể về danh nhân Nguyễn Quán Nho chí hiếu đấy bạn ạ....

NGUYỄN QUÁN NHO

(1638 - 1707)



Sinh năm Mậu Dần 1638 tại làng Vân Hà, xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Thi Hương đỗ Cử nhân năm 19 tuổi.

Thi Hội đỗ Tiến sĩ năm 30 tuổi.

Đời làm quan trải nhiều chức vụ, cả văn lẫn võ.

Về võ nghiệp: từng làm Đô đốc tỉnh Hải Dương, Yên Quảng rồi Thượng thư Bộ Binh coi về quân sự cả nước.

Về văn nghiệp: từ chức Lễ khoa (trông coi lễ nghi phép tắc ở Phủ Chúa) lên Lại khoa (coi sóc quan lại ở Phủ Chúa) rồi Đô Ngự sử (như Chánh án tòa Tối cao) và cuối cùng là Hình Bộ Thượng thư (Bộ trưởng bộ Hình) kiêm Tế tướng. Ông còn là nhà ngoại giao, nhiều lần đi sứ sang Trung Quốc.

Về hưu trí và mất năm 1707, hưởng thọ 70 tuổi.

Hiện ở quê ông vẫn còn mộ phần và nhà thờ, kể cả ảnh chân dung, vẽ lúc sinh thời khi ông 60 tuổi (năm 1698). Vẽ bằng sơn dầu màu trên lụa.

HÀ TÔNG HUÂN



Thần đồng Kim Vực^[35]

— Bẩm Thầy, con thuộc cả rồi ạ.

Không chỉ thầy đồ, mà tất cả lũ trẻ của lớp học đồng ấu trong làng đều ngạc nhiên quay nhìn cậu. Chúng nó, đứa bé như cậu thì chỉ mới năm, sáu; còn đứa lớn thì đã vào tuổi mười nhưng đều học chung lớp vỡ lòng, tập tễnh làm quen với những con chữ mà thầy đồ vừa khai tâm khai trí cho.

Sợ chúng quá sức, nên mỗi buổi thầy chỉ dạy cho đọc và viết sáu chữ thôi, ấy vậy mà có đứa còn đọc trước quên sau viết nét nọ xọ nét kia, riêng thằng bé này, sao lại thuộc nhanh đến thế nhỉ?... Thầy thầm nghĩ, rồi bảo:

— Đâu, trò đọc ta nghe xem nào...

Cậu bé, tên là Huân, đứng khoanh tay lễ phép, đọc ro ro một lượt, thầy lại bảo viết thử, thì cậu viết cả sáu chữ ngay hàng thẳng lối, nét bút đều đặn chắc khỏe.

Để thử sức, thầy lại viết tiếp sáu chữ khác cho riêng cậu học, vì bọn kia vẫn còn mày mò chữ cũ chưa xong... Nhưng, chỉ được một khắc^[36] cậu đã đứng lên thưa tiếp:

— Con thuộc nốt rồi thầy ạ.

Lại kiểm tra, quả nhiên Huân đã làu làu. Bất ngờ quá, thầy đành viết luôn mười hai chữ, nghĩ là sẽ được yên với cậu đến cuối buổi, vậy mà chỉ một phần tư canh giờ sau, Huân đã đọc thuộc vanh vách, viết ngoay ngoáy không sai không thiếu nét nào... Kết quả là buổi học đầu tiên của cậu học trò nhập môn muện nhất đó, nó lại qua mặt những đứa đã vào học trước cả tháng, và khiến thầy vất vả loay hoay cho chữ nó suốt buổi.

Ngày hôm sau, thầy viết hẳn cả trang chữ cho Huân học, không cần đến hết buổi, cậu đã học thuộc làu. Những ngày sau nữa, số trang cứ tăng dần

lên và Huân lại ngốn sạch, trí óc cậu thật như cái ngăn không đáy, chất bao nhiêu cũng không đầy, ai ai cũng kinh ngạc và bội phục vì trí nhớ siêu phàm này, nên mới gọi cậu là thần đồng Kim Vực.

Kim Vực hay còn gọi là làng Vàng^[37] quê của Hà Tông Huân, nơi đây có ngọn núi Vàng và con sông Cầu Chày chảy quanh khắp vùng, chính là vùng địa linh nhân kiệt. Trong lịch sử đã từng xuất hiện rất nhiều danh nhân phát tích từ đây như Ngô Quyền, Lê Đại Hành, Ngô Tuấn (tức Lý Thường Kiệt) rồi Ngô Thị Ngọc Dao (thân mẫu của vua Lê Thánh Tông), Khương Công Phụ (vị Trạng nguyên nước Nam thời Bắc thuộc nhà Đường) và bà nữ tướng Triệu Thị Trinh cũng quê ở vùng này, đó là chưa kể thầy trò Tiến sĩ Trần Ân Triêm và Bảng nhãn Hà Tông Huân nữa đấy!... Nhưng, học và nhớ vài trang như thế thì có gì là ghê gớm đâu nhỉ? Nếu bạn chưa phục, thì hãy tiếp tục xem Tông Huân làm gì mà được mệnh danh là thần đồng nhé...

Lần đó, Tông Huân chỉ mới bảy, tám tuổi và sắp đón thêm một tuổi mới, năm hết Tết đến rồi mà. Ngoài chợ Vàng đông vui làm sao, người mua kẻ bán tấp nập, trên bến dưới thuyền, hàng hóa nườm nượp đổ về. Ngồi nhà học mà mắt Huân cứ mãi dõi theo các cô các bác gánh những gánh tranh Đông Hồ vội vã trên đường vào chợ cho kịp buổi, các chú bán quà trẻ con với những cái kèn đất hình con gà, con trâu thối toe toe thật vui, rồi những cái trống con, bập bung lắc nghe tùng tùng... Những viên pháo chuột nổ tạch tạch thích vô cùng. Và còn biết bao là hàng Tết đầy màu sắc tươi thắm khác khiến Huân nhìn không chán mắt. Tay chân cậu giậm giậm ngồi không yên, chỉ muốn chạy vù ra chợ mà nhìn ngắm cho mãn nhãn, nhưng mà... sợ bố lắm, vì bố rất nghiêm khắc.

— Huân!... Học xong chưa? Chạy ra chợ mua cho bố cuốn lịch năm mới xem nào!

Chà chà... được lời như cời tắc lòng, Huân hớn hờ lắm, cậu xếp sách vở đứng dậy:

— Thưa rồi ạ, con đi ngay đây!

Cầm tiền, nghe cha dặn dò xong là Huân phóng biển...

• • •

Đến chợ, Huân la cà ngắm nhìn thỏa thích cả buổi rồi mới ghé vào hàng lịch, hết cầm cuốn nọ lại lật cuốn kia, xem từng tờ có vẻ kỹ lưỡng lắm. Ấy vậy mà cuối cùng lại bỏ đi không mua khiến người chủ hàng nổi đóa vì tốn công chào mời trông đợi rõ lâu, liền nhieếc cho một trận. Mặc kệ, cậu tung tăng chân sáo tùm tùm cười, tiếp tục đi xem chợ Tết.

Ngang qua hàng quà bánh, tự dưng Huân bước chậm hẳn, mắt thao láo nhìn những khay bánh chất cao hình tháp, bánh gói lá, bánh trần, bánh mận bánh ngọt đủ cả bốc mùi thơm phức. Rồi những nồi chè đậu xanh đỏ tím vàng nóng hổi tỏa khói, chỉ nhìn thôi đã thấy bụng sôi ùng ục, nước bọt cứ ứa ra khiến cậu nuốt đánh ực.

Huân tần ngần tâng nhẹ mấy đồng tiền bố đưa mua lịch trong tay, rồi nghe theo lời mời gọi đon đả của các cô hàng, cậu xề vào ngồi ở đôn ghế, quyết định... đánh chén!

Ha, cậu Huân vốn là đứa trẻ hiếu động, gan dạ liều lĩnh và nghịch phá không ít, nên chi ông bố phải răn đe dè chừng là thế.

Cậu ăn một thôi một hồi, đủ các thức thì bụng đã căng phình mà tiền cũng gần cạn, mới đứng dậy ra về...

Đến nhà, ông bố chờ lâu đã sốt ruột, lại thấy Huân về tay không, nổi giận quát:

— Lịch đâu?

— Thưa, con xem qua đã thuộc cả rồi, chỉ cần chép lại, không phải mua đâu ạ...

— Thế tiền đâu?

Huân xòe tay ra chỉ còn vài đồng trinh, bối rối gãi đầu cười gượng.

— Con thiết nghĩ không cần mua lịch, nên... ăn quà vặt cả rồi...

Bố Huân rút xoẹt cây roi mây, nhịp nhịp lên sập, dọa:

— Á a... ông tướng con gan tà trời nhỉ?... Mau lấy giấy bút viết lịch đi. Liệu hồn, viết sai thì có mà no đòn...

Huân chẳng chút hoảng sợ, điềm tĩnh ngồi vào bàn, mài mực, so giấy rồi chấp bút hí hoáy viết liên tu bất tận...

Bố đứng nhìn một hồi rồi quăng roi, bỏ đi ra cửa... Lát sau, bố về, cầm một cuốn lịch mới tinh, thì Huân cũng đã viết xong cả xấp giấy dày, xếp cẩn thận theo thứ tự. Bố lần giở từng trang lịch, so với những điều cậu ghi chép thì thấy hoàn toàn trùng khớp, không sai tí nào. Bấy giờ chính bố cũng hết sức ngạc nhiên vì trí nhớ thần kỳ của cậu nên mới tha trận đòn roi, còn thưởng thêm cho ít đồng tiêu vặt.

Còn gì sung sướng hơn, Huân lại ra phố chợ mua pháo, rủ chúng bạn chơi đùa thỏa thích...

Mỗi tờ lịch xưa, ngoài việc ghi ngày tháng còn chú thích các hành (Kim, Thủy, Hỏa, Mộc, Thổ), tinh tú (sao), giờ Hoàng đạo, giờ rạng đông, tà dương (mặt trời mọc, lặn), thủy triều (con nước lên xuống) và cả những việc cát tường, kiêng kỵ (điều tốt xấu nên hoặc không nên làm). Ấy vậy mà Tông Huân nhớ tất cả mấy trăm tờ chỉ sau vài lượt đọc, bây giờ thì bạn đã tâm phục bộ nhớ phi thường của thần đồng Kim Vực rồi phải không?

Về sau, khi nhà bác học Lê Quý Đôn biết chuyện, cũng thử bắt chước ghi nhớ, nhưng không sao sánh bằng Tông Huân được.

Một lần, Lê Danh Phương (tên thời trẻ của Lê Quý Đôn) vừa đậu Giải nguyên, được quan Tham tụng Lê Hữu Kiều mời cậu cùng đám Hương cống mới đỗ đạt đến tư dinh mình khoản đãi, tiếng là chúc mừng khen thưởng các quan tân khoa, nhưng đồng thời cũng để ý xem trong đám anh tài ấy, ai đáng mặt thì chọn làm tân lang cho kiều nữ của mình.

Trên đường vào dinh quan Tham, họ phải ngang qua chiếc cầu đá, đầu cầu có dựng một bi ký (bia đá) ghi tên tuổi quê quán các vị mạnh thường quân góp công của xây dựng cầu. Bấy giờ con nước triều đang lên rất nhanh, nên chỉ lát sau thì bia đã chìm ngập trong nước...

Giữa tiệc, quan Tham tụng mới hỏi các quan tân khoa rằng:

— Khi đến thạch kiều, có vị nào nhìn thấy bi ký? Có đọc và nhớ được gì chẳng?

Cả đám ông Cống đều bối rối, đa phần chẳng để ý nhìn, vài người xem lướt qua thì chỉ nhớ lồm bồm, duy có Danh Phương là nhớ trọn vẹn, đọc lại nguyên văn. Khi được hỏi nước lên nhanh thế làm sao đọc kịp thì Danh Phương càng gây bất ngờ hơn khi cho biết cậu đọc theo hàng ngang^[38] mới kịp mực nước dâng, sau đó nhớ và ráp lại câu theo hàng dọc.

Ai cũng phải phục Danh Phương có trí nhớ tuyệt vời, và đương nhiên cậu xứng đáng được quan Tham chọn làm rể quý. Vậy mà, Danh Phương còn phải nể phục bộ nhớ của Tông Huân, tôn hơn mình mấy bậc đấy bạn ạ...!

Trò tài đối đáp

Ở thôn quê, mùa hè tắm sông là cái thú vui không thể thiếu của trẻ nhỏ, được tung tăng bơi lội vẫy vùng thôn quê, mùa hè tắm sông là cái thú không thể trong làn nước mát, lại còn bày trò nghịch ngợm nô đùa cùng nhau.

Một ngày, Huân và các bạn tắm ở bến sông Cầu Chày, ở đầu cầu cho ghe thuyền neo đậu cũng là nơi chúng thường thi nhảy, chạy lấy đà rồi tung người phóng xuống nước, xem đứa nào nhảy được xa nhất... Hôm ấy, một chiếc thuyền lại neo ngang đầu cầu, khiến chúng không chơi trò được.

Thấy thuyền vắng chủ, Huân cùng chúng bạn bàn nhau kéo dờ đi, cho cặp bên hông cầu tàu để lấy chỗ chơi nhảy sông; thế là chúng tháo dây buộc, rồi hè nhau kéo. Mặc cho chúng mím môi mím lợi lên gân, hò dô ta ra sức kéo nhưng chiếc thuyền nặng trĩch không hề nhúc nhích...

Bất chợt khi ấy, chủ thuyền là một chú khách (người Hoa) vác bao hàng từ trên chợ xuống bến thấy chúng phá phách liền quát mắng:

— Lũ trẻ hư hỏng này, sao không lo học hành lại đi quậy phá như vậy?

Bọn bạn của Huân đều sợ sệt nấp sau lưng cậu, riêng Huân vẫn đứng hiên ngang, dũng dạc đáp:

— Học trò bọn tôi học xong rồi thì cũng có lúc nghỉ ngơi chơi đùa chứ!

Chú khách đặt bao hàng xuống lừ mắt nhìn Huân, vuốt râu cười khẩy:

— Á à... đã xưng là học trò, vậy thì ta ra đối cho, liệu hồn hể không đối được là ta báo quan bắt chúng bay về tội xâm phạm tài sản người khác đấy!...

Rồi chỉ chiếc thuyền, chú khách xuất đối ngay:

— LỖI NGƯ ĐÃ TẮT NÊN BA THẠCH.

(Có nghĩa là: Thuyền kia đã chất nặng như ba khối đá, làm sao kéo nổi?)

Đây là câu đối Nôm pha Chữ (kết hợp cả chữ Việt và chữ Hán ngày xưa) ngoài nghĩa trên còn hay ở lối chơi chữ: chữ LỖI ở đầu câu gồm ba chữ THẠCH ghép lại và chính là chữ Thạch (Đá) ở cuối câu.

Bọn bạn còn ngỡ ngác chưa hiểu ý câu đối là gì thì Huân đã chỉ chú khách, nhanh nhẩu đáp đối ngay:

— TƯ CHÚ XEM RA CHỈ NỬA ĐỒNG.

(Nghĩa là: Sự hiểu biết của chú xem ra chỉ đáng nửa đồng). Câu này Huân cũng chơi chữ TƯ viết như phân nửa của chữ ĐỒNG để đối lại, và còn dùng nghĩa bóng đa dạng của tiếng Việt mà bỡn chú khách, vì chữ Đồng nghĩa Hán là cùng (đồng bọn, đồng hành, v.v...) nhưng nghĩa Việt đọc lên cũng có nghĩa là đồng tiền.

Ngẫm nghĩ một hồi rồi chú khách lẳng lẳng vác bao hàng lên thuyền, tháo dây buộc nhổ sào chống thuyền đi. Trong bụng chú vô cùng kinh ngạc về tài ứng đối nhanh nhạy, trí tuệ mẫn tiệp và sự đỉnh đạc của Tông Huân, chú lẩm bẫm:

— Không ngờ ở chốn quê mùa mà cũng có thần đồng kiệt xuất!... Xứ An Nam tuy nhỏ nhưng nhân tài đầy rẫy khắp nơi!... Thanh triều ta khó mà dòm dò lẫm!...

Bọn trẻ ngạc nhiên thấy chú khách giơng thuyền ra xa, rồi chúng lại vui mừng vì đã có cầu trống để thi nhảy. Chúng tung hô Huân như ca ngợi ông tướng thắng trận. Có đứa hỏi:

— Mà đối gì mà lão ta buồn bã bỏ đi vậy?

Đứa khác gạt phắt:

— Đối gì mặc kệ, miễn là lão ấy chịu thua, trả lại cầu tàu cho mình có chỗ chơi là tốt rồi...

Cả đám tán đồng:

— Phải đấy!... Nhảy cầu thôi bay ơi... Ưu tiên cho thằng Huân nhảy trước đi!...

Huân cười khoan khoái, hít một hơi dài rồi lấy đà chạy băng lên cầu rướn người phóng thật xa ra giữa dòng sông, cậu rơi ùm xuống dòng nước mát lạnh trong tiếng vỗ tay reo hò của chúng bạn...

— Nhảy hay lắm! - Xa lắm đấy! - Hoan hô...

Khi trời lên, Huân lại vẫy vùng bơi lội thỏa thích, quấy đập sóng nước tung tóe. Trên bờ, bọn bạn không ngớt giằng co cãi cọ nhau: - Đến lượt tao - Tao chứ!... Cuối cùng, chẳng đứa nào chịu nhường, cả đám níu kéo nhau rơi tòm xuống sông, khiến Huân bật cười thích thú, tiếng cười trong trẻo vô tư của tuổi thơ...

Buổi tắm sông thật là vui, vậy mà chẳng biết đứa nào mau mồm mau miệng thuật chuyện khiến cho vừa thò đầu vào nhà, bố đã đợi sẵn với sợi dây thừng trong tay, lôi ngay cậu ra sân vườn trói vào gốc cây cau phạt tội.

Thấy Huân có vẻ ngơ ngác, bố nghiêm giọng bảo:

— Còn chưa biết tội à?... Thứ nhất, tắm sông không xin phép, thứ nhì, dám đối đáp khiếm nhã xác xược với người lớn, lại là người ngoại quốc... nặng tội đấy con ạ, ở đấy mà hối lỗi đi...! Bố nói xong thì quay vào nhà uống trà đọc sách, bỏ mặc cậu ngoài vườn.

Ôi, thật là khổ sở... Bơi lội cả buổi, bụng đã đói cồn cào, mắt díu hết lại, những tưởng về nhà được đánh chén no căng rồi lăn ra ngủ thì còn gì bằng, ngờ đâu bị trói ngoài đất vườn hâm hấp nóng khiến mồ hôi túa khắp người, cái sự sáng khoái tự do lặn hụp trong làn nước mát ban nãy tiêu tan cả, thay vào đó là sự trói buộc bức bối hết sức khó chịu tù túng. Mặc cho Huân kêu gào van vỉ xin tha, xin chừa, bố vẫn làm ngơ, ngồi trơ như phỗng...

Hồi lâu, không nghe cậu nói năng gì nữa, bố biết là Huân đã thấm mệt, mới buông sách đứng dậy, từ tốn bước ra sân, trầm nghĩ:

— Hừ, thằng Huân nhà mình, tài học thì khá nhưng tính khí thì xốc nổi lắm!... Phải nghiêm khắc răn dạy như vậy mới mong có đức độ chính nhân quân tử được.

— Thế nào?... Ngựa non háu đá, thích trở tài đối đáp lắm phải không?

Huân đang mệt mỏi gật gà, nghe tiếng bố thì giật mình ngược lên. Bố chỉ cây cau dính chặt cùng cậu, bảo tiếp:

—Vậy thì lấy cây cau ấy làm đề, đặt liên đối^[39] ta nghe, hay thì tha tội cho, bằng không cứ ở đây suốt buổi làm bạn với cau....

Huân ngược nhìn thân cau cao vút, tán lá xòe tròn che bên trên chột nẩy tử, cậu cười tươi rồi ngoác miệng đọc ngay:

Lưng đeo đai bạc bao trăm nén

Đầu đội tàn xanh đến mấy tầng

Thiếu tí nữa thì ông bố ngã ngựa vì giật mình thảng thốt không ngờ cậu con lại làm được đôi câu đối “tuyệt cú” như vậy!... Không, phải gọi là “thần cú” mới đúng. Huân tả cây cau mà chẳng hề có từ ngữ nào nhắc đến thân lá hoa quả gì cả, đã vậy cậu còn mượn hình ảnh khôi hài mình bị cột vào cây cau để tỏ chí khí cao vời vợi khi miêu tả, ví với vị Trạng nguyên được che tàn lọng xanh,^[40] đeo đai bạc (là buồng cau hàng trăm trái).

Ông bố mừng thầm khi thấy Huân biết ôn ấ chí lớn và quả có thực tài đối đáp giỏi giang nên thuận tình cởi trói cho. Lý ra thì phải khen nức nở rồi, nhưng để kiềm chế cậu tránh khỏi tánh tự mãn cao ngạo, nên ông chỉ buông một câu:

— Ừm!... Nghe cũng tạm được, thôi tha cho đấy! Từ rày phải gắng học và đừng có mà lêu lổng nghe chưa!

Miệng vâng dạ mà chân cậu đã thoát ngay xuống bếp, Huân xơi luôn một tô cơm đầy rồi lăn ra ngủ khoèo, sung sướng vô tư lự...

Nhưng không phải chỉ có trẻ nhỏ mới thích tắm sông thôi đâu nha, ngay cả người lớn và thậm chí đến bậc đạo mạo như thầy đồ còn tham gia cơ mà... Hôm ấy, trời oi bức đến độ ngạt thở, không gian lắng đọng chẳng có nổi một làn gió lung lay, cái nóng hầm hập như nung cả đất trời khiến ai nấy mồ hôi đổ đầm dề; thật không thể dạy và học nổi trong cái thời tiết khắc nghiệt này, thầy liền dẫn cả lớp ra sông cho chúng vui đùa tắm mát, còn thầy ngồi nghỉ dưới gốc cây cổ thụ bên bờ, đón làn gió sông đưa lên...

Được buổi học ngoại khóa như vậy, thật chẳng còn gì thích thú hơn, bọn nhóc cởi ngay áo quần, giăng mắc lên cây rồi thi nhau phóng mình xuống nước...

Thầy ngồi tựa gốc, nhìn lên các cành treo đầy áo quần trông chẳng khác gì cái giá phơi đồ khổng lồ, rồi thấy Huân vẫn còn loay hoay sắp xếp lại tập quyển các bạn vứt bừa bãi mà chưa vội xuống tắm. Biết cậu là đứa thông tuệ nhất lớp, thầy chỉ các cành cây, ra đối thử tài:

— Trò Huân xem kìa... “BÁCH NIÊN CỔ THỤ VI Y GIÁ”

Câu của thầy có nghĩa là: Cây cổ thụ trăm năm dùng làm giá treo áo. Đây là lối đối “tức cảnh”, ngẫu hứng lấy ngay sự vật trước mắt làm đề tài đối.

Huân rất nhanh trí, cậu nhìn các bạn đang tắm dưới sông, liền nảy tứ, đáp đối ngay:

— Vạn lý trường giang tác đục bồn.

(Nghĩa là: Con sông dài muôn dặm làm thành cái chậu tắm)

— Ui chao!... Câu đối thật là hay tuyệt!

Thầy đồ phải thốt lên như vậy, vì vế đối của Huân thật chỉnh luật, cân chữ và đối chọi lắm! Về nghĩa thì thầy ví người già như cái cây cổ thụ cao cả, giang tay đón nhận che chở cho đám trẻ thơ, còn Huân lại đối tuổi trẻ phải cần vẫy vùng tắm gội trong dòng trí tuệ, để tiến xa muôn dặm... Ôi, cái chí cao cả của Huân, rồi sẽ còn vươn mãi không thôi. Một làn gió mát rượi đưa đến như để tưởng thưởng câu đối hay của hai thầy trò, họ nhìn nhau sung sướng mỉm cười, đón nhận...

Năm đó Tông Huân lên 9 tuổi, vẫn học ở thầy đồ trường làng, sống hạnh phúc với gia đình và trải qua tuổi hoa niên hết sức tươi đẹp cùng chúng bạn ở làng quê thanh bình...

Một ngày, có đến ba bằng hữu của bố từ xa đến thăm. Lâu lắm mới gặp lại bạn thân giao, bố mừng lắm tiếp đón nồng hậu và lưu họ ở lại để hàn huyên tâm sự. Vùng sông Cầu Chày này vốn có giống ba ba thịt rất thơm

ngon, là đặc sản quê nhà nên bố mua về nấu làm món nhắm với rượu, cùng các bạn chén tạc chén thù...

Trong lúc người lớn nhâm nhi trò chuyện, thì Huân lo hầu trà và quạt bếp lò nấu nồi ba ba đặt cạnh đống than cho mau chín... Lát sau, thức ăn đã sôi ùng ục, bốc hơi thơm lừng.

Một cụ ngẩng hứng sinh đối, cất giọng đọc:

BA CỤ NẤU BA BA, BA BA ĐÀ CHÍN

Chính là cái cảnh ba cụ chờ nấu ba ba chín, và chơi chữ ba lần ba là chín (chữ đà: hiểu như đã, là).

Rồi cụ ngồi vuốt râu rung đùi đắc ý, không ngờ mình xuất được vế đối hay và khó đến vậy, làm cho bố Huân và hai cụ kia ngớ cả người ra vì không tìm được ý gì để đối lại...

Huân sực nhớ đến những lúc nước sông Cầu Chày rút cạn, lộ ra những bãi cát sạn trải dài, dân làng và nhất là bọn trẻ con như cậu thường mang rổ rá đồ xô ra đấy, sàng sảy tìm bắt những con trùng trọc^[41] cậu liền chỉ tay ra sông toét miệng cười, xoắn đối luôn:

CHỤC CHÚ MÒ CHỤC CHỤC, CHỤC CHỤC LÀ TRĂM

Giờ thì chính cụ nọ há hốc ngẩn người vì kinh ngạc, không ngờ thằng bé mới tí tuổi đầu lại dễ dàng đáp đối của ông... Nó cũng lấy một động vật sống dưới sông làm ý đối, và ở vế ra chỉ nêu được số ba, số chín, thì ở vế đáp nó dùng đến số chục, số trăm... Thật là tài tình quá còn gì, cả ba cụ đều nức nở ngợi khen rồi xé ngay một mảng thịt ba ba trắng bóc thơm lừng bốc khói thơm cho cậu, Huân hơn hờ thưởng thức ngay.

Ân sư - Nhạc phụ

Bước qua tuổi mười, Hà Tông Huân giờ là một thiếu niên anh tuấn học rộng tài cao, sức học của cậu mãnh liệt như một dòng cuồng lưu bất tận, cuốn hút mọi tri thức vào trong, đến nỗi thầy đồ làng cạn kiệt cả chữ nghĩa chẳng còn gì để truyền thụ cho Huân, thầy khuyên cậu đi tìm người cao minh hơn mà thọ giáo.

Gia cảnh bố con Huân vốn chẳng khá giả gì, học với thầy đồ tại làng thì còn khả dĩ kham nổi, chứ đi xa trọ học là cả vấn đề khó khăn. Tuy vậy, được thầy khích lệ và bố hy sinh gói ghém tất cả những gì giá trị, làm hành trang cho mình theo đuổi sự học và tiến thân trên đường khoa cử, Huân rất cảm động, càng quyết tâm phải trau dồi đèn sách để không phụ lòng mong mỏi của cha, thầy... Cuối cùng, cậu cất bước ra đi, rời xa ngôi làng thân yêu đã ôm ấp bảo bọc mình suốt thời thơ ấu, với biết bao kỷ niệm cùng bạn bè, người thân... Huân lên đường tầm sư học đạo.

Bấy giờ có ông Nghè Bón nổi tiếng hay chữ mở trường dạy học. Sở dĩ gọi là Nghè Bón vì ông ở làng Châu Bôi mà tục gọi là làng Bón, thuộc xã Vĩnh Tường không xa Kim Vực quê Tông Huân là mấy... Và, trên đường đi, Huân gặp gỡ hai thiếu niên trạc tuổi mình là Trịnh Đồng Giai và Đỗ Huy Kỳ, họ cũng đang tìm đến thầy nhập học. Đồng tuổi đồng tài, đồng học và sắp sửa là bạn đồng môn nên chả mấy chốc mà ba bạn đã rất thân mật, chuyện trò rôm rả, bàn luận chuyện văn chương chữ nghĩa rất là tâm đắc, vui chuyện, mau chân quên cả mệt nhọc trên quãng đường xa, cuối cùng họ cũng đã đến làng Bón... Nhưng, chẳng cậu nào biết mặt thầy Bón cũng như trường học nằm ở đâu cả.

Cổng tam quan làng dưới bóng đa cổ thụ xum xuê đã hiện ra, nhưng một trận mưa rào bất chợt đổ ập xuống cản bước bọn họ. Cả ba lúng túng nhìn

quanh, toàn là đồng nước trơ trụi, không có lấy một mái chòi lùm cây để trú mưa. Họ đành chịu trận, trùm vạt áo lên đầu che đỡ, xắn quần tháo guốc, ôm tay nải lúp xúp đội mưa đi... Oái oăm thay, đến cổng làng thì cơn mưa cũng đột ngột dứt hẳn, khiến cậu nào cậu nấy ướt như chuột lột, áo quần lấm tẩm bùn đất...

— Ôi, mới đến trình diện thầy, mà y phục lôi thôi lếch thếch như vậy, thật là thất lễ đó!... Huy Kỳ than.

Đồng Giai nhếch cười an ủi bạn:

— Sự bất đắc dĩ mà... Chắc thầy không bắt lỗi đâu.

Tông Huân chẳng lý gì đến vẻ bề ngoài, cậu chỉ về phía cây đa, reo mừng bảo các bạn:

— Ha... Có lão nông ngồi kia kìa, mình đến hỏi thăm cho tiện, khỏi mất công dò tìm.

Cả ba bám lấy nhau, bấu chặt chân dò dẫm từng bước trên mặt đất vì vừa mưa xong, đường đất trở nên nhão nhoét, lơ mơ là ngã oạch đo đất chứ chẳng chơi. Đến dưới gốc cây, Huân lễ phép vái chào hỏi ông lão:

— Thưa cụ, cho chúng cháu hỏi thăm trường quan Nghè Bón làng ta, tọa lạc hướng nào ạ?

Lão nông tóc búi, đầu quấn khăn đầu rìu, râu bạc dài mà trông rất quắc thước, mình mặc bộ đồ nâu sồng chân quê, xắn ống. Bên cạnh đặt cần câu và rọ cá nhỏ, dường như vừa đi câu về, ngồi nghỉ. Lão vuốt chòm râu, cười hỏi:

— Á... à... nhìn điệu bộ mấy cậu, lão đây đoán chừng là học trò đến xin nhập môn quan Nghè phải không?... Được lắm...!

Lão khoát tay một vòng, tiếp:

— Nhờ ở làng này mà lão cũng võ vể được dăm ba chữ, vậy xin ra đối, các cậu mà đối được, lão sẽ dẫn đến tận trường quan Nghè, khỏi phải mất công tìm kiếm!

Ái chà, đúng là “đất học” có khác, một lão nông phu mà cũng thách đố chữ nghĩa sao?... Huân đang trầm nghĩ thì nghe ông lão hăng giọng, bảo:

— Nghe đối đây...

ĐI ĐƯỜNG ĐẤT THỊT, TRƠN NHƯ MỠ!... Khà khà, đối xem nào?!

— Trời!... Vế đối hay tuyệt! Huân giật mình thốt lên, quay sang Giai, Kỳ bảo:

— Ông ấy lấy ngay cái cảnh trời vừa mưa xong khiến đường đất lầy lội trơn trượt để xuất đối, mà khéo ở chỗ trong câu, chữ THỊT và MỠ đã tự đối nhau...

Cả ba nhú mày suy nghĩ, cố tìm tứ đối... Chợt, Huân hoảng hốt la lên:

— Úi!... Chưa hết độ khó đâu nhé!... Ba chữ cuối “Trơn như mỡ” chính là tục ngữ, vậy đây còn là câu đối tức cảnh + tục ngữ... mình mà hấp tấp là mắc bẫy, đối sai ngay.

Giai, Kỳ càng thất vọng, giơ tay than:

— Trời đất!... Khó thế, làm sao đối nổi!

Lão nông vẫn ngồi ở gốc cây, chỉ im lặng vuốt râu nghe họ bàn tán... Huân nhìn lão, rồi nhoèn cười vì đã có ý, liền chấp tay thưa:

— Cháu xin đối là: “NGỒI TỰA GỐC ĐÀ, MÁT THẤU XƯƠNG” ạ...!

Mọi người nghe Huân đọc đối xong, thì đều im lặng... Lát sau, lão nông vụt đứng dậy, cười sảng khoái rồi khen:

— Ha ha... Giỏi... giỏi lắm! Chữ chọi chữ, ý chọi ý thật chỉnh vô cùng. Dùng chữ ĐÀ (cây đa cũng gọi là ĐÀ) và XƯƠNG chọi lại chữ THỊT mà MỠ, thành ngữ “MÁT THẤU XƯƠNG”, đối với “TRƠN NHƯ MỠ” quả là tài tình... Ha ha!

Giai, Kỳ cười bảo nhau:

— Bạn ấy còn tức cảnh ông cụ ngồi tựa gốc đa, mới là hay chứ.

Vớ lấy cần câu, rọ cá, lão nông vui vẻ bảo:

— Đi nào!... Theo ta vào trường quan Nghè nhá...!

Lão dẫn đường, đi vững chãi như bước trên nền đất nện, còn ba cậu thư sinh thì bám víu nhau mà còn nghiêng qua ngã lại như bọn say rượu, thật là đường đất thịt trơn như mỡ mà...

Vào làng, đi quanh co một hồi thì đến trước ngôi nhà ngói ba gian hai chái, tiền đình (sân trước) rộng rãi lát gạch, chững nhiều chậu cảnh và hòn non bộ, chung quanh rào giậu hảnh hoi. Lão nông đẩy cửa cổng bảo:

— Đến rồi đấy, vào đi...

Nói xong, lão cứ tự nhiên bước thẳng như vào... nhà quen, còn bọn Huân, Giai, Kỳ thì rụt rè sợ sệt đùn đẩy nhau vào trước. Chợt thấy vài ba cậu thiếu niên vận áo dài khăn đóng chỉnh tề từ trong nhà chạy ra, kính cẩn lạy chào, đỡ lấy rọ cá, cần câu từ tay lão nông.

— Bẩm thầy mới về ạ...

Bọn Huân sững sốt run rẩy muốn té sụm, thì ra lão nông chính là quan Nghè Bón! Cả ba vội chạy đến chấp tay quì thưa:

— Xin quan Nghè xá tội vô lễ cho chúng con ạ...

Lão nông cười ha hả, đỡ họ đứng dậy:

— Miễn lễ... không biết thì không có tội mà, ha ha... Nào, vào nhà ta hỏi chuyện.

Quan Nghè Bón tên thật là Trần Ân Chiêm, đỗ Tiến sĩ khoa Ất Mùi (1715) rồi ra làm quan. Nhưng chẳng bao lâu, thì xin cáo quan về quê nhà mở trường dạy học, vui thú điền viên. Thầy vốn sống bình dị hòa đồng với dân làng, ngoài những lúc bảo ban học trò thì cũng mặc áo nâu, vác cuốc cào ra đồng cày xới, nhàn nhã hơn thì đi câu cá bắt chim. Hôm nay gặp bọn Huân, chính là lúc thầy vừa đi câu về, ra đối thử thách các cậu, và vì Huân đối giỏi nên thầy mới dẫn về và nhận làm môn sinh. Từ đó, Huân, Giai, Kỳ được ở lại trọ học.

Với con mắt tinh đời của quan Nghè Bón, sau một thời gian đào tạo, ông đã nhận ra cả Tông Huân, Huy Kỳ và Đồng Giai đều là những văn tài kiệt

xuất, rồi đây sẽ làm rạng danh khoa cử.^[42] Những lần khảo hạch, tập văn, làm thơ phú, đối ngẫu... tài năng của họ bao giờ cũng đứng đầu lớp khiến ông rất mực hài lòng, càng ưu ái truyền thụ cho mọi sở học. Ông vẫn thường tấm tắc ngợi khen và kể về họ cho bà Nghè nghe. Một hôm, ông bảo vợ:

— Bà nọ ọ, bấy lâu nay mình nuôi dạy chúng nó như con cái trong nhà. Tôi tin rằng rồi chúng sẽ thành tài cả... Vậy, mình có ba đứa con gái, sao không gả luôn cho yên phận?!

Bà Nghè đáp:

— Cứ nghe ông khen mãi về tài học của ba đứa nó, thì tôi chỉ biết tin theo vậy. Nhưng mà tư cách đức độ từng đứa ra sao vẫn chưa biết được. Việc này phải để tôi tìm hiểu đã, vì gả chồng cho con quan trọng lắm đấy!...

Ông Nghè lặng thinh, để mặc vợ toàn quyền định đoạt. Ngày nọ, bà đánh tiếng mời ba cậu Huân, Giai, Kỳ qua nhà dùng cơm...

Ba trò cưng này được thầy Ân Chiêm (Nghè Bón) cho ăn ở trong một chái nhà riêng để tiện học hành, hôm đó được lời mời thì hí hửng kháo nhau:

— Chắc là nhà thầy có giỗ kỵ tiệc tùng chi đây...

— Há há, lâu ngày ăn uống thanh đạm, nay có dịp đánh chén thỏa thuê rồi...

— Này này, có mâm cao cỗ đầy, thì phải có lời chúc tụng chứ, mình đoán thử xem là tiệc gì để soạn sẵn cho văn vẻ đi!....

Người nhà mời từ sáng, khiến các cậu ta để dành bụng; vậy mà đến trưa, rồi xế chiều vẫn chẳng thấy ai sang gọi... khiến bụng người nào cũng sôi ùng ục... Mãi sập tối mới thấy người hầu cầm đèn soi gõ cửa, thưa:

— Mời các cậu qua dùng cơm.

Nói rồi quay mình đi ngay, dẫn Huân, Giai, Kỳ qua tiền sảnh nhà lớn, xuống hậu đường vào thực phòng, đặt đĩa đèn dầu lên bàn ăn rồi lui mất.

Ba cậu ngỡ ngác vì nhà ăn trọ trọ mỗi bọn họ, chẳng có thực khách, chẳng có mâm cỗ thịnh soạn chi cả... Thầy cô và người nhà cũng biệt tăm...

Trên bàn có nồi cơm và mâm thức ăn đầy lồng bàn nan tre, Huân tiến đến mở lồng đầy, bảo:

— Chắc là khách về cả rồi, còn phần dành cho bọn mình đây...

Giai, Kỳ trợn mắt há hốc cúi nhìn sát mâm ăn khi Huân mở ra... Trong mâm vón vụn chiếc đĩa đựng ba quả trứng luộc bóc vỏ sẵn, ba chén nước chấm và bát đĩa...

— Ưm... tưởng là cỗ bàn hậu hĩnh lắm, sao chỉ mỗi món trứng luộc như vậy?!

Giai, Kỳ ngạc nhiên cùng thốt lên, Huân chỉ đĩa trứng bảo:

— Ha ha... ba quả trứng thì đích thị là của bọn mình chứ ai, ngồi vào ăn thôi các bạn ạ, đói lắm rồi...!

Xới cơm vào bát, cả bọn bắt đầu ăn... không có ai, không phải khách sáo, ba cậu ăn một cách tự nhiên ngon lành theo bản tính tự nhiên của mình.

Thật ra, trong phòng còn có một người nữa đứng sau tấm màn ở góc tối lén quan sát họ. Đó là bà Nghè, cố tình mời rồi để họ thật đói, dọn cơm sơ sài đạm bạc để xem xét thái độ phản ứng của các cậu như thế nào, cung cách ăn uống từng người ra sao mà đoán định phong thái tính cách của họ...

Đồng Giai cho trứng vào chén nước chấm của mình, giằm nát cả ra rồi rưới, trộn đều từng bát cơm mà ăn, cứ thế ăn được ba bát không phải lo thiếu thức ăn.

Bà Nghè nhìn trộm thấy thế gật gù ưng ý lắm, lắm lắm:

— Tốt tốt... anh này rất điều độ, có trước có sau không để thiếu hụt, cuộc đời rồi sẽ ấm no hạnh phúc...

Lại thấy Huy Kỳ dùng thìa xắn trứng làm tư, mỗi bát cơm cậu gắp một miếng trứng ăn cùng nước chấm. Ăn hết ba bát vẫn còn thừa một miếng...

thì nhai không chơi.

Bà Nghè đắc chí, suýt tí nữa thì thốt lên khen ngợi. Bà nghĩ:

— Anh này rất căn cơ, biết tính toán dành dụm, về sau cũng sung túc dư dật lắm đây...!

Còn Tông Huân thò tay bốc ngay quả trứng cho vào mồm cắn nhai ngon lành, loáng mắt đã nuốt sạch, xong rồi và tới tấp, lua lia lựa ba bát cơm không với nước chấm thật nhanh, buông bát đũa đứng dậy trước nhất.

Bà Nghè nhăn mặt nhủ thầm:

— Gớm ghê cái anh này ăn uống bĩ lậu quá mức, chẳng biết dè sẻn là gì... Ngỡ này thì có mà ăn xài cho khuynh gia bại sản, vợ con còn mong nhờ gì...?

Sau đó bà Nghè thuật chuyện cho chồng nghe, có ý chê bai Hà Tông Huân và chỉ chấm được Giai, Kỳ mà thôi. Thầy Ân Chiêm bật cười, rung đùi vuốt râu đắc ý bảo:

— Ha ha... Riêng phần khóa Huân^[43] bà đoán sai rồi. Người phi thường, thì cung cách cũng khác thường. Kẻ “ăn to thì lo lớn”, rồi đây nó sẽ đỡ cao, làm quan to hơn cả cho mà xem....!

Đỗ Huy Kỳ quê ở làng Thử Cốc, chữ Cốc là lúa; Tông Huân ở làng Kim Vực, chữ Kim là vàng và Trịnh Đồng Giai thì ở Ngọc Hoạch.

Nhân vui chuyện, quan Nghè muốn thử lòng ba cô con gái mới cho gọi ra, nửa thật nửa đùa hỏi rằng:

— Nay bố có ba thứ quý giá là vàng, ngọc và lúa, mỗi người trong các con chỉ được chọn một thứ, vậy ai chọn thứ gì nói cho bố nghe xem nào.

Các cô đã được mẹ rỉ tai chuyện gả cưới cũng như kể cho nghe về lai lịch và tính cách ba cậu học trò cứng nên cũng phần nào đoán ra ý định của bố. Cô cả mau mắn bảo:

— Con chọn lúa ạ, vì có lúa thì luôn có cái ăn, không phải lo lắng cuộc sống.

Cô hai tiếp theo:

— Con xin chọn ngọc, vì ngọc trong sáng quý giá, đời sẽ không buồn khổ.

Cô ba thưa:

— Hai chị chọn cả rồi, phần còn lại con xin nhận vậy.

Không lâu sau, thầy Ân Chiêm tuyên bố gả cô con đầu cho Đỗ Huy Kỳ, tức cậu khóa Thử Cốc, sau này đỗ Thám hoa, gả cô hai cho Trịnh Đồng Giai, bấy giờ là khóa Ngọc Hoạch, về sau đỗ Tiến sĩ gọi là ông Nghè Vạc (tên nôm của làng), và cô ba thì lấy khóa Kim Vực là Hà Tông Huân, sau đỗ Bảng nhãn gọi là ông Bảng Vàng (Bảng nhãn làng Vàng, tên gọi nôm của Kim Vực).

HÀ TÔNG HUÂN

(1697 - 1766)



Quê ở núi Vàng, làng Kim Vực (nay là xã Yên Thịnh, huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa). Từ nhỏ ông đã được mệnh danh là “Thần đồng Kim Vực” vì thần phục trí nhớ siêu việt của ông.

Hà Tông Huân đỗ Bảng nhãn khoa thi đình năm Giáp Thìn (1724). Vì khoa thi này không có Trạng nguyên và Thám hoa, nên ông đỗ thủ khoa (Đình nguyên Bảng nhãn).

Ông được triều đình cử nhiều chức vụ khác nhau như tham gia soạn sử, dạy học ở trường Quốc tử giám, Đốc đồng, Đốc trấn, Hiến sát...

Từng giữ chức Thượng thư, rồi làm Tế tướng, đứng đầu triều đình, sự nghiệp văn võ song toàn, tài đức trọn vẹn, được giới sĩ phu cùng thời hết sức ca ngợi.

Năm 65 tuổi, ông xin nghỉ hưu, lui về làng Kim Vực vui thú điền viên.

Ông qua đời ở tuổi 70. Nhân dân lập đền thờ, ca ngợi công đức ông qua hai câu đối:

Sự nghiệp tam khôi thần báo trước

Văn chương bậc nhất được vua khen

LÊ QUÍ ĐÔN



Biết chữ thuở lên hai

Ông Nghè Lê^[44] ngồi giữ cậu con trai cho bà vợ đi có việc. Ôm nó trong lòng chán, ông lại xốc nách giơ lên cao, lắc qua lắc lại chọc cười, mỗi tay rồi thì đặt ngồi lên án thư trước mặt, ngắm nhìn nó...

Nhớ ngày nào, mới làm lễ “thôi nôi” mà giờ đây nó đã lên hai rồi... Hôm đó, sau khi cúng vái xong, người nhà bày ra sà n đủ thứ đồ vật xem nó sẽ chọn món gì để đoán định tương lai theo tập tục. Cu cậu bò quanh, mắt mở to ngắm các thứ một cách tò mò ghê lắm; kia là cái chong chóng bằng giấy màu sặc sỡ, rồi con vạ (con quay), đồng tiền, cái bập bung, thanh kiếm gỗ, tập sách, oản bánh cùng nhiều thứ linh tinh khác nữa; cái nào cũng đẹp đẽ, bắt mắt cả... Cậu bò chán rồi ngồi phịch ra, vẫn nhìn chăm chăm các thứ, cuối cùng thò tay lấy... cây bút và tập sách!

Lúc đó, ông Nghè đã vỗ đùi cười khoan khoái:

— Há há, phải vậy chứ!... Con nhà tông, không giống lông cũng giống cánh mà.

Người nhà ai cũng rạng rỡ vui cười, ông ngoại thẳng bé,^[45] vuốt râu gặt gù, bàn:

— Hai bên nội ngoại nó đều là dòng khoa bảng, toàn ông Nghè ông Cống cả, hy vọng nó sẽ nối nghiệp ông cha, làm cho họ tộc thêm lừng lẫy danh tiếng...

Cậu bé Phương^[46] đã tụt khỏi án thư, lật lật vài trang của cuốn sách cha cậu đang đọc dở để đấy, mắt cậu nhìn vào chăm chú như người biết chữ vậy, rồi cầm lấy cây bút, quay lại nhìn cha nhòen cười, huơ huơ bút bắt chước điệu bộ của cha khi viết, làm ông Nghè Thứ phải bật cười theo. Ông chột nghĩ vui:

— Hay là... mình thử dạy chữ, xem nó có lĩnh hội được gì chưa?

Rồi tay giữ con, tay cầm bút nhúng vào nghiên mực, ông viết ra giấy, vừa bảo:

— Xem này, đây là chữ nhất, ta viết một nét ngang... chữ nhị thì hai nét... chữ tam ba nét... hiểu không?

Thấy nó yên lặng ngồi nhìn, ông thử hỏi lại:

— Chữ nhất đâu nào?... Nhị đâu?... Tam đâu?

— Nhất... nhị... tam...

Nó bập bẹ, chỉ đúng từng chữ.

Ngạc nhiên, ông Nghè Thứ lấy tờ giấy khác, viết lại từng chữ, hỏi, nó vẫn đáp đúng. Ông thử viết vài chữ phức tạp, nhiều nét hơn, có cả chữ HỮU (có), và VÔ (không), thẳng bé vẫn chỉ... trúng phóc!

Hôm sau, rồi nhiều ngày sau nữa, khi viết rồi hỏi lại, có đến trăm lần, cậu bé Phương còn nhớ mặt chữ như in, luôn chỉ đúng... Lúc ấy ông Nghè mới tin chắc con trai mình có một trí nhớ phi thường, nhưng cũng e ngại vì “tinh anh phát tiết (từng chữ) ra ngoài” quá sớm^[47], nên mãi đến bốn, năm tuổi mới dạy chữ cho. Ở tuổi này mà Phương đã học đến Kinh Thi, vì cậu thông minh lắm, học đâu nhớ đấy, hiểu đấy, cha không phải chỉ bảo lần thứ hai... Rồi lên sáu, lên bảy thì đã biết làm đối, thơ văn phú lục, tứ thư ngũ kinh, Bắc sử Nam sử... môn nào cũng tinh thông cả.

Trong khi bọn trẻ con ở làng, phải đến tám thậm chí mười tuổi mới bắt đầu nhập môn thầy đồ, tập đồ chữ trên tấm ván khắc hoặc viết bằng que lên đất nện, ê a dăm ba câu Tam Tự kinh, thì cậu Phương đã ở vào hạng trung tập đại tập rồi, tức là sức học vượt xa bọn chúng cả chục năm. Bởi vậy, danh hiệu “thần đồng thất tuế” ở đất học Duyên Hà^[48] chẳng mấy chốc mà vang lừng khắp chốn.

Đôi chữ - Đôi ý

Một ngày, bạn đồng liêu của ông Nghè Thứ đến thăm, đàm luận văn chương chữ nghĩa. Hai ông ngồi trên sập gụ vừa xơi trà thuốc vừa chuyện trò rất là tâm đắc... Danh Phương lúc này 7 tuổi, đã học xong bài cha cho ban sáng, định xin phép cha ra ngõ chơi cùng chúng bạn, nhưng thấy cha có khách nên cứ đứng lẩn chần mãi chưa dám mở miệng. Bất chợt nhìn ông khách, Phương lạ lắm khi thấy đôi mắt ông to đùng dọi (rọi) lại đằng sau hai miếng thủy tinh trong veo đặt trên sống mũi. Hiếu kỳ, cậu sán lại gần, quên cả lạ quen, cứ ngược nhìn chăm chăm:

— A!... là cái mục kính (mắt kiếng) mình vẫn thường nghe nói đây... Ra là vậy!...

Phương reo lên thích thú vì vừa tận mắt khám phá ra vật mà mình chỉ nghe chưa từng thấy. Cậu vốn rất thích tìm tòi học hỏi điều mới lạ, mà cái mục kính là thứ xa xỉ, tối tân ở kinh thành mới có, chứ làng quê này chẳng thấy ai đeo cả...!

— Danh Phương! Không được vô phép, sao dám hỗn hào nhìn bác như thế?

Nghe cha mắng, Phương mới giật mình sực tỉnh, khoanh tay cúi đầu:

— Cháu chào bác ạ...

Ông khách xoa đầu Phương, cười bảo:

— Ha ha... Chắc nó lấy làm lạ với cái mục kính này đây...

Khách tháo kính, dùng vạt áo chùi cho sạch, tiếp:

— À... nghe nói huynh đã truyền thụ chữ nghĩa cho nó kha khá rồi thì phải?

— Không dám ạ... chỉ là dăm ba chữ giáo đầu ấy mà!... Ông Thứ khiêm tốn trả lời, khách lại đeo kính lên, cười; - Được, để tôi thử sức học của cháu xem sao....

Hăng giọng, ông quay hỏi Phương:

— Ủm... chắc cháu đã biết làm đối chữ?

Rồi không để cậu kịp trả lời, ông chỉ ngay mục kính đang đeo, xuất đối:

“TỨ MỤC”

Nghĩa là: bốn con mắt.

— Chà... lắt léo đây!

Phương thầm nghĩ, chỉ là câu tiểu đối hai chữ, thoạt nghe tưởng là đơn giản về ý, đối gì mà chả được?... Nhưng suy cho kỹ, thì bác ấy còn đối chữ tượng hình nữa đấy!... Vì chữ TỨ là bốn nếu xoay dọc lại sẽ thành chữ MỤC là mắt. Phải kiếm hai chữ vừa có ý nghĩa mà lối tượng hình cũng tương tự như vậy để đối lại thì mới là đối chỉnh.

Trí não cậu hoạt động nhanh như tia chớp, những con chữ liên tục hiện ra trong đầu... Chợt cậu a lên một tiếng, rồi hớn hờ chỉ tay ra đầu làng, ngoài ấy có con sông tẻ thành nhiều nhánh, đáp đối:

— TAM XUYÊN ạ...!

Tam xuyên nghĩa là ba con sông, lối viết cũng hệt như cách trên, vậy là cậu đã đối thật chỉnh về hình và ý...

Bất ngờ vì Phương đáp đối quá nhanh, ông khách sững người một lát... rồi chùng như thấm ý, mới vỗ đùi đánh đét, bật thốt lên:

— Hay!... Hay tuyệt!

Day qua bạn, ông ta cười sáng khoái, tiếp:

— Ha ha... tôi đối mẹo đấy, thế mà nó tinh ý thật, thấy ngay được cái thâm của lối chơi chữ, còn đáp đối nhanh nhẹn nữa... Khá lắm!

Ông Thứ cũng vui trong bụng vì con thông minh, nhưng không muốn nó nghe nhiều lời ngợi khen, thấy cậu vẫn đứng xớ rớ, ông bảo:

— Thôi cho con ra ngoài chơi, để cha hầu chuyện bác đây...

Phương được phép, thích chí chạy đi ngay. Trong nhà, vị khách vẫn gật gù suy gẫm:

— Tam xuyên...Tứ mục... Tứ mục, tam xuyên... Ha ha, tài tình thật! Không hổ danh là “hổ phụ, sinh hổ tử” mà... Thần đồng thật đấy!

Lớn hơn chữ lớn

Lại một ngày hè nắng nóng oi bức lạ thường, Phương ngồi học từ sáng đến gần trưa thì mồ hôi đã nhỏ ròng ròng. Được cha cho phép ra cầu ao tắm cùng chúng bạn, cậu mừng rơn, nhưng không quên thu gọn bàn học cho ngăn nắp. Nhất là những điều ghi chép ra giấy, Phương cẩn thận đánh dấu từng đề mục, xếp bỏ vào những chiếc túi con mà mẹ may cho.

Đây là một thói quen đặc biệt của cậu (gìn giữ cho tận cuối đời), những gì thu thập được ngoài sách vở, kể cả ý kiến nhận xét riêng của mình, Phương đều viết và lưu giữ lại, khi cần sẽ tìm ra ngay, vì biết rằng bộ não tí tẹo không thể nào nhớ hết, dung nạp hết mọi điều, mà kiến thức thì bao la vô tận...

Sắp đặt đâu đấy xong xuôi còn gì hơn là... chạy ngay ra cầu ao, vẫy vùng cùng chúng bạn.

Bởi chán rồi, bọn trẻ lại chơi trò leo cây nhảy nước. Những cây mọc ven ao hồ, thường nghiêng mình soi bóng xuống mặt nước, thật lí tưởng để chúng leo trèo nghịch ngợm. Trên cành, chúng cũng ngồi vắt vẻo đu đưa, cũng cãi vĩa chí chóc hệt như bầy khỉ vậy... Lần này, điều lệ cuộc thi là đưa nào nhảy xuống nước mà làm bắn tung cột nước lên cao nhất thì thắng cuộc. Thế là chúng nghĩ ra đủ kiểu nhảy: đưa chấp hai tay ra đằng trước, phóng chúi xuống như mũi tên... kiểu này thì rẽ nước lặn sâu được, chứ nước bắn lên không đáng kể... Đưa khác thấy vậy, liền giang rộng tay chân, thả rơi mình, nằm ngang như con sóc bay, “bùm” một tiếng, nước dạt ra tứ bề mà không tung cao, và hậu quả của cú tiếp nước kiểu này, thẳng bé rất râm ran cả da thịt...

— Hừm, phải rơi nhanh, mạnh và gọn như tảng đá thì nước sẽ tung cao...

Phương lập luận như vậy, rồi cậu từ cành cây phóng ra không gian trước mặt, gập đầu gối sát ngực, hai tay khoanh vòng giữ chặt chân, người bó gọn thành một khối như quả cầu, rơi nhanh xuống... Ùm, một tiếng vang động khi tiếp nước, quả nhiên cột nước bắn lên thật cao, Phương đã thắng cuộc, giữa tiếng hoan nghênh từng bừng của bọn trẻ...

Bơi vào bờ, cậu định chạy lại cây leo lên chơi tiếp thì đụng phải một người khách đi đường...

— Này cháu, chỉ hộ bác nhà ông Nghè làng này, ở đâu nào?

Thường thì Phương rất lễ phép, sẽ trả lời ngay. Không hiểu sao hôm nay lại sinh ra ngỗ ngược... Có lẽ vì đang hưng phấn cùng đám bạn, chợt bị người này làm cho cụt hứng? Cũng có lẽ vì hai hình ảnh trái ngược khiến cậu nực cười mà nảy ý tinh nghịch? Vì ông ta thì khăn đóng áo dài quần thụng đi hia thật là văn nhân cốt cách, còn cậu lại tổng ngồng tổng ngồng trơ trụi không mảnh vải che thân (con nít tắm cởi truồng mà!), Phương liền xoạc chân giơ ngang hai tay, ngáng (chặn) đường, cười bảo:

— Đố bác, là chữ gì đây?... Đoán đúng thì cháu mới chỉ nhà cho.

Người nọ hơi sừng sốt, nghĩ bụng:

— Hừ, thằng bé này ngỗ ngáo thật, võ vẽ dăm ba chữ mà dám đố mình ư?!

Nhưng rồi thấy nó còn nhỏ quá, không đáng trách mắng nên cũng bao dung (rộng lượng) trả lời:

— Ừ... thì là chữ ĐẠI, ai mà chẳng biết!

(Chữ Đại có tự dạng như người đứng dang tay chân, có nghĩa là LỚN)

Phương cười thích chí:

— Há há... sai rồi! Bác đoán sai rồi, còn lớn hơn chữ ĐẠI nữa cơ!

Người đó nhú mày, lăm bằm:

— Rõ ràng là chữ Đại, sao nó lại bảo không phải? Thế... là chữ gì nhỉ?!

Bấy giờ Phương mới chỉ chỉ vào giữa hai chân, cười tinh nghịch:

— Hi hi, thêm... cái chấm ấy nữa, thì là chữ THÁI cơ mà...!

(Chữ Thái có tự dạng hệt như chữ Đại, nhưng thêm 1 chấm ở nét phẩy, và có nghĩa là cực (cực đại), lớn, cao, nhất...)

Rồi cậu chạy đi, vẫn cười như nắc nẻ:

— Bác đoán sai rồi nhé... không chỉ nữa đâu!

Người khách đi đường chưng hửng giây lát, rồi lắc đầu nhếch cười, bước tiếp, miệng lẩm bẫm:

— Thật là... lém quá cỡ, mà cũng thông minh đấy chứ!

Rắn đầu cứng cổ

Hiếu động nô đùa chán rồi thì sẽ thấy đói ơ là đói. Bụng đứa nào cũng sôi ùng ục, vậy là không hện mà tự... rã đám, nhà ai nấy về kiếm cái bỏ bụng.

Phương vợ áo quần vắt trên cành tre, xỏ đại vào người rồi ba chân bốn cẳng chạy một mạch về nhà, cậu cũng đói ngấu mà...

Áo vào cửa thì khựng lại ngay... Thôi rồi, người bị cậu ghẹo khi nãy, là bằng hữu của cha, họ đang ngồi đối ẩm trên sập kia...

— Đắc tội rồi, sao mình lơ là đến thế nhỉ?... Ông ta hỏi nhà cha mà mình quên bém không chỉ, còn vô lễ nữa...

Phương xanh mặt, đứng cạnh cửa vòng tay cúi đầu, không dám bước tiếp, không dám mở miệng...

Nhận ra sự xuất hiện của cậu, ông khách nhìn chăm chăm và reo lên:

— A... há há... là cậu... “Thái” đây mà... Hay nhỉ?!

Chết thật! Vậy ra... bác ấy đã thuật chuyện gặp mình cho cha nghe rồi... Phương sợ hãi nghĩ.

Ông Nghè Thứ quả đã được bạn là ông Nghè Đôn Thư⁴⁹¹ kể lại việc đụng độ với một thằng bé tinh ranh ngoài cầu ao, thì tám chín phần... nghi là con trai mình rồi. Nay đã rõ mười mười, ông giận tím mặt, rút phắt cây roi mây giắt trên vách, nhịp nhịp xuống sập nghe cộp cộp đến ớn lạnh, quát:

— ĐỒ “RẮN ĐẦU CỨNG CỔ”, sao dám vô lễ với bác Nghè đến thế hử!? Có mau quì xuống tạ tội không? Hay là đợi ta đét vào mông?

Phương mếu đến nơi, rụt rè bước đến gần sập gụ mà mắt cứ lăm lét nhìn cây roi mây... May sao, ông Nghè Đôn Thư bật cười ha hả, can ngăn ông

Nghè Thứ:

— Thôi... xin huynh bỏ qua cho cháu đi, trẻ con đứa nào mà chẳng nghịch ngợm chứ...!

— Nhưng xác xược với bậc tôn trưởng như thế thì quá lắm, phải đánh đòn cho chừa tội bất kính! Ông Nghè Thứ vẫn còn giận lắm, trừng trừng nhìn Phương, vung roi, dọa... Trái lại bạn ông thì cười xòa, giơ tay can:

— Được rồi, được rồi... Không cần roi vọt đâu! Dù sao, cháu nó cũng là đứa thông minh linh lợi. Để tôi cho cháu có cơ (hội) chuộc lỗi vậy...

Ông Thứ chấp tay:

— Nhờ tôn huynh dạy dỗ cho, cứ việc thẳng tay với nó.

Nghè Đôn Thư xoa đầu Phương, hỏi:

— Nghe nói cháu đã biết làm cả thơ, văn, phú, đối?

— Bẩm, cháu... có biết ạ.

— Hay lắm, vậy hãy làm thơ ta nghe xem nào?

Phương ngơ ngác hỏi:

— Bẩm,... thơ... nói về gì ạ?

Ông Nghè Đôn Thư vuốt râu, chỉ cha cậu, bảo:

— Thì đấy!... Khi này cha mắng cháu là đồ “RĂN ĐẦU CỨNG CỔ”, vậy cứ lấy đó làm đề tài...

Quay sang Phương, vẻ mặt nghiêm nghị, giơ ngón tay ông răn tiếp:

—... đặt một bài thơ về việc ăn năn hối lỗi đi!

Phương vẫn đứng khoanh tay hầu, chau mày cúi đầu suy nghĩ... Rồi trong lúc hai ông Nghè chưa kịp cạn chung trà nóng mới hâm, cậu đã ngược mặt lên, rạng rỡ thưa:

— Cháu xin đọc thơ ạ...

Phương cất giọng sang sảng, đọc thơ một cách rõ ràng mạch lạc. Nổi rụt rè sợ sệt tan biến đâu cả, vì cậu đang thả hồn vào thơ của mình, để diễn tả mà. Thơ rằng:

*Chẳng phải LIU ĐIU cũng giống nhà,
RẪN đầu biếng học, lẽ không tha,
Thẹn đèn HỒ LỬA đau lòng mẹ,
Nay thét MAI GẦM rát cổ cha,
RÁO mép chỉ quen lời lếu láo,
LẪN lưng chẳng khỏi vết năm ba,
Từ nay CHÂU, Lỗ xin chăm học,
Kẻo HỒ MANG danh tiếng thế gia.*

Cậu đọc xong rồi mà âm hưởng của bài thơ như còn vương đọng mãi vì thấy hai ông Nghè cứ ngồi ngây như tượng...

Chà, họ đang nghiên ngẫm từng chữ, từng câu của bài thơ đấy! Rồi họ bắt đầu đàm luận:

— Nhanh nhạy đấy chứ!... Mình vừa ra đề, thế mà nó nắm được ý tứ rồi xuất thơ luôn... giỏi thật!

— Vâng, cũng không đến nỗi tệ ạ...

— Đến nỗi là thế nào? Phải nói là hay ấy chứ. Này nhé, nội dung rất khớp với đề bài, ngay câu đầu tiên nó đã giới thiệu được mình vốn cũng thuộc con nhà gia giáo khoa bảng (con dòng cháu giống), câu 2 nêu luôn cái tội ham chơi ngỗ nghịch, lẽ thì phải chịu đòn, câu 3,4 nhận ra sai trái ấy làm mẹ buồn phiền vì dốc công chăm lo đèn sách cho nó, và cha cũng phải la mắng hoài...

Ngưng lấy hơi, ông Nghè Đôn Thư chiêu một ngụm nước, hắng giọng tiếp:

— Câu 5, 6 nó đã hối lỗi rồi, còn biết đó là thói hư tật xấu, tái diễn sẽ không tránh khỏi đòn roi...

Hứng chí, ông Nghè châm đóm, rít một hơi thuốc từ điếu bát sứ, phà khói tuôn mù rồi bàn luận tiếp:

— Hai câu kết mới khẩu khí ghê gớm chứ!... Cậu ta dám hứa sẽ chăm chỉ học hành cho thành danh như những bậc hiền triết Khổng Tử, Mạnh Tử...^[50] chứ không thì xấu hổ với danh gia đấy! Ha ha, hay tuyệt!....

Ông Nghè Thứ kính bạn chung trà khiêm tốn bảo:

— Tôn huynh quá khen rồi, chỉ là thơ con trẻ thôi mà...

Nghè Đôn Thư không đồng tình, trợn mắt cãi:

— Không khen sao được!... Bài thơ còn có điểm thú vị khác nữa đấy!...

Ông Thứ cười, hỏi lại:

— Có phải huynh muốn nhắc đến cách chơi chữ, trong mỗi câu đều có tên một loài răn: Liu điu - Răn - Hồ lửa - Mai gầm - Ráo - Lăn - Trâu - Hồ mang?

Vỗ đùi đánh “đét”, Nghè Đôn Thư cười phá lên thích thú:

— Đích thị rồi!... Đấy, huynh thấy tài tình không? Nhân đề ra là câu mắng “Răn đầu cứng cổ” mà nó liên tưởng đến nghĩa đồng âm^[51] để đưa vào bài tên nhiều loại răn... Hay, hay tuyệt! Đúng là tuyệt cú đấy!

Ông ta kéo Phương lại gần, ôm choàng rồi xoa đầu khen mãi...

Bấy giờ bà Nghè bưng mâm cơm lên mời khách, ông Thứ bảo con:

— Thôi, bác Nghè Đôn Thư tha cho rồi đấy, xuống nhà với mẹ đi.

Phương “vâng ạ” thật to, chạy a theo mẹ xuống bếp ngay, thở phào khoan khoái vì vừa thoát một trận đòn roi, cậu sà vào mâm cơm, bụng đang réo rợn...

Trí nhớ siêu việt

Bước qua tuổi mười, Danh Phương đã là một thiếu niên anh tuấn đỉnh ngô, học rộng hiểu sâu. Giờ thì thỉnh thoảng cậu đã được phép cha mẹ cho đi đây đó để mở mang kiến thức, nhất là những dịp lễ hội ở đền chùa nổi tiếng trong vùng và hội hè truyền thống địa phương.

Đi đâu xa về, Danh Phương vẫn thích ghé vào quán nước đầu làng, nơi đây lưu giữ nhiều kỷ niệm thời thơ ấu của cậu.

Quán của một bà cụ già, không biết từ đâu đến, và dựng lên từ khi nào, chỉ biết khá khang trang, ngoài nước chè bánh trái bán cho khách dừng chân nghỉ ngơi, bà còn buôn cả hàng xén dành cho phụ nữ trong làng và có lúc, cũng lo luôn cơm nước cho bộ hành đường xa cần ăn uống...

Nhớ trước đây, mỗi khi được mẹ dúm cho vài tiền tiêu vặt, Phương vẫn chạy ngay ra quán nước mua quà vặt, rồi vừa ăn vừa nghe người lớn nói chuyện.

Thật là cả một trời kiến thức sinh động và bổ ích mà sách vở nào thấy ghi, Danh Phương cố nhớ lấy để về chép lại, làm đầy thêm những chiếc túi cầm nang chứa đựng tri thức mà cậu sưu tầm thu thập được. Chính nhờ cách học sáng tạo và thực tiễn này mà về sau Danh Phương trở thành nhà bác học uyên bác, hầu như lĩnh vực nào cũng thông thái cả. Rồi sau khi đỗ Bảng nhãn ra làm quan, ông còn treo trước cửa nhà tấm biển đề:

THIÊN HẠ NGHI NHẤT TỰ, LAI VẤN

Nghĩa là: Mọi người, ai không hiểu chữ gì, cứ đến đây mà hỏi. Quả thật, ông đã giải đáp được thắc mắc cho rất nhiều người, và trở thành câu chuyện khẩu (cửa miệng) trong các cuộc chuyện trò, khi gặp việc nan giải, họ lại bảo:

— Thiên hạ vô tri vấn Bảng Đôn! (là “điều gì không biết, cứ đến hỏi Bảng nhân Lê Quý Đôn).

Trở lại với quán nước đầu làng, hôm ấy Danh Phương vừa đi vãn cảnh về, ngồi nghỉ ngơi uống bát nước chè, ăn mấy chiếc bánh gói lá và nhớ lại kỷ niệm, lòng thanh thản vô cùng... Chợt, cậu nhìn thấy một cuốn tập giấy trên vách gần nơi mình ngồi, nghĩ rằng của anh học trò nào bỏ quên, cậu liền cầm lấy giở ra xem... Nào ngờ, đó là cuốn sổ ghi nợ của bà cụ chủ quán, thấy chữ viết bởi nhiều tự dạng khác nhau, còn có cả dấu tay (ấn chỉ), Phương hiếu kỳ lần đọc, chợt hiểu:

— À... Thì ra bà cụ không biết viết, nên ai mua thiếu cứ việc ghi vào, người không viết được cũng nhờ kẻ khác viết hộ, rồi in dấu tay lên, nên mới có nhiều tuồng chữ như vậy...

Tò mò cậu lại xem tiếp, tòm tòm cười:

— Toàn người quen trong làng mua chịu cả... ít thì bánh thuốc xì rượu này... Nhiều thì đấu thóc, xấp lụa này... Tổng cộng lại, cũng khá nhiều đấy....!

Cậu đọc xong thì gấp sách lại trả chỗ cũ rồi đứng dậy ra về, nghĩ miên man:

— Thế mới biết, kẻ nghèo người giàu, ai cũng có lúc túng ngặt cả, nên mới có sổ nợ kia...

Thuở ấy, cứ chiều tối đến, thì mỗi làng đều có người Đạc phu (thằng mõ) đi đầu thôn cuối xóm vừa gõ mõ lốc cốc vừa rao nhắc mọi nhà cẩn thận đóng cửa nẻo, tắt lửa tắt bếp để giữ gìn an ninh. Vậy mà đêm ấy, xui rủi thay bà cụ ở quán nước sơ suất thế nào để phát hoả, dân làng ứng cứu không kịp, và ba gian hàng quán của bà đều thành tro bụi...

Sáng ngày, Phương theo người làng ra thăm hỏi, chia sẻ... Tội nghiệp, bà cụ như người mất hồn, ngồi thẫn thờ bên đường nhìn sản nghiệp giờ đây là đống tro tàn còn ngún khói.

— Hu... tiêu tan cả rồi, làm sao sống đây? Hu hu...

Có người an ủi, bà càng tủi thân, khóc kể:

— Híc, có mỗi cuốn sổ nợ, lại cháy mất tiêu rồi... Giá mà còn thì cũng đòi được lưng vốn để gầy dựng lại...

Danh Phương nghe vậy thì mừng rỡ, bảo:

— Cháu có xem qua cuốn sổ ấy, vẫn còn nhớ rõ lắm, để cháu viết lại cho bà nhé!...

Rồi sẵn giấy bút lúc nào cũng mang theo bên mình, cậu liền ngồi tập trung, cố nhớ, ghi chép lại không sai tên nào, không sót một ai...

Cầm bản sao sổ nợ trên tay, bà cụ vẫn chưa yên tâm, run giọng bảo:

— Bà lo lắm... nhớ như có sự nhầm lẫn, mình đòi bậy thì họ lại mắng cho.

Phương phải đoán chắc là không hề sai, rồi để động viên, cậu đi cùng bà. Những người hiếu kỳ, cũng tháp tùng theo, thành đoàn đòi nợ hùng hậu... chưa từng thấy!

Quả nhiên, khi bà cụ chiếu theo đó để đòi, thì ai cũng công nhận “có ghi nợ”, và sốt sắng trả đúng, trả đủ vì biết bà đang hoạn nạn. Nhờ vậy, bà cụ lại có đồng vốn để mưu sinh, bà rối rít cảm ơn Phương. Riêng những người chứng kiến thì phục lẫn cậu vì trí nhớ kỳ lạ... Họ kháo nhau rằng:

— Thánh sống, cậu ta là bậc Thánh sống đấy... Chỉ thánh thần mới có kỳ tích phi thường như vậy!

Trí tuệ mãi tiếp tục cộng thêm công phu học tập ngày đêm, nên đến khoa thi Hương năm Quý Hợi (1743), Phương dự thi và đỗ ngay Giải nguyên (Thủ khoa) lúc mới 17 tuổi.

Trong lúc cái tên Danh Phương, ông Giải Nguyên trẻ tuổi tài cao vang lừng trong Kinh ngoài Trấn thì một cái tên “Danh Phương” khác cũng nổi lên như cồn, rúng động khắp thiên hạ: Đó là Nguyễn Danh Phương, một nông dân khởi nghĩa chống lại triều đình, có thế lực lớn, chiếm đóng cả vùng Thái Nguyên - Tuyên Quang, thanh thế lừng lẫy.

Vì không muốn trùng tên với người này, nên từ đó Danh Phương mới đổi tên là Quý Đôn.

Lê Quý Đôn còn đỗ đầu cả kỳ thi Hội, thi Đình, là một trong số Tam Nguyên (đỗ đầu kỳ) hiếm hoi của khoa cử nước nhà, ông làm quan trải nhiều chức vụ, nhưng điều đáng nhớ hơn cả là ông đã đem kiến thức thu thập cả đời đúc kết rồi trước tác, sáng tác thành một thư tịch đồ sộ, bao gồm rất nhiều bộ môn.

Ông xứng đáng được tôn xưng là Nhà bác học Văn hóa của nước nhà.

LÊ QUÍ ĐÔN

(Bính Ngọ 1726 – Giáp Thìn 1784)



Quê ở làng Phú Hiếu, huyện Duyên Hà, phủ Tiên Hưng, trấn Sơn Nam, nay là huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Cha là Lê Trọng Thứ, đỗ Tiến sĩ, làm quan Thượng thư triều Lê.

Quý Đôn đỗ Bảng nhãn khoa Nhâm Thân 1752, đời vua Lê Hiến Tông, làm quan trải qua nhiều chức:

Thị độc tòa Hàn lâm (Giảng giải kinh sách cho vua)

Tư nghiệp Quốc Tử giám (Hiệu phó trường Giám)

Làm Phó sứ sang Trung Quốc năm 1760.

Thăng Hàn Lâm viện Thừa chỉ (Viện trưởng Hàn lâm).

Đốc đồng Hải Dương (Quan văn đứng đầu Trấn).

Trở về Kinh làm Tổng tài Quốc sử quán trông coi việc viết sử.

Quý Ty 1773 làm Phó Đô Ngự sử, thăng Hữu Thị lang bộ Công rồi Bồi tụng (Á tướng, dưới Tế tướng).

Năm 1776, làm Tham thị Tham tán quân cơ các đạo Thuận Hóa, Quảng Nam.

Về Kinh làm Hành Tham tụng (quyền Tế tướng), phong tước Dĩnh Thành hầu.

Ông mất ngày 2/6/1784, thọ 58 tuổi, được truy tặng Thượng thư Bộ Công, tước Dĩnh Thành Công.

Ông lấy hiệu là Quế Đường, tự Doãn Hậu.

Các tác phẩm tiêu biểu như: Quốc sử tục biên - Lê triều thông sử - Phủ biên tạp lục - Quần thư khảo biên - Xuân Thu được luận - Bắc sử thông lục - Toàn Việt thi lục - Vân Đài loại ngữ - Quế Đường văn tập - Kiến văn tiểu lục - Thư kinh diễn nghĩa....

• Chú Thích •

^[1] Hoan Châu: Nghệ An ngày nay, châu Đại Hoàng: nay thuộc Ninh Bình.

^[2] Đinh Bộ Lĩnh tên thật là Đinh Hoàn, Bộ Lĩnh là một chức quan được phong và Tiên Hoàng là đế hiệu khi lên ngôi, có ý nghĩa là Hoàng đế đầu tiên.

^[3] Cha Đinh Bộ Lĩnh là Đinh Công Trứ, làm Thứ sử, cai quản châu Hoan dưới thời Dương Đình Nghệ và thời Ngô Quyền.

^[4] Biển: tấm bảng gỗ sơn son thếp vàng, ghi chức tước phẩm hàm danh hiệu của quan chức ngày xưa, mỗi khi vi hành.

^[5] Tiểu tập, đại tập: các kỳ kiểm tra ôn luyện như thi học kỳ ngày nay vậy.

^[6] Thần đồng thi: do Uông Chu thời Bắc Tống biên soạn, thơ ca ngợi sự học và khoa cử.

^[7] Bốn câu này có nghĩa là: Hoàng đế coi trọng anh hùng hào kiệt, lấy tri thức văn hóa để giáo dục mọi người. Tất cả các ngành nghề đều xếp dưới, chỉ có đọc sách là cao quý nhất.

^[8] Hữu là thôi; Hữu là lành.

^[9] Bạn biết không, ngày xưa chẳng có tập vở đóng sẵn đâu, học trò có giấy để viết đã là quý lắm vì rất mắc, muốn đóng thành tập để lưu giữ thì phải dùi lỗ ở một cạnh, khâu chỉ xỏ qua các tờ rồi cột gút lại làm gáy tập.

^[10] Gần Kẻ Rị, quê của Lê Văn Hưu, nổi tiếng với làng nghề đúc đồng. Nay là huyện Đông Sơn, Thanh Hóa.

^[11] Tức ông Lê Văn Minh, cha của Lê Văn Hưu.

^[12] Thuộc huyện Thượng Hiền, phủ Thiên Trường, nay là xã Nam Thắng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định.

^[13] Nghĩa là: Chim phượng hoàng làm tổ trên gác A các, con kỳ lân ra chơi ở vườn Uyển Hựu. Đều là điển tích cả.

^[14] Bốn câu trên có nghĩa: Không phải con rùa ở sông Lạc Thủy - Không phải con rồng ở sông Mạnh Hà - Ấy kia nước Hữu Hùng - Đóng đô ở gò Trác Lộ.

^[15] Quan thông tin giữa sứ thần và triều đình.

^[16] Nơi dành cho sứ đoàn nước ngoài ở.

^[17] Quốc thể: thể diện quốc gia. Quốc sỉ: nỗi nhục chung cả nước.

^[18] Đời nhà Thương, vua Cao Tôn khi cử Phó Duyệt làm Tế tướng, bảo việc ĐIỀU CANH (nêm canh) mặn nhạt là tại tay người. Cũng như nắm chức Tế tướng thì mọi việc hay dở cũng ở tay người mà ra.

^[19] Xưa, các sứ đoàn nước ngoài đến kinh thành được ở khu riêng biệt, canh gác, để tránh tìm hiểu dân tình và các thông tin khác.

^[20] Chữ GIAN trong câu “Tung hoành gian” nghĩa là ngang dọc ngăn ra, là ngăn

^[21] Bị côn trùng chích đốt, quả chai cứng không phát triển được nữa.

^[22] Trượng: đơn vị đo đạc ngày xưa, mỗi trượng dài 3,33 mét.

^[23] Thước ngày xưa, có độ dài bằng 0,425m ngày nay.

^[24] Ngày xưa, khi bảng cửu chương mới hình thành, thì học ngược với hiện nay: học từ số lớn đến nhỏ, từ cao xuống thấp: $9 \times 10 = 90$; $9 \times 9 = 81$; thứ tự 9,8,7,6,v.v...

^[25] Như học sinh cấp 2 phổ thông ngày nay

^[26] Xưa nam giới cũng để tóc dài, vấn thành búi củ tỏi sau đầu.

^[27] Thiên là 1.000, vạn là 10.000, ức là 100.000.

^[28] 8 hàng tính là: bách phân (phần trăm), thập phân (phần chục), hàng đơn vị, hàng chục, hàng trăm, hàng ngàn, hàng mười ngàn, hàng trăm ngàn.

^[29] Các phép tính nhân đôi, chia, chia và cộng, chia và trừ, v.v....

^[30] Tổ chức ở cấp huyện, trấn cho sĩ tử thử trước khi đi thi.

^[31] Là khắp thiên hạ lừng danh.

^[32] Khán thị: Người coi sóc chợ, quản lí chợ.

^[33] Tức làng Văn Hà, xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Còn gọi nôm là làng Vạn.

^[34] Ngày xưa chưa có nền giáo dục bắt buộc như hiện nay, tất cả trẻ em đều được đi học. Nên muốn học chữ phải có tiền, lễ Thầy, lễ Thánh, học phí v.v... Nghèo như cậu Quán Nho thì muốn học chữ là điều... không thể!

^[35] Làng Kim Vực còn gọi là làng Vàng thuộc xã Yên Thịnh huyện Yên Định tỉnh Thanh Hóa.

^[36] 1 khắc bằng 15 phút, một canh giờ bằng 2 tiếng đồng hồ ngày nay.

^[37] Về sau, người đời còn gọi Huân là ông Bảng Vàng, tức ông Bảng Nhân quê ở làng Vàng.

^[38] Ngày xưa chữ Hán viết từ trên xuống dưới, từ trái qua phải của trang giấy.

^[39] Tức một đôi câu đối gồm hai vế đối nhau.

^[40] Đỗ Trọng, được vua ban cho hai tàn lọng bọc lụa xanh do lính hầu vác che, có khi yêu quý ban đến bốn lọng. Và dây lưng nạm bạc.

^[41] Động vật cùng họ với con trai nước ngọt nhưng nhỏ hơn, thân dài, sống ở sông hồ, dân gian thường đọc trại là con chùng chục, chục chục.

^[42] Về sau, Tông Huân đỗ Bảng nhãn, Huy Kỳ đỗ Thám Hoa và Đồng Giai đỗ Tiến sĩ.

^[43] Đã qua kỳ thi sát hạch ở địa phương mới được ghi danh và chờ đợi các khoa thi tiếp theo, và được gọi là khóa sinh.

^[44] Tức Lê Trọng Thứ, cha của Quý Đôn.

^[45] Tiến sĩ Trương Minh Lượng là ông ngoại Lê Quý Đôn.

^[46] Hồi nhỏ, Quý Đôn có tên là Lê Danh Phương.

^[47] Người xưa quan niệm rằng “Tài hoa thì bạc mệnh”, “Bạo phát thì bạo tàn”, sự thái quá thì bất cập, phát triển quá sớm thì không tốt, cũng ví như ngọn đèn càng sáng thì càng mau cạn kiệt dầu, rồi lụi tàn.

^[48] Thần đồng 7 tuổi, Duyên Hà là quê nhà của Lê Quý Đôn

^[49] Tức Tiến sĩ Vũ Công Tuấn, quê ở làng Đôn Thư, huyện Thanh Oai, Hà Đông. Xưa để tỏ lòng tôn kính và tránh gọi tên tục (phạm húy), người ta chỉ ghép học vị chức vụ với tên làng quê của người ấy để gọi.

^[50] Châu Lỗ là đất nước quê hương của Mạnh Tử và Khổng Tử. Một cách nói gợi ý mà không đụng đến tên nhân vật (kiêng), đồng thời còn có mục đích chơi chữ: Châu ở miền Bắc, một số vùng miền đọc CH và TR như nhau, nên trong bài thơ, Châu là TRÂU, muốn nói đến rắn hổ TRÂU.

^[51] Rắn, là cứng - rắn chắc. Từ ngoài Bắc thường dùng như Rắn đầu, Rắn mặt, Mềm nắn rắn buông, mặt rắn đanh lại, v.v.... Đồng âm với Rắn là con rắn.

Table of Contents

ĐINH BỘ LĨNH

Trở về quê cũ

Lãnh địa chăn trâu

Cờ lau tập trận

Rồng vàng cứu giá

LÝ CÔNG UẨN

Dấu ấn thiên tử

Phạt tội thánh thần

Tuổi nhỏ chí cao

LÊ VĂN HỮU

Trí tuệ thần đồng

Ứng đối tài tình

Chí khí cao vợi

Cống hiến cho đời

Cây đèn mẹ tặng, lời dặn khắc ghi

NGUYỄN HIỀN

Chú tiểu phá phách

So tài văn chương

Về quê học lễ

Câu hát giải nguy

Chỉ là đồng ruộng

LƯƠNG THẾ VINH

Mượn nước lấy vật

Nhìn bóng đo cây

Trò chơi toán học

Bàn tính ngũ phân

Thả diều thư giãn

VŨ HỮU

Vật chứng hoàn hảo
Thần đồng toán học
NGUYỄN QUÁN NHO

Cơm cháy nghĩa tình
Nguồn sáng trí tuệ
Vớt bè trôi bãi tổ

HÀ TÔNG HUÂN

Thần đồng Kim Vực[35]
Trở tài đối đáp
Ân sư - Nhạc phụ

LÊ QUÍ ĐÔN

Biết chữ thưở lên hai
Đối chữ - Đối ý
Lớn hơn chữ lớn
Rắn đầu cứng cổ
Trí nhớ siêu việt